



TỔ CHỨC PHÒNG CHỐNG DOPING THẾ GIỚI
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ
VỀ KIỂM TRA VÀ ĐIỀU TRA
2023



TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ KIỂM TRA VÀ ĐIỀU TRA

Bộ Luật phòng, chống Doping thể giới, *Tiêu chuẩn Quốc tế về kiểm tra và điều tra* là Bộ *Tiêu chuẩn Quốc tế* được phát triển như một phần của chương trình phòng, chống Doping thể giới. Các văn bản này đều đã được tham vấn với *các bên ký kết*, các thể chế liên quan, các cơ quan công quyền và bên liên quan khác.

Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra được thông qua lần đầu tiên vào năm 2003 và có hiệu lực vào tháng 1 năm 2004. Sau đó được sửa đổi sáu lần, lần đầu tiên có hiệu lực vào tháng 1 năm 2009; lần thứ hai có hiệu lực từ tháng 1 năm 2011; lần thứ ba được đổi tên thành *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra (ISTI)*, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2015; lần thứ tư có hiệu lực từ tháng 1/2017; lần thứ năm có hiệu lực từ tháng 3 năm 2019; và lần thứ sáu có hiệu lực vào tháng 3 năm 2020 và lần thứ bảy có hiệu lực từ tháng 1 năm 2021. Buồi bản ISTI này kết hợp các bản sửa đổi tiếp theo được Ủy ban điều hành WADA phê duyệt vào tháng 9 và tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổ chức phòng, chống Doping Thế giới
Stock Exchange Tower
800 Place Victoria (Suite 1700)
PO Box 120
Montreal, Quebec
Canada H4Z 1B7
www.WADA-ama.org

SĐT: +1 514 904 9232
Fax: +1 514 904 8650
E-mail: code@WADA-ama.org

Mục lục

<i>TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ KIỂM TRA VÀ ĐIỀU TRA</i>	2
PHẦN MỘT	8
GIỚI THIỆU, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA <i>BỘ LUẬT</i> , <i>TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ</i> VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	8
1.0 Giới thiệu và Phạm vi.....	8
2.0 Các điều khoản của <i>bộ Luật</i>	8
3.0 Các thuật ngữ và giải thích.....	8
3.1 Các thuật ngữ của <i>bộ Luật</i> sử dụng trong <i>Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra</i>	8
3.2 Các thuật ngữ của <i>Tiêu chuẩn Quốc tế</i> dành cho các phòng xét nghiệm	13
3.3 Các thuật ngữ của <i>Tiêu chuẩn Quốc tế</i> đối với <i>Quản lý kết quả</i>	14
3.4 Các thuật ngữ của <i>Tiêu chuẩn Quốc tế</i> về bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân.....	15
3.5 Các thuật ngữ của <i>Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra</i>	15
3.6 Dẫn giải	17
PHẦN 2: CÁC TIÊU CHUẨN VỀ <i>KIỂM SOÁT DOPING</i>	18
4.0 Lập kế hoạch <i>kiểm tra</i>	18
4.1 Mục đích.....	18
4.2 Đánh giá nguy cơ	18
4.3 Xác định <i>vận động viên</i> cấp Quốc tế và Quốc gia	19
4.4 Ưu tiên giữa bộ môn và/hoặc nội dung thể thao	20
4.5 Ưu tiên giữa các <i>vận động viên</i> khác nhau	20
4.6 Ưu tiên giữa các loại xét nghiệm và <i>mẫu</i> khác nhau	22
4.7 Phân tích <i>mẫu</i> , Chiến lược lưu giữ và Phân tích thêm.....	23
4.8 Thu thập thông tin về nơi cư trú/tập luyện.....	23

4.9. Phối hợp với các <i>Tổ chức phòng, chống Doping</i> khác	34
5.0 Thông báo cho <i>Vận động viên</i>	35
5.1 Mục đích.....	35
5.2 Tổng quan.....	35
5.3 Yêu cầu trước khi thông báo cho <i>Vận động viên</i>	35
5.4 Yêu cầu về Thông báo cho <i>Vận động viên</i>	36
6.0 Chuẩn bị cho <i>Phiên lấy mẫu</i>	38
6.1 Mục đích.....	38
6.2 Tổng quan.....	38
6.3 Yêu cầu chuẩn bị cho <i>Phiên lấy mẫu</i>	38
7.0 Tiến hành <i>Phiên lấy mẫu</i>	40
7.1 Mục đích.....	40
7.2 Tổng quan.....	40
7.3 Yêu cầu trước khi lấy <i>mẫu</i>	41
7.4 Yêu cầu về <i>Lấy mẫu</i>	41
8.0 Bảo mật/Quản lý sau khi xét nghiệm	42
8.1 Mục đích.....	42
8.2 Tổng quan.....	42
8.3 Yêu cầu về An ninh/Quản lý sau khi xét nghiệm	43
9.0 Vận chuyển <i>mẫu</i> và tài liệu.....	43
9.1 Mục đích.....	43
9.2 Tổng quan.....	43
9.3 Yêu cầu về vận chuyển và lưu trữ <i>mẫu</i> và tài liệu	43
10.0 Quyền sở hữu <i>mẫu</i>	44
PHẦN BA: TIÊU CHUẨN THU THẬP VÀ ĐIỀU TRA THÔNG TIN TÌNH BÁO.....	45
11.0 Thu thập, Đánh giá và Sử dụng Thông tin Tình báo.....	45

11.1 Mục đích.....	45
11.2 Thu thập Tình báo Chống Doping	45
11.3 Đánh giá và Phân tích Thông tin tình báo Phòng, Chống Doping.....	45
11.4 Kết quả tình báo	46
12.0 Điều tra.....	46
12.1 Mục đích.....	46
12.2 Điều tra các hành vi vi phạm luật phòng chống doping có thể xảy ra	46
12.3 Kết quả điều tra	47
PHỤ LỤC A - SỬA ĐỔI CHO <i>VẬN ĐỘNG VIÊN</i> CÓ KHUYẾT TẬT	49
A. 1. Mục đích.....	49
A. 2. Phạm vi	49
A. 3. Trách nhiệm.....	49
A.4. Yêu cầu	49
PHỤ LỤC B - SỬA ĐỔI CHO <i>VẬN ĐỘNG VIÊN</i> VỊ THÀNH NIÊN	51
B. 1 Mục đích	51
B. 2 Phạm vi	51
B. 3 Trách nhiệm	51
B.4 Yêu cầu	51
PHỤ LỤC C - LẤY <i>MẪU</i> NƯỚC TIỂU	53
C. 1 Mục đích	53
C. 2 Phạm vi	53
C. 3 Trách nhiệm	53
C. 4 Yêu cầu	53
PHỤ LỤC D - LẤY <i>MẪU</i> MÁU TĨNH MẠCH.....	55
D. 1 Mục đích.....	55
D. 2 Phạm vi.....	55

D. 3 Trách nhiệm.....	55
PHỤ LỤC E - <i>MẪU NƯỚC TIÊU - KHÔNG ĐỦ THỂ TÍCH</i>	57
E. 1 Mục đích	57
E. 2 Phạm vi	57
E. 3 Trách nhiệm	57
E. 4 Yêu cầu	57
PHỤ LỤC F - <i>MẪU NƯỚC TIÊU KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ TRỌNG LƯỢNG CỤ THỂ PHÙ HỢP ĐỂ PHÂN TÍCH</i>	58
F. 1 Mục đích.....	58
F. 2 Phạm vi.....	58
F. 3 Trách nhiệm	58
F. 4 Yêu cầu.....	58
PHỤ LỤC G - <i>YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN LẤY MẪU</i>	60
G. 1 Mục đích.....	60
G. 2 Phạm vi.....	60
G. 3 Trách nhiệm.....	60
G. 4 Yêu cầu - Trình độ và Đào tạo	60
G. 5 Yêu cầu - Công nhận, Tái công nhận và Ủy quyền	61
PHỤ LỤC H - <i>KIỂM TRA TẠI GIẢI ĐẤU</i>	62
H. 1 Mục đích.....	62
H. 2 Phạm vi.....	62
H. 3 Trách nhiệm.....	62
H. 4 Yêu cầu.....	62
PHỤ LỤC I - <i>THU THẬP, LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN MẪU SINH HỒ SƠ SINH HỌC CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN</i>	64
1.1 Mục đích.....	64
1.2 Yêu cầu.....	64

1.4 Yêu cầu về vận chuyển.....	65
--------------------------------	----

PHỤ LỤC J - THU THẬP, LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN <i>MẪU</i> MÁU KHÔ	67
---	----

J.1 Mục đích	67
--------------------	----

J.2 Phạm vi	67
-------------------	----

J.3 Trách nhiệm	67
-----------------------	----

J.4. Yêu cầu đối với Thiết bị lấy <i>mẫu</i> máu khô	67
--	----

J.5 Quy định về <i>mẫu</i> điếm máu khô.....	68
--	----

J.6 Yêu cầu về Vận chuyển	70
---------------------------------	----

PHỤ LỤC K - LẤY <i>MẪU</i> NƯỚC TIÊU TRONG MÔI TRƯỜNG ẢO TRONG ĐẠI DỊCH.....	71
---	----

K.1 Mục đích.....	71
-------------------	----

K.2 Phạm vi.....	71
------------------	----

K.3 Trách nhiệm.....	71
----------------------	----

K.4 Yêu cầu.....	72
------------------	----

GIỚI THIỆU, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA BỘ LUẬT, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA

1.0 Giới thiệu và Phạm vi

Mục đích chính của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm soát Dopning* và điều tra là lập kế hoạch cho việc *kiểm tra* một cách hiệu quả cả Trong và Ngoài thi đấu; đảm bảo tính toàn vẹn và chính xác của *mẫu* thu thập được từ lúc *vận động viên* được thông báo *kiểm tra* cho đến khi các *mẫu* được gửi tới phòng xét nghiệm. Cho tới các mục cuối cùng này, *Tiêu chuẩn Quốc tế* này (bao gồm cả các phụ lục) đề ra các tiêu chuẩn bắt buộc cho việc lập Đánh giá nguy cơ (gồm cả việc thu thập và sử dụng thông tin cư trú/tập luyện của *vận động viên*), thông báo cho *vận động viên*, chuẩn bị và tiến hành lấy *mẫu*, các yếu tố an ninh/quản lý sau lấy *mẫu* và tài liệu liên quan, vận chuyển *mẫu* tới phòng xét nghiệm.

Mục đích thứ hai của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra là thiết lập các tiêu chuẩn bắt buộc về việc thu thập đầy đủ và hiệu quả, đánh giá và sử dụng các thông tin về phòng, chống Dopning cũng như tiến hành điều tra hiệu quả và đầy đủ về các khả năng vi phạm luật phòng, chống Dopning.

Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra sẽ được hỗ trợ bằng các tài liệu kỹ thuật do WADA xuất bản nhằm tăng cường thêm các chi tiết để hỗ trợ cho các tổ chức phòng, chống Dopning Quốc gia thực hiện nhiệm vụ của họ theo các chương trình phòng, chống Dopning thể giới. Các tài liệu kỹ thuật này là bắt buộc. Các quy trình *Quản lý kết quả* được nêu trong buổi bản trước của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra sẽ được phản ánh trong *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*.

Các thuật ngữ được sử dụng trong *Tiêu chuẩn Quốc tế* này là các thuật ngữ được định nghĩa từ Bộ Luật được in nghiêng. Thuật ngữ được định nghĩa trong tiêu chuẩn này hoặc *Tiêu chuẩn Quốc tế* khác được gạch chân.

2.0 Các điều khoản của bộ Luật

Các điều khoản sau đây trong bộ Luật liên quan trực tiếp đến *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra; chúng có thể được trích dẫn từ chính bộ Luật:

- Điều 2 Các Vi phạm Luật phòng, chống Dopning
- Điều 5 *Kiểm tra* và Điều tra
- Điều 6 Phân tích *mẫu*
- Điều 8 *Quản lý kết quả*: Quyền được tham gia buổi điều trần và thông báo quyết định điều trần
- Điều 10 Các chế tài đối với cá nhân
- Điều 12 Các chế tài của các bên ký kết đối với các cơ quan thể thao
- Điều 13 *Quản lý kết quả*: Kháng cáo
- Điều 14 Bảo mật và báo cáo
- Điều 20 Vai trò và Trách nhiệm bổ sung của các bên ký kết và WADA
- Điều 21 Vai trò và trách nhiệm bổ sung của *vận động viên* và các cá nhân khác.
- Điều 23 Chấp thuận và thực hiện

3.0 Các thuật ngữ và giải thích

3.1 Các thuật ngữ của bộ Luật sử dụng trong Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra

ADAMS: Hệ thống Quản trị dữ liệu phòng chống Dopning là một công cụ quản lý cơ sở dữ liệu thông qua mạng máy tính để truy cập, nhập, lưu trữ, chia sẻ và công bố thông tin để hỗ



trợ các bên liên quan và WADA trong các hoạt động phòng chống Doping phù hợp với luật bảo vệ dữ liệu.

Phát hiện bất lợi khi phân tích (Adverse Analytical Finding): Phát hiện của phòng xét nghiệm được WADA công nhận hoặc phòng xét nghiệm đã được WADA chứng nhận, phù hợp với *Tiêu chuẩn Quốc tế* về phòng xét nghiệm Doping, xác định trong *Mẫu có Chất cấm* hoặc *Chất chuyển hóa* hoặc *Dấu hiệu* hoặc bằng chứng về việc sử dụng *Phương pháp cấm*.

Phát hiện bất lợi trên hồ sơ (Adverse Passport Finding): Kết quả được xác định là *phát hiện bất lợi trên hồ sơ* như trong các *Tiêu chuẩn Quốc tế* hiện hành.

Tổ chức phòng chống Doping (Anti-Doping Organization): WADA hoặc *Bên ký kết* chịu trách nhiệm thông qua các quy tắc để bắt đầu, thực hiện hoặc thi hành bất kỳ công đoạn nào trong quy trình *Kiểm soát Doping*. Các tổ chức này bao gồm: Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các *Cơ quan tổ chức giải thi đấu lớn* có tiến hành *Kiểm soát Doping* tại các *Giải đấu* đó, Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng chống Doping* quốc gia.

Vận động viên (Athlete): Bất kỳ cá nhân nào thi đấu thể thao ở cấp quốc tế (được xác nhận bởi Liên đoàn quốc tế) hoặc cấp quốc gia (được xác nhận bởi *Tổ chức phòng chống Doping quốc gia*). *Tổ chức phòng chống Doping* có toàn quyền áp dụng các Quy định phòng chống Doping cho một *Vận động viên* cấp quốc tế hoặc *vận động viên* cấp quốc gia, được gọi là “*Vận động viên*”. Đối với các *Vận động viên* là *Vận động viên* cấp Quốc tế hoặc cấp Quốc gia, *Tổ chức phòng chống Doping* có thể chọn: kiểm tra hoặc không; phân tích ít *Mẫu* hơn trong toàn bộ danh mục *Chất cấm*; yêu cầu thông tin giới hạn; hoặc không yêu cầu *TUE* trước. Tuy nhiên, nếu bất kỳ *Vận động viên* được *Tổ chức phòng, chống Doping* chọn để thực hiện thẩm quyền xét nghiệm và thi đấu ở cấp độ dưới mức quốc tế hoặc quốc gia vi phạm Quy định phòng chống Doping theo Điều 2.1, 2.3 hoặc 2.5, thì phải áp dụng *Hình thức xử phạt* quy định trong *Bộ Luật*. Đối với mục đích của Điều 2.8 và Điều 2.9 và đối với mục đích thông tin và *Giáo dục* về phòng chống doping, những *Người* tham gia thể thao theo thẩm quyền của các *bên ký kết*, chính phủ hoặc tổ chức thể thao khác chấp nhận *Bộ Luật* đều là *Vận động viên*.

Chủ giải cho Vận động viên: Các cá nhân tham gia thể thao có thể thuộc một trong năm loại: 1) *Vận động viên cấp quốc tế*, 2) *Vận động viên cấp quốc gia*, 3) *Cá nhân không phải là vận động viên cấp quốc tế hoặc cấp quốc gia nhưng đã được Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống Doping quốc gia chọn để thực hiện thẩm quyền*, 4) *Vận động viên môn thể thao giải trí*, và 5) các *Cá nhân không có Liên đoàn Quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống Doping Quốc gia nào chọn thực hiện quyền hạn*. Tất cả các *vận động viên cấp quốc tế và cấp quốc gia* đều phải tuân theo quy định phòng, chống Doping của *Bộ Luật*, với các định nghĩa chính xác về thể thao cấp quốc gia và quốc tế được quy định trong *Luật phòng, chống Doping* của Liên đoàn quốc tế và các *Tổ chức phòng chống Doping quốc gia*.

Hồ sơ sinh học của vận động viên (Athlete Biological Passport): Chương trình và phương pháp lấy mẫu và đối chiếu dữ liệu như trong *Tiêu chuẩn Quốc tế* về Kiểm tra và Điều tra, *Tiêu chuẩn Quốc tế* về Phòng xét nghiệm.

Người hỗ trợ vận động viên (Athlete Support Personnel): Bất kỳ huấn luyện viên, quản lý, đại diện, nhân viên đội tuyển, quan chức, nhân viên y tế, nhân viên hỗ trợ y tế, phụ huynh hoặc bất kỳ cá nhân nào làm việc, hỗ trợ, điều trị cho *vận động viên* khi chuẩn bị thi đấu hoặc thi đấu thể thao.

Nỗ lực (Attempt): Cố ý tham gia vào hành vi cấu thành một phần quan trọng trong quá trình vi phạm Luật phòng chống doping. Tuy nhiên, hành vi vi phạm Luật phòng chống doping sẽ không chỉ dựa trên một lần *Nỗ lực* thực hiện hành vi vi phạm nếu *Người* đó không thực hiện nữa trước khi bị bên thứ ba không liên quan phát hiện ra.

Phát hiện chưa rõ ràng (Atypical Finding): báo cáo từ phòng xét nghiệm được WADA công nhận hoặc phòng xét nghiệm khác được WADA chấp thuận mà cần phải điều tra thêm theo quy định của *Tiêu chuẩn Quốc tế* về phòng xét nghiệm hoặc các *Tài liệu kỹ thuật* liên quan trước khi xác định *Kết quả phân tích bất lợi*.



Phát hiện bất lợi trên hồ sơ (Atypical Passport Finding): Báo cáo mô tả dưới dạng *Phát hiện bất lợi trên hồ sơ* như mô tả trong các *Tiêu chuẩn Quốc tế* hiện hành.

CAS: Tòa án Trọng tài Thể thao.

Code: Bộ Luật phòng, chống Doping.

Cuộc thi đấu (Competition): Một cuộc đua, trận đấu, trò chơi hoặc *Cuộc thi* thể thao đơn lẻ. Ví dụ, một trận đấu bóng rổ hoặc trận chung kết Olympic nội dung 100 mét môn điền kinh. Đối với các cuộc đua theo chặng và các *Cuộc thi* thể thao khác mà giải thưởng được trao hàng ngày hay thành tích được tính trên cơ sở tạm thời khác, thì việc phân biệt giữa *Cuộc thi* và *Giải đấu* sẽ được quy định trong luật của Liên đoàn Quốc tế hiện hành.

Hình thức xử phạt vi phạm Quy định phòng chống Doping “Hình thức xử phạt” (Consequences of Anti-Doping Rule Violations): Vận động viên hoặc Cá nhân nào vi phạm Quy định phòng chống Doping có thể dẫn đến các trường hợp sau: (a) Bị trước quyền thi đấu có nghĩa là kết quả của *Vận động viên* trong *Cuộc thi* hoặc *Giải đấu* cụ thể bị vô hiệu, với các *Hình thức xử phạt* bao gồm: tước bỏ mọi huy chương, điểm và giải thưởng; (b) Cấm thi đấu có nghĩa là *Vận động viên* hoặc *Cá nhân* bị cấm do vi phạm Quy định phòng chống Doping trong khoảng thời gian xác định kể từ khi tham gia bất kỳ *Cuộc thi*, hoạt động nào như quy định tại Điều 10.14.1; (c) *Tạm đình chỉ* có nghĩa là *Vận động viên* hoặc *Cá nhân* tạm thời bị cấm tham gia bất kỳ *Cuộc thi*, hoạt động nào trước khi có quyết định cuối cùng tại buổi điều trần được tiến hành theo Điều 8; (d) Hình thức xử phạt Tài chính nghĩa là một hình phạt tài chính được áp dụng đối với hành vi vi phạm Quy định phòng chống Doping hoặc để thu hồi chi phí liên quan đến vi phạm Quy định phòng chống Doping; và (e) Tiết lộ công khai có nghĩa là phổ biến hoặc công khai thông tin cho công chúng hoặc những *Người* không phải là *Người* có quyền được thông báo sớm theo Điều 14. Các đội trong Thể thao đồng đội cũng có thể phải chịu các *Hình thức xử phạt* như quy định tại Điều 11.

Giới hạn quyết định (Decision limit): Giá trị của kết quả đối với ngưỡng của chất trong *mẫu*, trên đó sẽ được báo cáo là *Kết quả phân tích bất lợi*, như được định nghĩa trong *Tiêu chuẩn Quốc tế* về phòng xét nghiệm.

Các bên thứ ba được ủy quyền (Delegated Third Parties): Bất kỳ *Cá nhân* nào được *Tổ chức phòng chống Doping* ủy quyền cho một phần Chương trình *Kiểm soát Doping* hoặc *Giáo dục phòng chống Doping* bao gồm: không giới hạn bên thứ ba, các *Tổ chức phòng chống Doping* khác tiến hành lấy *Mẫu*, các dịch vụ *Kiểm soát Doping*, các chương trình *Giáo dục phòng chống Doping* cho *Tổ chức phòng chống Doping* hoặc các *Cá nhân* làm nhà thầu độc lập thực hiện các dịch vụ *Kiểm soát Doping* cho *Tổ chức phòng chống Doping* (ví dụ: Nhân viên hoặc *Người* không phải là nhân viên *Kiểm soát Doping*). Định nghĩa này không bao gồm CAS.

Kiểm soát Doping (Doping Control): Tất cả các bước và quy trình từ lập kế hoạch, xét nghiệm cho đến xử lý bất kỳ khiếu nại nào và việc thực thi *Hình thức xử phạt*, bao gồm tất cả các bước và quy trình, nhưng không giới hạn *Kiểm tra*, điều tra, địa điểm, *TUE*, lấy và xử lý *mẫu*, phân tích trong phòng xét nghiệm, *Quản lý kết quả* và điều tra hoặc tố tụng liên quan đến vi phạm Điều 10.14 (Tư cách trong thời gian *Cấm thi đấu* hoặc *Tạm đình chỉ*).

Giáo dục (educaton): Quá trình học tập để thu nhận các giá trị và phát triển các hành vi cổ vũ và bảo vệ tinh thần thể thao, và ngăn ngừa việc cố ý và vô ý sử dụng doping.

Giải đấu (Event): Các *Cuộc thi* được tiến hành cùng nhau dưới sự kiểm soát của một tổ chức có thẩm quyền (Ví dụ như Thế vận hội Olympic, Giải vô địch thế giới của một Liên đoàn quốc tế, hoặc Đại hội thể thao liên Mỹ).

Địa điểm thi đấu (Event Venues): Những địa điểm do cơ quan quản lý chỉ định cho *Giải đấu*.

Trong thi đấu (In-Competition): Là thời gian bắt đầu lúc 11:59 tối ngày trước *Cuộc thi* mà *Vận động viên* sẽ tham gia, cho đến khi kết thúc *Cuộc thi* và quá trình lấy *Mẫu* liên quan đến *Cuộc thi* đó. Tuy nhiên, WADA có thể chấp thuận, đối với một môn thể thao cụ thể, một định nghĩa thay thế nếu một Liên đoàn quốc tế đưa ra lý do chính đáng rằng cần có một định nghĩa



khác cho môn thể thao của mình; sau khi được WADA chấp thuận, định nghĩa thay thế đó sẽ được tất cả các *Tổ chức Giải đấu lớn* áp dụng cho môn thể thao cụ thể đó.

Chủ giải Trong thi đấu: Định nghĩa Trong thi đấu được chấp thuận toàn cầu và có sự cân đối ở các môn thể thao cho Vận động viên, nhằm loại bỏ hoặc giảm nhầm lẫn giữa các Vận động viên về khung thời gian Kiểm soát Doping Trong thi đấu, tránh các Phát hiện bất lợi khi phân tích giữa các Cuộc thi. Đồng thời ngăn việc nâng cao thể lực nhờ các Chất cấm được dùng trong giai đoạn Thi đấu.

Chương trình quan sát độc lập (Independent Observe Program): Đội ngũ các quan sát viên dưới sự giám sát của WADA, những Người theo dõi và cung cấp hướng dẫn quy trình Kiểm soát Doping trước hoặc trong các Giải đấu cụ thể và báo cáo lại kết quả quan sát của họ như là một phần của chương trình giám sát sự tuân thủ của WADA.

Cấm thi đấu (Ineligibility): Xem Hình thức xử phạt của vi phạm Quy định phòng chống Doping bên trên.

Giải đấu quốc tế (International Event): Một Cuộc thi hay Giải đấu do Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, Liên đoàn quốc tế, Cơ quan Tổ chức Giải đấu lớn hoặc Các đơn vị tổ chức thể thao quốc tế khác là chủ thể có thẩm quyền tổ chức Giải đấu hoặc bổ nhiệm các cán bộ kỹ thuật cho Giải đấu.

Vận động viên cấp Quốc tế (International-Level Athlete): Các vận động viên thi đấu thể thao ở cấp độ quốc tế, theo định nghĩa của mỗi Liên đoàn Quốc tế, phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra.

Chủ giải Vận động viên Cấp Quốc tế: theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra, Liên đoàn Quốc tế xác định các tiêu chí mà Liên đoàn Quốc tế sẽ sử dụng để phân loại Vận động viên là Vận động viên Cấp Quốc tế, ví dụ: theo xếp hạng, bằng cách tham gia các Giải đấu Quốc tế cụ thể, theo loại giấy phép, v.v ... Tuy nhiên, phải công bố các tiêu chí đó rõ ràng và ngắn gọn, để các vận động viên có thể xác định nhanh chóng, và biết khi nào họ sẽ được xếp vào loại Vận động viên cấp quốc tế. Ví dụ: nếu tiêu chí bao gồm việc tham gia các Giải đấu Quốc tế nhất định, thì Liên đoàn Quốc tế phải xuất bản danh sách các Giải đấu Quốc tế đó

Tiêu chuẩn Quốc tế (International Standard): Bộ tiêu chuẩn được WADA thông qua để hỗ trợ Bộ Luật. Việc tuân thủ một Tiêu chuẩn Quốc tế (trái với tiêu chuẩn, lý thuyết và thực tiễn khác) đủ để kết luận rằng các quy trình được đề cập trong tiêu chuẩn đã được thực hiện đúng. Tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm bất kỳ Tài liệu kỹ thuật nào được ban hành theo Tiêu chuẩn Quốc tế.

Cơ quan Tổ chức Giải đấu lớn (Major Event Organization): Các hiệp hội châu lục của các Ủy ban Olympic quốc gia và Cơ quan tổ chức các môn thể thao quốc tế khác có chức năng quản lý đối với bất kỳ Giải đấu quốc tế nào ở châu lục, khu vực hoặc các Giải đấu quốc tế khác.

Dấu hiệu (Marker): Một hợp chất, nhóm hợp chất hoặc (các) biến số sinh học cho phép nhận biết việc sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm.

Vị thành niên (Minor): Người chưa đến 18 tuổi.

Tổ chức phòng chống Doping quốc gia (National Anti-Doping Organization): Tổ chức cá nhân được mỗi Nhà nước chỉ định là có thẩm quyền và trách nhiệm chính đối với việc áp dụng và thực thi Quy định phòng chống Doping, trực tiếp lấy Mẫu, quản lý các kết quả xét nghiệm và lưu các kết quả ở mức quốc gia. Nếu Nhà nước không thực hiện việc chỉ định này thì tổ chức cá nhân thực hiện các việc này sẽ là Ủy ban Olympic quốc gia hoặc là tổ chức do Olympic quốc gia nước đó chỉ định.

Các Giải đấu cấp quốc gia (National Event): Giải đấu hoặc thi đấu thể thao liên quan đến các vận động viên cấp quốc tế hoặc quốc gia không mang tính Quốc tế.

Vận động viên cấp quốc gia (National-Level Athlete): các vận động viên thi đấu thể thao ở cấp quốc gia, theo định nghĩa của mỗi Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra.



Ủy ban Olympic quốc gia (National Olympic Committee - NOC): Là tổ chức được Ủy ban Olympic quốc tế công nhận. Tên gọi Ủy ban Olympic quốc gia cũng bao gồm cả Liên đoàn các hiệp hội thể thao quốc gia tại các quốc gia nơi mà Liên đoàn các hiệp hội thể thao quốc gia đảm đương trách nhiệm đặc thù của ủy ban Olympic quốc gia trong lĩnh vực chống doping.

Ngoài thi đấu (Out-of-Competition): Bất kỳ giai đoạn nào không phải là Trong thi đấu.

Cá nhân (Person): Một cá nhân, một tổ chức hoặc đơn vị khác.

Phương pháp cấm (Prohibited Method): Bất kỳ phương pháp nào được mô tả trong Danh sách cấm.

Chất cấm (Prohibited Substance): Bất kỳ chất nào, hoặc nhóm chất nào được mô tả trong Danh sách cấm.

Người được bảo vệ (Protected Person): Vận động viên hoặc cá nhân khác tại thời điểm vi phạm luật phòng, chống doping: (i) chưa đủ mười sáu (16) tuổi; (ii) chưa đủ mười tám (18) tuổi và không thuộc bất kỳ nhóm đăng ký xét nghiệm nào và chưa từng tham gia bất kỳ Giải đấu Quốc tế nào ở hạng mục mở; hoặc (iii) vì các lý do khác ngoài tuổi tác, được xác định là không đủ năng lực pháp lý theo luật quốc gia hiện hành.

[Chú giải cho Người được bảo vệ: Bộ Luật xem Người được bảo vệ khác với các Vận động viên hoặc Cá nhân khác trong một số trường hợp nhất định dựa trên nhận định, dưới một độ tuổi hoặc khả năng trí tuệ nhất định, Vận động viên hoặc Cá nhân khác có thể không có năng lực tinh thần để hiểu và đánh giá những điều cấm đối với hành vi có trong Bộ Luật. Điều này sẽ bao gồm, ví dụ, một Vận động viên Paralympic bị thiếu năng lực pháp lý được ghi nhận do thiếu năng lực trí tuệ. Thuật ngữ “danh mục mở” có nghĩa là để loại trừ cạnh tranh được giới hạn ở danh mục nhóm tuổi hoặc nhóm tuổi.]

Tạm đình chỉ (Provision Suspension): Xem Hình thức xử phạt của việc Vi phạm Quy định phòng chống Doping ở trên.

Vận động viên môn thể thao giải trí (Recreational Athlete): Cá nhân được Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia xác định; tuy nhiên với điều kiện là thuật ngữ này sẽ không bao gồm Người mà trong vòng năm (5) năm trước đã vi phạm luật phòng, chống doping, đã là Vận động viên cấp quốc tế (theo định nghĩa của mỗi Liên đoàn quốc tế phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra) hoặc Vận động viên cấp quốc gia (theo định nghĩa của mỗi Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra), đã đại diện cho bất kỳ quốc gia nào trong các giải thi đấu quốc tế ở hạng mục mở hoặc đã được đưa vào bất kỳ Nhóm đăng ký xét nghiệm hoặc khai báo thông tin cư trú/tập luyện được duy trì bởi bất kỳ Liên đoàn Quốc tế hoặc Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia nào.

[Chú giải cho vận động viên môn thể thao giải trí: Thuật ngữ “danh mục mở” có nghĩa là để loại trừ sự cạnh tranh được giới hạn ở các danh mục nhóm tuổi nhỏ hoặc lứa tuổi.]

Nhóm đăng ký kiểm tra (Registered Testing Pool): Nhóm các vận động viên có mức độ ưu tiên cao nhất được các Liên đoàn Quốc tế thành lập riêng ở cấp quốc tế và ở cấp quốc gia bởi các Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, những Người này sẽ Kiểm tra Trong thi đấu và Ngoài thi đấu như một phần kế hoạch xét nghiệm của Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống Doping quốc gia đó và do đó được yêu cầu cung cấp thông tin về nơi cư trú, tập luyện như quy định tại Điều 5.5 và Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra.

Quản lý kết quả (Result Management): Quy trình bao gồm khung thời gian giữa các lần thông báo theo Điều 5 của Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả, hoặc trong một số trường hợp nhất định (ví dụ: Phát hiện bất lợi khi phân tích, Hồ sơ sinh học của vận động viên, không cung cấp thông tin về nơi cư trú, tập luyện), các bước thông báo trước được quy định rõ ràng trong Điều 5 của Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả, thông qua cáo buộc cho đến khi giải quyết vấn đề cuối cùng, bao gồm cả việc kết thúc quá trình điều trần ở cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có đơn kháng cáo).

Mẫu hoặc Mẫu xét nghiệm (Sample or Specimen): Bất kỳ vật liệu sinh học nào được lấy cho mục đích Kiểm soát Doping.



Chú giải về Mẫu hoặc Mẫu xét nghiệm: Đôi khi Người ta cho rằng việc lấy Mẫu máu vi phạm nguyên lý của một số nhóm tôn giáo hoặc văn hóa nhất định. Điều này đã được xác định rằng không có cơ sở cho bất kỳ tuyên bố nào như vậy.

Bên ký kết (Signatories): Các đơn vị chấp nhận Bộ Luật và đồng ý thực hiện Bộ Luật, như quy định tại Điều 23.

Hỗ trợ cơ bản (Substantial Assistance): Đối với các Điều 10.7.1, Người cung cấp Hỗ trợ cơ bản phải: (1) kê khai đầy đủ bằng văn bản có chữ ký hoặc cuộc phỏng vấn được ghi lại tất cả thông tin mà họ có liên quan đến vi phạm luật phòng, chống Doping hoặc các thủ tục khác được mô tả trong Điều 10.7.1.1, và (2) hoàn toàn hợp tác với việc điều tra và xét xử bất kỳ trường hợp hoặc vấn đề nào liên quan đến thông tin đó, bao gồm, ví dụ, trình bày lời khai tại buổi điều trần nếu Tổ chức phòng chống Doping hoặc ban điều trần yêu cầu. Ngoài ra, thông tin được cung cấp phải đáng tin cậy và phải bao gồm phần quan trọng của bất kỳ vụ việc hoặc thủ tục nào. Nếu không có vụ việc hoặc thủ tục nào được khởi xướng, phải cung cấp đủ cơ sở của vụ việc hoặc thủ tục tố tụng.

Hành vi can thiệp (Tampering) Hành vi cố ý phá hoại quy trình Kiểm soát Doping nhưng không phải lúc nào cũng được đưa vào định nghĩa về các Phương pháp cấm. Hành vi can thiệp sẽ bao gồm nhưng không giới hạn, đưa ra hoặc nhận hối lộ để thực hiện hoặc không thực hiện một hành vi, ngăn cản việc lấy mẫu, ảnh hưởng hoặc làm mẫu không thể phân tích, làm sai lệch tài liệu nộp cho Tổ chức phòng, chống Doping hoặc ủy ban TUE hoặc hội đồng điều trần, thu thập lời khai sai từ các nhân chứng, thực hiện bất kỳ hành vi gian lận nào khác đối với Tổ chức phòng, chống Doping hoặc cơ quan điều trần để ảnh hưởng đến Quản lý kết quả hoặc việc áp đặt Hậu quả, và bất kỳ sự can thiệp cố ý tương tự nào khác hoặc Cố gắng can thiệp vào bất kỳ khía cạnh nào của Kiểm soát Doping.

Chú giải về Hành vi can thiệp: Ví dụ: Điều khoản này cấm việc thay đổi số nhận dạng trên biên bản trong quá trình lấy mẫu, làm vỡ chai B tại thời điểm phân tích Mẫu "B", thay đổi Mẫu bằng cách thêm chất lạ, đe dọa hoặc cố gắng đe dọa nhân chứng tiềm năng hoặc nhân chứng đã cung cấp lời khai hoặc thông tin trong quy trình lấy mẫu Kiểm soát Doping. Can thiệp bao gồm các hành vi sai trái xảy ra trong quá trình Điều trần và Quản lý kết quả. Xem Điều 10.9.3.3. Tuy nhiên, các hành động được thực hiện như một phần của biện pháp bảo vệ chính đáng của Cá nhân đối với cáo buộc vi phạm quy tắc chống doping sẽ không bị coi là Can thiệp. Hành vi tấn công đối với một cán bộ lấy mẫu hoặc Người khác có liên quan đến việc Kiểm soát Doping không cấu thành Hành vi can thiệp sẽ được đề cập trong các quy tắc kỷ luật của các tổ chức thể thao.

Kiểm soát Doping có chủ đích (Target Testing): Lựa chọn các vận động viên cụ thể để kiểm tra dựa trên các tiêu chí được quy định trong Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra.

Thể thao đồng đội (Team sport) Một môn thể thao được phép thay thế Người chơi trong một cuộc thi.

Tài liệu kỹ thuật (Technical Document): Một tài liệu được WADA thông qua và xuất bản theo từng thời điểm, bao gồm các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc về các chủ đề phòng, chống doping cụ thể như được quy định trong các Tiêu chuẩn Quốc tế.

Kiểm soát Doping (Testing): Các công đoạn của quá trình Kiểm soát Doping từ việc lập kế hoạch kiểm tra, lấy mẫu, quản lý mẫu và vận chuyển mẫu đến Phòng xét nghiệm.

WADA: Tổ chức phòng, chống Doping thế giới

3.2 Các thuật ngữ của Tiêu chuẩn Quốc tế dành cho các phòng xét nghiệm

Phòng xét nghiệm ABP (ABP Laboratory): Phòng xét nghiệm không được WADA công nhận, được WADA chấp thuận áp dụng các Phương pháp Phân tích và quy trình phân tích để hỗ trợ cho mô-đun huyết học của chương trình ABP và theo tiêu chí chấp thuận của các phòng xét nghiệm không được công nhận cho ABP.

Kiểm tra phân tích (Analytical Testing): Các phần của quy trình Kiểm soát Doping được thực hiện tại Phòng thí nghiệm, bao gồm xử lý mẫu, phân tích và báo cáo kết quả.

Quy trình Kiểm tra phân tích (Analytical Testing Procedure): Một quy trình phù hợp với mục đích, được chứng minh thông qua xác nhận phương pháp và được sử dụng để phát hiện, xác định và/hoặc định lượng các chất phân tích trong mẫu cho mục đích Kiểm soát Doping theo ISL và các Tài liệu kỹ thuật, Thư kỹ thuật hoặc Hướng dẫn Phòng thí nghiệm có liên quan. Quy trình thử nghiệm phân tích cũng được gọi hoặc được biết đến là Phương pháp Phân tích hoặc Phương pháp thử nghiệm.

Đơn vị quản lý hồ sơ vận động viên (Athlete Passport Management Unit -APMU): Một đơn vị bao gồm một Cá nhân hoặc nhiều Người chịu trách nhiệm quản lý kịp thời hồ sơ sinh học của vận động viên trong ADAMS thay mặt cho Người quản lý hồ sơ.

Quy trình xác nhận (Confirmation Procedure - CP): Quy trình kiểm tra phân tích có mục đích xác nhận sự hiện diện và/hoặc, khi có thể, xác nhận nồng độ/tỷ lệ/điểm số và/hoặc thiết lập nguồn gốc (ngoại sinh hoặc nội sinh) của một hoặc nhiều Chất cấm cụ thể, (các) chất chuyển hóa của chất cấm, hoặc (các) chất đánh dấu việc sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm trong mẫu thử.

Phân tích sâu hơn (Further Analysis): Phân tích sâu hơn, theo thuật ngữ này được sử dụng trong ISL, xảy ra khi Phòng thí nghiệm tiến hành phân tích bổ sung trên Mẫu "A" hoặc Mẫu "B" sau khi Phòng thí nghiệm báo cáo kết quả phân tích cho Mẫu "A" hoặc Mẫu "B" đó.

[*Chú giải: Không có giới hạn nào đối với thẩm quyền của Phòng xét nghiệm trong việc tiến hành phân tích lặp lại hoặc xác nhận, hoặc phân tích Mẫu bằng các Phương pháp Phân tích bổ sung, hoặc thực hiện bất kỳ loại phân tích bổ sung nào khác trên Mẫu "A" hoặc Mẫu "B" trước khi báo cáo kết quả phân tích trên Mẫu đó. Điều đó không được coi là Phân tích thêm.*

Nếu Phòng xét nghiệm tiến hành phân tích bổ sung trên Mẫu "A" hoặc Mẫu "B" sau khi kết quả phân tích cho Mẫu đó đã được báo cáo (ví dụ: phân tích Mẫu bổ sung để phát hiện EPO, hoặc phân tích GC/C/iRMS, hoặc phân tích liên quan đến Hồ sơ sinh học của vận động viên hoặc phân tích bổ sung trên Mẫu đã lưu trữ), Phòng xét nghiệm có thể thực hiện sau khi nhận được sự chấp thuận từ Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan Quản lý kết quả (nếu khác) hoặc WADA. Tuy nhiên, sau khi một Vận động viên bị buộc tội vi phạm quy định chống doping theo Điều 2.1 của Bộ Luật dựa trên sự hiện diện của Chất cấm, Chất chuyển hóa của Chất cấm hoặc Dấu hiệu sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm trong Mẫu, sau đó Phân tích thêm đối với Mẫu đó chỉ có thể được thực hiện khi có sự đồng ý của Vận động viên hoặc sự chấp thuận của cơ quan điều trần (xem Điều 6.5 của Bộ Luật).

Phân tích thêm có thể được thực hiện bởi cùng Phòng thí nghiệm đã thực hiện Xét nghiệm phân tích ban đầu hoặc bởi một Phòng thí nghiệm khác hoặc Phòng thí nghiệm khác được WADA chấp thuận, theo chỉ đạo của Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan Quản lý kết quả (nếu khác) hoặc WADA. Bất kỳ Tổ chức phòng, chống Doping nào khác muốn tiến hành Phân tích thêm đối với Mẫu đã lưu trữ có thể thực hiện với sự cho phép của Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan Quản lý kết quả (nếu khác) hoặc WADA và sẽ chịu trách nhiệm cho bất kỳ Quản lý kết quả nào theo dõi. Bất kỳ việc lưu trữ Mẫu hoặc Phân tích thêm nào do WADA hoặc Tổ chức phòng, chống Doping khác khởi xướng sẽ do WADA hoặc Tổ chức phòng, chống Doping đó chi trả.]

Phòng xét nghiệm (Laboratory): Phòng xét nghiệm được WADA công nhận áp dụng các Phương pháp và Quy trình xét nghiệm để cung cấp dữ liệu chứng minh cho việc phát hiện và/hoặc xác định các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm trong Danh sách cấm và, nếu có, định lượng Ngưỡng Chất trong Mẫu nước tiểu và các chất nền sinh học khác trong bối cảnh các hoạt động Kiểm soát Doping.

3.3 Các thuật ngữ của Tiêu chuẩn Quốc tế đối với Quản lý kết quả

Mô hình thích ứng (Adaptive Model): Một mô hình toán học được thiết kế để xác định kết quả theo chiều dọc bất thường từ các vận động viên. Mô hình tính toán xác suất của một hồ sơ theo chiều dọc của các giá trị Điểm đánh dấu, giả định rằng vận động viên có tình trạng sinh lý bình thường.

Không tuân thủ (Failure to Comply): Một thuật ngữ được sử dụng để mô tả các hành vi vi phạm luật phòng, chống Doping theo Điều 2.3 và/hoặc Điều 2.5 của *Bộ Luật*.

Không khai báo hồ sơ (Filling Failure): Khi *vận động viên* (hoặc bên thứ ba mà *vận động viên* ủy quyền) không khai báo hồ sơ về nơi cư trú/tập luyện chính xác và đầy đủ, khiến cho việc lấy *mẫu* không thực hiện được đúng tại địa điểm được khai báo trong hồ sơ hoặc cập nhật những điểm cần thiết trong Hồ sơ để đảm bảo rằng nó vẫn chính xác và đầy đủ, phù hợp với Điều 4.8 của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra* và Phụ lục B.2 của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*.

Bỏ lỡ Kiểm tra (Missed Test): *Vận động viên* không có mặt để lấy *mẫu* xét nghiệm tại địa điểm và thời gian được quy định trong khoảng thời gian 60 phút của *Hồ sơ thông tin cư trú/tập luyện*, theo Điều 4.8 của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra* và Phụ lục B.2 của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*.

Quản lý Hồ sơ (Passport Custodian): *Tổ chức phòng chống Doping* chịu trách nhiệm *Quản lý kết quả* có hộ chiếu của *vận động viên* và chia sẻ bất kỳ thông tin nào liên quan đến hộ chiếu đó với các *Tổ chức phòng chống Doping* khác.

Cơ quan Quản lý kết quả (Result Management Authority): *Tổ chức phòng chống Doping* chịu trách nhiệm thực hiện *Quản lý kết quả* trong những trường hợp nhất định.

Không khai báo hồ sơ (Whereabouts Failure): Không khai báo hồ sơ hoặc Bỏ lỡ Kiểm tra.

3.4 Các thuật ngữ của *Tiêu chuẩn Quốc tế về bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân*

Xử lý (và các hành động tương tự, **quá trình và xử lý**): Thu thập, truy cập, lưu giữ, duy trì, tiết lộ, chuyển đổi, truyền phát, sửa đổi, xóa hoặc sử dụng Thông tin Cá nhân.

3.5 Các thuật ngữ của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra*

Cán bộ lấy mẫu máu (Blood Collection Officer - BCO): Một cán bộ có đủ trình độ và đã được cơ quan ra lệnh lấy *mẫu* cho phép để tiến hành lấy *mẫu* máu từ *vận động viên*.

Chuỗi giám sát (Chain of Custody): Các cá nhân hoặc các tổ chức, những *Người* chịu trách nhiệm về *mẫu* xét nghiệm, từ lúc lấy *mẫu* cho tới khi *mẫu* được chuyển tới *Phòng xét nghiệm* để phân tích.

Người giám hộ (Chaperone): Một cán bộ đã được huấn luyện và được cơ quan ra lệnh lấy *mẫu* cho phép thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, bao gồm một hoặc các nhiệm vụ sau đây (sau khi đã được cơ quan ra lệnh lấy *mẫu* tuyển chọn): thông báo cho *vận động viên* đã được chọn để tiến hành lấy *mẫu* xét nghiệm; đi kèm và giám sát *Vận động viên* tới khi đến khu vực *Kiểm soát Doping*; đi kèm và giám sát *Vận động viên* tại khu vực *Kiểm soát Doping* và/hoặc làm chứng và xác nhận việc lấy *mẫu* nếu họ đã được huấn luyện đầy đủ về những việc này.

Điều 2.4 của Bộ Luật về yêu cầu thông tin cư trú/tập luyện: Các yêu cầu về nơi cư trú/tập luyện được quy định trong Điều 4.8, áp dụng cho các *Vận động viên* nằm trong Đăng ký kiểm tra của Liên đoàn Quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* Quốc gia.

Cơ quan phối hợp Kiểm soát Doping (Doping Control Coordinator): *Tổ chức phòng, chống Doping* hoặc Bên thứ ba được ủy quyền thay mặt cho *Tổ chức phòng, chống Doping* phối hợp trong bất kỳ công tác *Kiểm soát Doping* nào. *Tổ chức phòng chống Doping* được ủy quyền luôn phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ *Bộ Luật* với các yêu cầu của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra*, Miễn trừ do điều trị, Bảo vệ Quyền riêng tư và Thông tin Cá nhân, và *Quản lý kết quả*.

Cán bộ Kiểm soát Doping (Doping Control Officer - DCO): Một cán bộ đã được tập huấn và được cơ quan ra lệnh lấy *mẫu* cho phép thực hiện các trách nhiệm đã được trao cho *DCO* như đã đề cập trong *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và điều tra*.

Trạm Kiểm soát Doping (Doping control station): Địa điểm diễn ra việc lấy *mẫu* theo quy định ở điều 6.3.2.

Ngày thi đấu (In-Competition date): Như đã mô tả tại điều 4.8.8.4

Kiểm tra không thông báo trước (No Advance Notice testing): Việc lấy mẫu diễn ra mà không được thông báo trước cho vận động viên biết và vận động viên được liên tục theo dõi từ thời điểm thông báo cho đến khi Phiên lấy mẫu hoàn thành.

Lựa chọn ngẫu nhiên (Random Selection): Việc lựa chọn kiểm tra những vận động viên không nằm trong mục tiêu kiểm tra.

Đánh giá nguy cơ (Risk Assessment): Đánh giá nguy cơ sử dụng Doping trong một môn thể thao hoặc nội dung của một môn thể thao do cơ quan phòng, chống Doping thực hiện theo điều 4.2.

Cơ quan chịu trách nhiệm lấy mẫu (Sample Collection Authority): Cơ quan chịu trách nhiệm lấy mẫu tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế về kiểm tra và điều tra, cho dù (1) chính Cơ quan Kiểm tra; hoặc (2) Bên thứ ba được ủy quyền tiến hành kiểm tra đã được cấp hoặc ký hợp đồng phụ. Cơ quan ra lệnh lấy mẫu chịu trách nhiệm cuối cùng về tuân thủ bộ Luật với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra có liên quan đến việc lấy mẫu.

Dụng cụ lấy mẫu (Sample Collection Equipment): Hai lọ A và B, bộ dụng cụ và hộp đựng, cốc lấy mẫu, ống hoặc các thiết bị khác để lấy mẫu, chứa hoặc cất giữ mẫu tại bất kỳ thời điểm nào trong và sau khi Phiên lấy mẫu diễn ra và phải đáp ứng yêu cầu của điều 6.3.4.

Cán bộ lấy mẫu (Sample Collection Personnel): Một thuật ngữ chung dành cho các cán bộ có năng lực được Cơ quan lấy mẫu ủy quyền thực hiện hoặc hỗ trợ các nhiệm vụ trong thời điểm lấy mẫu.

Phiên lấy mẫu (Sample Collection Session): Tất cả các hoạt động tuân thủ liên quan trực tiếp đến Vận động viên từ thời điểm thông báo ban đầu cho đến khi Vận động viên rời khỏi Trạm lấy mẫu sau khi họ đã cung cấp (các) mẫu xong.

Trọng lượng riêng phù hợp cho việc phân tích mẫu (Suitable Specific Gravity for Analysis): Với những mẫu có thể tích từ 90ml đến dưới 150ml thì trọng lượng riêng phải đạt là 1.005 khi đo bằng máy hoặc 1.010 hoặc cao hơn khi đo bằng que thử của Lab. Với những mẫu có thể tích từ 150ml hoặc cao hơn thì trọng lượng riêng phải đạt là 1.003 hoặc cao hơn khi chỉ được đo bằng máy.

Thể tích nước tiểu phù hợp cho việc phân tích (Suitable Volume of Urine for Analysis): Ít nhất thể tích phải đạt được là 90ml cho việc xét nghiệm từng phần hoặc tất cả các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm.

Bằng chứng phá rối (Tampering Evident): là việc có một hoặc nhiều chỉ số hoặc rào cản gia nhập được tích hợp vào hoặc nếu có thể, được bao gồm trong Thiết bị lấy mẫu, nếu bị vi phạm hoặc bị mất hoặc bị xâm phạm theo cách khác, có thể cung cấp bằng chứng hữu hình về việc Đã xảy ra hành vi Giả mạo hoặc Cố ý Giả mạo Thiết bị lấy mẫu.

(Các) hoạt động của đội tuyển (Team Activity/Activities): Các hoạt động thể thao do vận động viên thực hiện trên cơ sở tập thể (như huấn luyện, du lịch, các buổi họp chiến thuật) hoặc dưới sự giám sát của đội (như việc chữa trị của bác sỹ đội).

Tài liệu kỹ thuật dành cho việc phân tích cụ thể trong thể thao (TDSSA): Tài liệu kỹ thuật thiết lập các mức tối thiểu để phân tích mẫu mà các Cơ quan phòng, chống Doping phải áp dụng cho các môn thể thao và bộ môn thể thao đối với một số Chất cấm và/hoặc Phương pháp cấm có nhiều khả năng bị lạm dụng nhất trong các môn thể thao.

Kiểm tra (Test): việc lấy mẫu (và phân tích) từ một vận động viên trong một Phiên lấy mẫu.

Kế hoạch kiểm tra (Test Distribution Plan): Văn bản do cơ quan phòng, chống Doping dự thảo Kế hoạch kiểm tra cho các vận động viên phù hợp với yêu cầu của điều 4.

Các cơ quan ra lệnh lấy mẫu (Testing Authority): Tổ chức phòng, chống Doping cho phép tiến hành Kiểm soát Doping đối với vận động viên có thẩm quyền. Tổ chức phòng, chống Doping có thể ủy quyền cho bên thứ ba tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền và việc ủy quyền cần được ghi lại bằng văn bản. Cơ quan ủy quyền sẽ duy trì quyền ra lệnh lấy mẫu và chịu trách nhiệm tuân thủ bộ Luật và đảm bảo rằng bên thứ ba cũng phải tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và điều tra.



Báo cáo lấy mẫu không thành công (Unsuccessful Attempt Report): Báo cáo chi tiết việc không lấy Mẫu thành công của Vận động viên trong Nhóm đăng ký kiểm tra hoặc Nhóm kiểm tra nêu rõ ngày lấy mẫu, địa điểm đến, thời gian đến và các bước thực hiện tìm Vận động viên (bao gồm chi tiết về bất kỳ liên hệ nào được thực hiện với bên thứ ba), và các chi tiết liên quan đến việc tìm kiếm vận động viên.

Cung cấp thông tin cư trú/tập luyện (Whereabouts filling): Thông tin được vận động viên hoặc đại diện của vận động viên cung cấp khi được đưa vào danh sách nhóm đăng ký kiểm tra (hoặc nhóm kiểm tra) theo chu kỳ các quý của năm phù hợp với điều 4.8.

3.6 Diễn giải

3.6.1 Văn bản chính thức của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra sẽ được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào giữa buổi bản tiếng Anh và tiếng Pháp, buổi bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

3.6.2 Giống như *bộ Luật, Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra được soạn thảo có cân nhắc đến các nguyên tắc tương xứng, quyền con Người và các nguyên tắc pháp lý áp dụng khác. Nó sẽ được giải thích và áp dụng trong bối cảnh đó.

3.6.3 Các Chú giải chú thích các điều khoản khác nhau của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra sẽ được sử dụng để hướng dẫn giải thích tiêu chuẩn này.

3.6.4 Trừ khi có quy định khác, các tham chiếu đến mục và Điều là tham chiếu đến các mục và Điều của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra

3.6.5 Khi thuật ngữ “ngày” được sử dụng trong *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra, nó có nghĩa là ngày dương lịch trừ khi có quy định khác.

3.6.6 Các Phụ lục của *Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra* và Điều tra có tình trạng bắt buộc tương tự như phần còn lại của *Tiêu chuẩn Quốc tế*.

4.0 Lập kế hoạch kiểm tra

4.1 Mục đích

4.1.1 Các *tổ chức phòng, chống Doping* được yêu cầu phải lập kế hoạch và thực hiện *Kiểm soát Doping* đối với các *vận động viên* mà họ có thẩm quyền *kiểm tra* tương ứng với các nguy cơ về Doping góp phần hiệu quả trong việc ngăn chặn và phát hiện các hành vi. Mục đích của Điều 4 là đặt ra các bước cần thiết để phát triển Đánh giá nguy cơ và đặt ra Kế hoạch kiểm tra (TDP) đáp ứng yêu cầu này. Điều 23.3 *Bộ Luật* yêu cầu các *bên ký kết* dành đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình *Kiểm tra* trong tất cả các lĩnh vực nhằm tuân thủ *bộ Luật* và các *Tiêu chuẩn Quốc tế*.

4.1.2 *Tổ chức phòng, chống Doping* phải chắc chắn rằng những *Người hỗ trợ vận động viên* và bất kỳ những *Người* nào có xung đột lợi ích không được liên quan đến Kế hoạch kiểm tra đối với *vận động viên* và với quy trình lựa chọn *vận động viên* để kiểm tra.

4.1.3 *Tổ chức phòng, chống Doping* cần phải lập bảng Đánh giá nguy cơ và Kế hoạch kiểm tra và nếu được yêu cầu phải cung cấp cho WADA bản Đánh giá nguy cơ và Kế hoạch kiểm tra này. *Tổ chức phòng, chống Doping* cần phải chứng minh cho WADA thấy việc đánh giá đúng đắn các nguy cơ và lập/thực hiện kế hoạch *kiểm tra* thích hợp dựa trên kết quả của các đánh giá đó.

4.1.4 *Tổ chức phòng, chống Doping* cần phải theo dõi, đánh giá và cập nhật bảng Đánh giá nguy cơ cũng như Kế hoạch kiểm tra của họ theo chu kỳ hàng năm phù hợp với các hoàn cảnh thay đổi cũng như việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra. Nó sẽ điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra của mình để phản ánh thông tin mới được thu thập và thông tin tình báo do *Tổ chức phòng, chống doping* phát triển và tính đến các thử nghiệm do các *Tổ chức phòng, chống doping* khác tiến hành.

4.2 Đánh giá nguy cơ

4.2.1 Điểm khởi đầu của Kế hoạch kiểm tra cần xem xét đó là Đánh giá nguy cơ. Đánh giá này cần phải xem xét (ít nhất) với các thông tin sau:

- Các yêu cầu về thể chất và các yêu cầu khác (và/hoặc (các) nội dung liên quan trong (các) môn thể thao, đặc biệt xem xét các yêu cầu thể chất của (các) môn thể thao/nội dung;
- Chất cấm* và/hoặc *Phương pháp cấm* nào mà một *vận động viên* thường cân nhắc sử dụng để tăng cường thành tích *thi đấu* liên quan đến nội dung/môn thể thao của họ.
- Phần thưởng và/hoặc các ưu đãi tiềm năng cho Doping tại các cấp độ khác nhau của các môn/nội dung thể thao và cho các quốc gia tham gia vào các môn/nội dung thể thao đó.
- Lịch sử Doping trong môn/nội dung thể thao, (các) quốc gia và/hoặc *Giải đấu*.

[*Chú giải về mục 4.2.1 (d): Trừ khi có một chương trình Kiểm tra hiệu quả trong một môn thể thao, bao gồm cả Kiểm tra trong và Ngoài thi đấu, việc không có hoặc có ít các Kết quả phân tích bất lợi trước đây cho thấy rất ít, nếu có, là về nguy cơ doping trong môn thể thao đó.*]

e. Các thống kê và nghiên cứu về xu hướng Doping (ví dụ như các số liệu về phòng, chống Doping và báo cáo về vi phạm luật phòng, chống Doping của WADA; các vật dụng được kiểm duyệt).

f. Thông tin nhận được/tin tức được thu thập từ các trường hợp Doping có thể xảy ra trong thể thao (ví dụ, các khuyến nghị của Phòng thí nghiệm và APMU; Báo cáo của nhân viên lấy mẫu; Lời khai của *vận động viên*; thông tin từ các cuộc điều tra lý lịch; và/hoặc thông tin nhận được/tin tức khác được phát triển theo Hướng dẫn thu thập thông tin của WADA và Chia sẻ tin tức) theo Điều 11;

g. Kết quả của các chu kỳ kế hoạch *kiểm tra* trước đó bao gồm các chiến lược *kiểm tra*.

h. Vào thời điểm trong sự nghiệp mà một *vận động viên* trong một môn/nội dung thể thao được hưởng lợi nhiều nhất từ các *Chất cấm* và/hoặc *Phương pháp cấm*.

i. Với cấu trúc của mùa giải cho môn/nội dung thể thao được đề cập (bao gồm lịch *thi đấu* tiêu chuẩn và mô hình đào tạo), vào (các) thời điểm trong năm/chu kỳ, một *Vận động viên* sẽ có nhiều khả năng được hưởng lợi nhất từ các *Chất cấm* và/hoặc *Phương pháp cấm*.

4.2.2 Khi phát triển các Kế hoạch kiểm tra, tổ chức phòng, chống Doping cần xem xét cẩn trọng các Đánh giá nguy cơ cho các môn/nội dung thể thao được tổ chức phòng, chống Doping khác đề cập. Tuy nhiên, Liên đoàn quốc tế không bị ràng buộc bởi đánh giá về rủi ro doping của Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia trong một môn/nội dung thể thao cụ thể và Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia không bị ràng buộc bởi đánh giá của Liên đoàn quốc tế về rủi ro doping trong một môn/nội dung thể thao cụ thể.

4.2.3 Khi phát triển Kế hoạch kiểm tra, tổ chức phòng, chống Doping nên kết hợp với các yêu cầu của TDSSA.

4.3 Xác định vận động viên cấp Quốc tế và Quốc gia

4.3.1 Điều 5.2 bộ *Luật* trao cho các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác nhau quyền tiến hành *kiểm tra* trên một nhóm rất lớn các *vận động viên* nam và nữ. Tuy nhiên, thừa nhận nguồn lực hữu hạn của các *Tổ chức phòng, chống Doping*, *Bộ Luật* định nghĩa về *Vận động viên* cho phép các *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia giới hạn số lượng *vận động viên* nằm trong chương trình phòng, chống Doping Quốc gia (đặc biệt là lấy mẫu *kiểm tra*) là các *vận động viên thi đấu* ở cấp Quốc gia cao nhất (ví dụ các *vận động viên* cấp quốc gia, theo định nghĩa của *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia). Nó cũng cho phép các Liên đoàn Quốc tế tập trung các chương trình chống doping của họ (bao gồm cả *Kiểm tra*) vào những *Người thi đấu* thường xuyên ở cấp độ quốc tế (tức là các *Vận động viên Cấp Quốc tế*, theo định nghĩa của Liên đoàn Quốc tế).

[*Chú giải điều 4.3.1: Không có điều gì có thể ngăn cản Liên đoàn Quốc tế Kiểm soát Doping đối với các vận động viên không mang tầm quốc tế nếu họ thấy phù hợp, ví dụ như Kiểm soát Doping trong một giải thi đấu Quốc tế. Thêm nữa, như đã được nhắc đến trong bộ Luật, Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia có thể mở rộng chương trình phòng, chống Doping (bao gồm cả kiểm tra) cho các vận động viên thi đấu dưới tầm Quốc gia. Tuy nhiên, điểm chính của kế hoạch kiểm tra của các liên đoàn Quốc tế nên là các vận động viên tầm cỡ Quốc tế và điểm chính của kế hoạch kiểm tra của Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia nên là các vận động viên tầm cỡ Quốc gia trở lên.*]

4.3.2 Do vậy, sau khi hoàn thành các mục Đánh giá nguy cơ và Kế hoạch kiểm tra như đã nêu ở mục 4.2, bước tiếp theo là việc xem xét xác định *vận động viên* đẳng cấp quốc tế và *vận động viên* đẳng cấp quốc gia, những *Người* sẽ là mục tiêu *kiểm tra* của một *tổ chức phòng, chống Doping*:

a. Liên đoàn Quốc tế được tự xác định các tiêu chí sẽ sử dụng để phân loại các *Vận động viên* là *Vận động viên* Cấp Quốc tế, ví dụ: theo thứ hạng, theo sự tham gia vào các giải *thi đấu* Quốc tế cụ thể, v.v. Quyết định đó cần phải được đưa ra một cách phù hợp với trách nhiệm của mình bảo vệ tính toàn vẹn của môn thể thao ở cấp độ quốc tế (giới thiệu môn thể thao với công chúng), bằng cách ấn định một định nghĩa, ở mức tối thiểu (và phù hợp với đánh giá rủi ro được thực hiện liên quan đến môn thể thao/bộ môn thể thao có liên quan), bao gồm những *Vận động viên thi đấu* thường xuyên ở cấp độ quốc tế và/hoặc *thi đấu* ở đẳng cấp tiệm cận với các kỷ lục thế giới.

[*Chú giải cho 4.3.2 (a): Bộ Luật yêu cầu mỗi Liên đoàn Quốc tế phải công bố rõ ràng và ngắn gọn các tiêu chí mà nó sử dụng để phân loại Vận động viên cấp độ quốc tế, để mọi Người biết rõ về tiêu chí được phân loại ban đầu và cụ thể như thế nào. Ví dụ: nếu các tiêu chí bao gồm việc thi đấu trong các Giải thi đấu Quốc tế nhất định, thì Liên đoàn Quốc tế sẽ xuất bản danh sách các Giải đấu đó.*]

b. Tương tự như vậy, *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia được tự xác định các tiêu chí mà *Tổ chức* này sẽ sử dụng để phân loại *Vận động viên* là *Vận động viên* cấp quốc gia. Một lần nữa, cần thực hiện quyết định đó một cách đúng đắn, phù hợp với trách nhiệm của mình

trong việc bảo vệ sự toàn vẹn của thể thao ở cấp quốc gia (nguồn gốc của niềm tự hào dân tộc trong các môn thể thao khác nhau, và là bước đệm để cạnh tranh quốc tế, bao gồm cả đại diện của quốc gia trong các *Giải đấu* hoặc *Cuộc thi Quốc tế*). Do đó, định nghĩa phải ở mức tối thiểu (và phù hợp với Đánh giá rủi ro được thực hiện liên quan đến nội dung/môn thể thao liên quan) bao gồm những *vận động viên thi đấu* ở các cấp độ cao nhất của các giải thể thao quốc gia (nghĩa là trong giải vô địch quốc gia hoặc các *Giải đấu* khác xác định hoặc được tính vào việc xác định ai là *Người* giỏi nhất quốc gia trong nội dung/môn được đề cập và/hoặc ai có thể được chọn để đại diện cho quốc gia trong các *Giải đấu* hoặc *Cuộc thi Quốc tế*). Nó cũng sẽ bao gồm những công dân của quốc gia đó nói chung hoặc thường *thi đấu* ở cấp độ quốc tế và/hoặc trong các *Giải đấu Quốc tế* (thay vì ở cấp độ quốc gia) nhưng những *Người* không được Liên đoàn Quốc tế của họ phân loại là *Vận động viên cấp quốc tế*

4.4 Ưu tiên giữa bộ môn và/hoặc nội dung thể thao

4.4.1 Tiếp theo, *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ xem xét liệu có bất kỳ yếu tố nào đảm bảo việc phân bổ các nguồn lực *Kiểm tra* cho một môn thể thao hoặc bộ môn hoặc quốc gia (nếu có) theo thứ tự ưu tiên. Điều này có nghĩa là đã đánh giá các rủi ro tương ứng của Doping:

a. Trong trường hợp Liên đoàn Quốc tế, phân bổ việc *kiểm tra* giữa các nội dung và các quốc gia khác nhau trong môn thể thao của mình dựa trên lịch *thi đấu*.

b. Trong trường hợp của *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia, việc phân bổ *Kiểm soát Doping* giữa các môn thể thao khác nhau cũng như các điều kiện bắt buộc của quy định phòng, chống Doping quốc gia có thể dẫn đến việc ưu tiên một số môn thể thao nhất định hơn các môn khác.

[Chú giải cho 4.4.1 (b): Các Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia sẽ có các yêu cầu và ưu tiên chính sách quốc gia khác nhau. Ví dụ: một Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia có thể có lý do chính đáng để ưu tiên (một số hoặc tất cả) các môn thể thao Olympic trong khi tổ chức khác có thể, vì các đặc điểm khác nhau của quốc gia thể thao đó, ưu tiên cho một số môn thể thao 'quốc gia' khác. Các chính sách này có sự cân nhắc liên quan đến kế hoạch kiểm tra của Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia, cùng với việc đánh giá rủi ro tương ứng của doping trong các môn thể thao khác nhau trong phạm vi quyền hạn quốc gia của tổ chức. Ví dụ, Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia quyết định, trong Kế hoạch kiểm tra của mình, trong một khoảng thời gian cụ thể, (1) kế hoạch kiểm tra cho một số môn thể thao trong phạm vi quyền hạn của mình mà không phải các môn khác; và (2) ưu tiên một số môn thể thao nhất định hơn những môn thể thao khác không phải do nguy cơ doping cao hơn trong những môn thể thao đó mà vì lợi ích quốc gia lớn hơn trong việc đảm bảo tính toàn vẹn của thể thao.]

c. Đối với các ban tổ chức các *Giải đấu* lớn, việc phân bổ *kiểm tra* giữa các môn thể thao và/hoặc nội dung *thi đấu* đều có liên quan đến *Giải đấu* của họ.

d. Một yếu tố khác liên quan đến việc phân bổ các nguồn lực *kiểm tra*, trong Kế hoạch *kiểm tra* sẽ là số lượng *Vận động viên* tham gia ở cấp độ liên quan trong (các) môn thể thao và/hoặc (các) nội dung và/hoặc (các) quốc gia được đề cập. Khi nguy cơ doping được đánh giá là ngang nhau giữa hai môn thể thao hoặc nội dung hoặc quốc gia khác nhau, thì nên dành nhiều nguồn lực hơn cho môn thể thao hoặc nội dung hoặc quốc gia có số lượng *vận động viên* lớn hơn.

4.5 Ưu tiên giữa các vận động viên khác nhau

4.5.1 Sau khi các *vận động viên cấp quốc tế* và *cấp quốc gia* đã được xác định (xem Điều 4.3) và các môn thể thao/nội dung/quốc gia ưu tiên đã được thiết lập (xem điều 4.4), một Kế hoạch kiểm tra linh hoạt sử dụng mục tiêu *kiểm tra* để tập trung các nguồn lực ở nơi cần thiết nhất trong tổng số các *vận động viên*. Do đó, mục tiêu *kiểm tra* sẽ được ưu tiên, tức là một lượng đáng kể *mẫu thử* được thực hiện trong Kế hoạch kiểm tra của *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ là *vận động viên* mục tiêu *kiểm tra* trong tổng số *vận động viên*.

[Chú giải cho 4.5.1: Mục tiêu kiểm tra là ưu tiên vì kiểm tra ngẫu nhiên, hoặc thậm chí là kiểm tra ngẫu nhiên có trọng số, không đảm bảo rằng tất cả các Vận động viên thích hợp sẽ được kiểm tra đủ. Bộ Luật không đặt ra bất kỳ yêu cầu nghi ngờ hợp lý hoặc nguyên nhân có thể xảy ra đối với Mục tiêu kiểm tra. Tuy nhiên, mục tiêu kiểm tra không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài Kiểm soát Doping hợp pháp.]

4.5.2 Tổ chức phòng, chống Doping nên cân nhắc tiên hành kiểm tra nhóm mục tiêu đối với các vận động viên sau:

a. Đối với các liên đoàn quốc tế, các vận động viên (đặc biệt ưu tiên nội dung thi đấu hoặc quốc tịch) thường xuyên thi đấu tại cấp độ cao nhất của các Cuộc thi đấu quốc tế (ví dụ như ứng viên cho Olympic, Paralympic hoặc huy chương giải vô địch thế giới) được xác định bởi thứ hạng hoặc các tiêu chí phù hợp khác.

b. Với các tổ chức phòng, chống Doping quốc gia, các vận động viên sau đây từ các môn thể thao được ưu tiên:

(i) Các vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia tại các giải thi đấu lớn (như đại hội Olympic, Paralympic, giải vô địch thế giới và các giải thi đấu nhiều nội dung) hoặc các môn thể thao khác được ưu tiên cao (hoặc vận động viên được lựa chọn cho các đội tuyển đó);

(ii) Các vận động viên tập luyện riêng nhưng cùng thi đấu tại các giải lớn (như Olympic, Paralympic, vô địch thế giới hoặc các giải nhiều nội dung) và có thể được lựa chọn cho các Giải đấu này;

(iii) Các vận động viên được nhận tài chính công;

(iv) Vận động viên cấp quốc gia định cư, tập huấn và thi đấu ở nước ngoài;

[Chú giải cho 4.5.2 (b) (iv): Ngay cả khi các Vận động viên Cấp quốc gia không cư trú hoặc tập luyện trong quốc gia của Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia, thì Tổ chức phòng, chống Doping Quốc gia vẫn có trách nhiệm đảm bảo các Vận động viên đó phải chịu xét nghiệm ở nước ngoài. Việc một Vận động viên cư trú hoặc thường xuyên tập luyện ở nước ngoài không phải là lý do hợp lệ để không xét nghiệm họ.]

(v) Vận động viên cấp quốc gia nhưng có quốc tịch ở nước khác nhưng hiện đang (cư trú, tập luyện, thi đấu) ở tại nước có cơ quan phòng chống Doping Quốc gia đó; và

(vi) Phối hợp với các liên đoàn Quốc tế, các vận động viên đẳng cấp quốc tế.

c. Với các tổ chức phòng, chống Doping là cơ quan ra lệnh lấy mẫu:

(i) Vận động viên đang trong thời gian không đủ tư cách hoặc bị đình chỉ tạm thời; và

(ii) Các vận động viên từng được ưu tiên kiểm tra trước khi họ nghỉ thi đấu và bây giờ muốn trở lại sau khi nghỉ để tham gia tích cực vào môn thể thao.

[Chú giải cho 4.5.2: Sự phối hợp giữa các Liên đoàn quốc tế, các Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia và các Tổ chức phòng, chống Doping khác sẽ được thực hiện theo Điều 4.9.]

4.5.3 Các yếu tố cá nhân khác liên quan đến việc xác định Vận động viên nào sẽ là đối tượng của mục tiêu kiểm tra cũng sẽ được Tổ chức phòng, chống Doping xem xét. Các yếu tố liên quan có thể bao gồm (nhưng không giới hạn):

a. Các vi phạm về luật phòng, chống Doping trước đây, lịch sử Kiểm soát Doping, bao gồm các chỉ số sinh học khác thường (các chỉ số về máu, hồ sơ steroid, như được APMU khuyến cáo v.v.);

b. Lịch sử thành tích thể thao, hình mẫu thành tích và/hoặc thành tích cao mà không có hồ sơ lấy mẫu tương xứng;

c. Nhiều lần không đáp ứng về khai báo nơi cư trú/tập luyện;

d. Có nhiều điểm đáng ngờ trong khai báo nơi cư trú/tập luyện (ví dụ cập nhật thông tin về nơi cư trú/ tập luyện);

e. Di chuyển hoặc tập luyện tại địa điểm xa;

f. Rút khỏi hoặc vắng mặt tại (các) Cuộc thi đấu;

g. Liên kết với bên thứ ba (như đồng đội, huấn luyện viên hoặc bác sỹ) có lịch sử liên quan đến Doping;

h. Bị chấn thương;

- i. Tuổi/giai đoạn nghề (ví dụ chuyển từ tuyển trẻ lên hạng cao hơn, chuẩn bị hết hạn hợp đồng, sắp nghỉ hưu).
- j. Khuyến khích tài chính để nâng cao thành tích, chẳng hạn như tiền thưởng hoặc cơ hội tài trợ; và/hoặc
- k. Thông tin đáng tin cậy từ bên thứ ba hoặc tin tức được *tổ chức phòng, chống Doping* khai thác hoặc chia sẻ phù hợp với điều 11.

4.5.4 *Kiểm tra* không phải là *Kiểm tra* mục tiêu sẽ được xác định bằng lựa chọn ngẫu nhiên và phải được tiến hành theo các lựa chọn trong hướng dẫn triển khai chương trình *Kiểm tra* hiệu quả. Lựa chọn ngẫu nhiên sẽ được tiến hành bằng cách sử dụng một hệ thống được ghi chép cho việc lựa chọn đó. Lựa chọn ngẫu nhiên có thể được cân nhắc (khi các *Vận động viên* được xếp hạng bằng các tiêu chí được xác định trước để tăng hoặc giảm cơ hội được lựa chọn) hoặc hoàn toàn ngẫu nhiên (khi không có tiêu chí được xác định trước nào được xem xét và các *Vận động viên* được chọn một cách tùy ý từ danh sách hoặc nhóm tên *Vận động viên*). Lựa chọn ngẫu nhiên được cân nhắc ưu tiên và được tiến hành theo các tiêu chí đã xác định có thể tính đến các yếu tố được liệt kê trong Điều 4.5.2 và 4.5.3 (nếu có) để đảm bảo rằng tỷ lệ phần trăm lớn hơn các *Vận động viên* 'có nguy cơ' được chọn.

[*Chú giải cho mục 4.5.4: Ngoài Kiểm tra mục tiêu, Kiểm tra bằng cách lựa chọn ngẫu nhiên có thể đóng vai trò rất đa dạng, cũng như giúp bảo vệ tính toàn vẹn của một Giải đấu.*]

4.5.5 Để tránh nghi ngờ, bất chấp việc xây dựng các tiêu chí lựa chọn *Vận động viên* để *Kiểm tra*, và đặc biệt là *Kiểm tra* mục tiêu đối với *Vận động viên*, cũng như thực tế là theo quy định chung, *Kiểm tra* sẽ diễn ra từ 6 giờ sáng đến 11 giờ tối. trừ khi (i), *Vận động viên* quy định khung thời gian 60 phút từ 5 giờ sáng hoặc (ii) có căn cứ hợp lệ để *Kiểm tra* qua đêm (tức là từ 11 giờ tối đến 6 giờ sáng), nguyên tắc cơ bản vẫn giữ nguyên (như đã nêu trong Điều 5.2 của *Bộ Luật*) là một *Vận động viên* có thể được yêu cầu cung cấp *mẫu* bất kỳ lúc nào và ở bất kỳ địa điểm nào bởi bất kỳ *Tổ chức phòng, chống Doping* nào có thẩm quyền tiến hành *Kiểm tra*, bất kể việc lựa chọn *Vận động viên* để *Kiểm tra* có tuân thủ các tiêu chí đó hay không. Theo đó, một *Vận động viên* không được từ chối nộp *mẫu* xét nghiệm trên cơ sở rằng Thử nghiệm đó không được quy định trong Kế hoạch kiểm tra của *Tổ chức phòng, chống Doping* và/hoặc không được tiến hành trong khoảng thời gian từ 6 giờ sáng đến 11 giờ tối và/hoặc *Vận động viên* không đáp ứng các tiêu chí lựa chọn có liên quan để Thử nghiệm hoặc không nên được chọn để Thử nghiệm.

4.6 Ưu tiên giữa các loại xét nghiệm và *mẫu* khác nhau

4.6.1 Dựa trên quy trình đánh giá rủi ro và ưu tiên được mô tả trong Điều 4.2 đến 4.5, *Tổ chức phòng, chống Doping* phải xác định mức độ cần thiết của từng loại xét nghiệm sau đây để phát hiện và ngăn chặn các hành vi sử dụng doping trong các môn thể thao, bộ môn và/hoặc quốc gia có liên quan, một cách thông minh và hiệu quả:

a) Xét nghiệm *Trong thi đấu* và xét nghiệm *Ngoài thi đấu*;

(i) Trong các môn thể thao và/hoặc bộ môn được đánh giá là có nguy cơ sử dụng doping cao trong các giai đoạn *Ngoài thi đấu*, xét nghiệm *Ngoài thi đấu* sẽ được ưu tiên và một phần đáng kể các xét nghiệm khả dụng sẽ được tiến hành *Ngoài thi đấu*. Tuy nhiên, một lượng lớn xét nghiệm *Trong thi đấu* vẫn sẽ được thực hiện.

(ii) Trong các môn thể thao và/hoặc các môn được đánh giá là có nguy cơ sử dụng doping thấp trong các giai đoạn *Ngoài thi đấu* (tức là khi có thể chứng minh rõ ràng rằng sử dụng doping trong thời gian *Ngoài thi đấu* không có khả năng nâng cao thành tích hoặc mang lại các lợi thế bất hợp pháp khác), *Kiểm tra Trong thi đấu* sẽ được ưu tiên một phần đáng kể các *Kiểm tra* có sẵn sẽ được tiến hành trong thi đấu. Tuy nhiên, một số *Kiểm tra Ngoài thi đấu* vẫn sẽ diễn ra, tương ứng với nguy cơ sử dụng doping *Ngoài thi đấu* trong môn thể thao/môn đó. Rất ngoại lệ, tức là trong số ít môn thể thao và/hoặc các môn được xác định rằng không có nguy cơ sử dụng doping đáng kể trong các giai đoạn *Ngoài thi đấu*, thì có thể không có *Kiểm*

tra Ngoài thi đấu. Trong những trường hợp này, Liên đoàn Quốc tế sẽ nộp đơn lên WADA để xin miễn Kiểm tra Ngoài thi đấu theo bất kỳ hình thức nào do WADA ban hành.

b) Lấy mẫu nước tiểu;

c) Lấy mẫu máu;

d) Lấy mẫu liên quan đến việc lập hồ sơ theo chiều dọc, tức là chương trình Hồ sơ sinh học của vận động viên;

và

e) Lấy mẫu máu khô.

[Chú giải về 4.6.1 (c), (d) và (e): Các yêu cầu đối với máu trong Tiêu chuẩn Quốc tế này về thử nghiệm và điều tra áp dụng, không giới hạn đối với các mẫu được lấy bằng cách chích tĩnh mạch theo Phụ lục D - Lấy mẫu máu tĩnh mạch và Phụ lục I - Thu thập, lưu trữ và vận chuyển mẫu Hồ sơ sinh học của vận động viên và bằng cách lấy mẫu máu tĩnh mạch theo Phụ lục J - Thu thập, lưu trữ và vận chuyển mẫu vết máu khô; tuy nhiên, các yêu cầu khác nhau được áp dụng tùy thuộc vào thiết bị lấy mẫu và các phân tích được yêu cầu, ví dụ: các yêu cầu cụ thể được áp dụng cho các mẫu vết máu khô, được thu thập và để khô trên giá đỡ mẫu thấm (tức là thẻ cellulose vết máu khô hoặc thiết bị khác làm bằng vật liệu khác.)]

4.7 Phân tích mẫu, Chiến lược lưu giữ và Phân tích thêm

4.7.1 Các Tổ chức phòng, chống Doping sẽ yêu cầu Phòng thí nghiệm phân tích Mẫu cho menu phân tích tiêu chuẩn dựa trên việc Mẫu được thu thập Trong thi đấu hay Ngoài thi đấu. Các Tổ chức phòng, chống Doping cũng có thể cân nhắc thực hiện Phân tích mẫu mở rộng hơn đối với các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm vượt quá những chất hoặc Phương pháp cấm có trong TDSSA (hoặc các mức yêu cầu) dựa trên tỷ lệ nguy cơ của môn thể thao/quốc gia hoặc bất kỳ thông tin nào mà Tổ chức phòng, chống Doping có thể nhận được.

4.7.2 Một Tổ chức phòng, chống Doping có thể nộp đơn lên WADA để xin linh hoạt trong việc thực hiện các mức phân tích tối thiểu được chỉ định đối với các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm như đã nêu trong TDSSA.

4.7.3 Tổ chức phòng, chống Doping phải xây dựng chiến lược bằng văn bản để lưu giữ các Mẫu và tài liệu liên quan đến việc thu thập các Mẫu đó để có thể Phân tích thêm các Mẫu đó vào thời điểm sau theo Điều 6.5 và 6.6 của Bộ Luật. Chiến lược đó phải tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế về Phòng xét nghiệm và Tiêu chuẩn Quốc tế về Bảo vệ quyền riêng tư và Thông tin cá nhân, và phải tính đến các mục đích phân tích các mẫu được nêu trong Điều 6.2 của Bộ Luật, cũng như (không giới hạn) các yêu tố sau:

a) Khuyến nghị của Phòng xét nghiệm và APMU;

b) Nhu cầu có thể có đối với việc phân tích hồi tố liên quan đến chương trình Hộ chiếu sinh học của vận động viên;

c) Các phương pháp phát hiện mới sẽ được giới thiệu trong tương lai có liên quan đến Vận động viên, môn thể thao và/hoặc kỷ luật;

d) Các Mẫu được thu thập từ các Vận động viên đáp ứng một số hoặc tất cả các tiêu chí được nêu tại Điều 4.5;

e) Bất kỳ thông tin nào khác được cung cấp cho Tổ chức phòng, chống Doping biện minh cho việc lưu trữ lâu dài hoặc Phân tích thêm các mẫu theo quyết định của Tổ chức phòng, chống Doping.

4.8 Thu thập thông tin về nơi cư trú/tập luyện

4.8.1 Thông tin về nơi cư trú/tập luyện không phải là mục đích tự thân mà là phương tiện để đạt được mục đích, cụ thể là tiến hành Kiểm tra không cần thông báo trước một cách hiệu quả và hiệu suất. Do đó, khi một Tổ chức phòng, chống Doping xác định rằng cần phải tiến hành Kiểm tra (bao gồm Kiểm tra Ngoài thi đấu) đối với các Vận động viên cụ thể, thì Tổ chức đó phải cân nhắc xem cần bao nhiêu thông tin về nơi ở của các Vận động viên đó để tiến hành Kiểm tra một cách hiệu quả và không cần thông báo trước. Tổ chức phòng, chống Doping

phải thu thập tất cả thông tin về nơi cư trú/ tập luyện mà Tổ chức cần để tiến hành *Kiểm tra* được xác định trong Kế hoạch *Kiểm tra* của Tổ chức một cách hiệu quả và hiệu suất. Ngoài ra, lượng thông tin về nơi cư trú/ tập luyện được yêu cầu phải tương ứng với nhóm nơi cư trú/ tập luyện và số lần *Tổ chức phòng, chống Doping* dự định kiểm tra *Vận động viên*.

4.8.2. Theo Điều 5.5 và 14.5 của *Bộ Luật*, các *Tổ chức phòng, chống Doping* có thể thu thập thông tin về nơi cư trú/ tập luyện và sẽ sử dụng ADAMS để tiến hành *Kiểm soát Doping* hiệu quả. Do đó, thông tin sẽ tự động cố sẵn thông qua ADAMS cho WADA và các *Tổ chức phòng, chống Doping* có liên quan khác và các *Cơ quan Kiểm tra chéo*. Thông tin này sẽ:

- a) Luôn được bảo mật nghiêm ngặt;
- b) Được sử dụng cho mục đích lập kế hoạch, phối hợp hoặc tiến hành *Kiểm soát Doping*;
- c) Có liên quan đến *Hồ sơ sinh học của vận động viên* hoặc các kết quả phân tích khác;
- d) Hỗ trợ điều tra về hành vi vi phạm quy định phòng chống doping tiềm ẩn; và/hoặc
- e) Hỗ trợ các thủ tục tố tụng cáo buộc hành vi vi phạm quy định phòng chống doping.

4.8.3 Khi một *Tổ chức phòng, chống Doping* xác định rằng cần phải tiến hành *Kiểm tra Ngoài thi đấu* đối với các *Vận động viên* đặc biệt sau Đánh giá rủi ro (theo Điều 4.2) và các bước ưu tiên (trong Điều 4.3 đến 4.7), thì Tổ chức đó sẽ xem xét cần bao nhiêu thông tin về nơi cư trú/ tập luyện của các *Vận động viên* đó để tiến hành *Kiểm tra không thông báo trước* một cách hiệu quả.

4.8.4 Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng chống Doping* quốc gia nên cân nhắc áp dụng 'phương pháp tiếp cận kim tự tháp' hoặc 'phương pháp tiếp cận theo tầng', đưa các *Vận động viên* vào các nhóm nơi cư trú/ tập luyện khác nhau, được gọi là nhóm *kiểm tra* đã đăng ký, nhóm *kiểm tra* và các nhóm khác, tùy thuộc vào lượng thông tin về nơi ở cần thiết để tiến hành số lượng *Kiểm tra* được phân bổ cho các *Vận động viên* đó trong Kế hoạch Kiểm tra.

4.8.5 Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia phải chứng minh được với WADA rằng họ đã áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro phù hợp khi phân bổ *Vận động viên* vào nhóm nơi ở của họ và đã phân bổ đủ các *kiểm tra Ngoài thi đấu* trong Kế hoạch kiểm tra theo yêu cầu tại Điều 4.8.6.1 và 4.8.10.1.

4.8.6 Nhóm kiểm tra đã đăng ký

4.8.6.1 Bậc cao nhất là Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký và bao gồm các *Vận động viên* phải chịu nhiều bài *kiểm tra* nhất và do đó phải cung cấp nơi cư trú/ tập luyện theo Điều 4.8.6.2. Các *Vận động viên* trong Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký phải tuân theo Điều 2.4 Yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện của Bộ Luật.

Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng chống Doping* quốc gia phải xem xét các tiêu chí sau để đưa các *Vận động viên* vào Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký:

- a) Các *Vận động viên* đáp ứng các tiêu chí được liệt kê trong Điều 4.5.2 và 4.5.3;
- b) Các *vận động viên* mà Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng chống Doping* quốc gia có kế hoạch thử nghiệm ít nhất ba (3) lần mỗi năm *Ngoài thi đấu* (độc lập hoặc phối hợp theo thỏa thuận với các *Tổ chức phòng chống Doping* khác có thẩm quyền Kiểm tra đối với cùng các *vận động viên* đó);
- c) Các *Vận động viên* là thành viên của mô-đun huyết học của *Tổ chức phòng chống Doping* theo yêu cầu của TDSSA;
- d) Các *vận động viên* trong nhóm *kiểm tra Không tuân thủ* các yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện hiện hành của nhóm đó;
- e) Các *vận động viên* không có đủ thông tin về nơi cư trú/ tập luyện từ các nguồn khác để Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia xác định vị trí của họ để *kiểm tra*;
- f) Các *vận động viên* là thành viên của môn thể thao đồng đội không tham gia các hoạt động đồng đội trong một khoảng thời gian (ví dụ: trong thời gian nghỉ giữa mùa giải); và
- g) Các *vận động viên* đang trong thời gian không đủ tư cách.

[*Chú giải cho mục 4.8.6.1: Sau khi xem xét các điểm a) đến g) ở trên và sau khi các Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký được xác định, Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng,*

chống Doping quốc gia sẽ lập kế hoạch, độc lập hoặc phối hợp với các Tổ chức phòng, chống Doping khác, để kiểm tra bất kỳ Vận động viên nào có trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký tối thiểu ba (3) lần Ngoài thi đấu mỗi năm.]

4.8.6.2 Một Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký sẽ:

a) Thực hiện cập nhật Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện hàng quý, cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ về nơi cư trú/ tập luyện của Vận động viên trong quý tiếp theo, bao gồm xác định nơi họ sẽ sống, tập luyện và thi đấu trong quý đó và cập nhật Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện đó khi cần thiết, để họ có thể được xác định để Kiểm tra trong quý đó tại thời điểm và địa điểm được chỉ định trong Hồ sơ nơi cư trú, tập luyện có liên quan, như được chỉ định trong Điều 4.8.8. Việc không thực hiện như vậy có thể bị tuyên bố là Không nộp hồ sơ: và

b) Ghi rõ trong Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện của họ, cho mỗi ngày trong quý tiếp theo, một khoảng thời gian cụ thể 60 phút mà họ sẽ có mặt tại một địa điểm cụ thể để Kiểm tra, như được chỉ định trong Điều 4.8.8.3. Điều này không giới hạn nghĩa vụ theo bất kỳ cách nào theo Điều 5.2 của Bộ Luật dành cho Vận động viên phải chịu Kiểm tra bất kỳ lúc nào và tại địa điểm nào theo yêu cầu của Tổ chức phòng chống Doping có thẩm quyền tiến hành Kiểm tra đối với họ. Nó cũng không giới hạn nghĩa vụ của họ trong việc cung cấp thông tin được chỉ định trong Điều 4.8.8.2 về Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện của họ ngoài khoảng thời gian 60 phút đó. Tuy nhiên, nếu Vận động viên không có mặt để Kiểm tra tại địa điểm đó trong khoảng thời gian 60 phút được chỉ định cho ngày đó trong Hồ sơ nơi ở của họ, thì việc không thực hiện đó có thể được tuyên bố là bỏ lỡ Kiểm tra.

[Chú giải về 4.8.6.2 (b): Mục đích của khoảng thời gian 60 phút là để tạo sự cân bằng giữa nhu cầu tìm kiếm Vận động viên để Kiểm tra và tính bất hợp lý và không công bằng khi khiến các Vận động viên có khả năng chịu trách nhiệm về kiểm tra bị bỏ lỡ mỗi khi họ rời khỏi chu trình đã tuyên bố trước đó.]

4.8.5.3 Các Tổ chức phòng chống Doping có thẩm quyền tiến hành Kiểm tra đối với một Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký sẽ tiến hành Kiểm tra Ngoài thi đấu đối với Vận động viên đó bằng cách sử dụng Hồ sơ về nơi cư trú/ tập luyện của Vận động viên. Mặc dù Điều 2.4 yêu cầu về Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện của Bộ Luật bao gồm việc cung cấp khoảng thời gian 60 phút, nhưng Kiểm tra không được giới hạn trong khoảng thời gian 60 phút do Vận động viên cung cấp. Để đảm bảo Kiểm tra Ngoài thi đấu không thể đoán trước đối với Vận động viên, các Tổ chức phòng, chống Doping cũng sẽ xem xét các thông tin về nơi ở khác được cung cấp, ví dụ: các hoạt động thường xuyên để kiểm tra Vận động viên.

4.8.6.4 Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống Doping quốc gia duy trì Nhóm kiểm tra đã đăng ký sẽ sử dụng ADAMS để đảm bảo rằng:

a) Thông tin do Vận động viên cung cấp được lưu trữ an toàn và bảo mật;

b) Thông tin có thể được truy cập bởi (i) những cá nhân được ủy quyền hành động thay mặt cho Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia (nếu có) chỉ khi cần thiết; (ii) WADA; và (iii) các Tổ chức phòng, chống Doping khác có thẩm quyền tiến hành Kiểm tra đối với Vận động viên theo Điều 5.2 của Bộ Luật; và

c) Thông tin được bảo mật nghiêm ngặt mọi lúc, chỉ được sử dụng cho các mục đích nêu trong Điều 5.5 của Bộ Luật và bị hủy theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Bảo vệ quyền riêng tư và Thông tin cá nhân khi thông tin không còn liên quan nữa.

4.8.6.5 Các vận động viên thuộc Cơ quan Kiểm tra của Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia và Liên đoàn quốc tế chỉ được tham gia một Nhóm kiểm tra đã đăng ký. Mặc dù có thể tham gia nhiều Nhóm kiểm tra đã đăng ký, các Vận động viên chỉ được nộp một bộ thông tin về nơi cư trú/ tập luyện. Nếu Vận động viên được đưa vào Nhóm kiểm tra đã đăng ký của Liên đoàn quốc tế và Nhóm kiểm tra đã đăng ký của Tổ chức phòng chống Doping quốc gia (hoặc trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký của nhiều hơn một Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia hoặc nhiều hơn một Liên đoàn quốc tế), thì mỗi bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Vận động viên rằng họ nằm trong nhóm của mình. Tuy nhiên, trước khi làm như vậy, họ sẽ thỏa thuận với nhau về việc Vận động viên sẽ cung cấp Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện của họ cho

ai và *Tổ chức phòng chống Doping* đó sẽ là Người giám hộ nơi ở. Mỗi thông báo gửi cho *Vận động viên* sẽ nêu rõ rằng họ sẽ chỉ cung cấp Hồ sơ nơi cư trú/ tập luyện của mình cho *Tổ chức phòng chống Doping* đó (và sau đó sẽ chia sẻ thông tin đó với bên kia và với bất kỳ *Tổ chức phòng, chống Doping* nào khác có thẩm quyền tiến hành *Kiểm tra* đối với *Vận động viên* đó).

[*Chú giải cho mục 4.8.6.5: Nếu các Tổ chức phòng, chống Doping không thể thống nhất được với nhau về việc tổ chức nào sẽ chịu trách nhiệm thu thập thông tin về nơi ở của Vận động viên và cung cấp thông tin này cho các Tổ chức phòng, chống Doping khác có thẩm quyền xét nghiệm Vận động viên, thì mỗi tổ chức phải giải thích bằng văn bản cho WADA về cách họ tin rằng vấn đề này nên được giải quyết và WADA sẽ quyết định dựa trên lợi ích tốt nhất của Vận động viên.*

Quyết định của WADA sẽ là quyết định cuối cùng và không được kháng cáo.]

4.8.7.1. Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia (nếu áp dụng) sẽ thông báo bằng văn bản về mỗi *Vận động viên* được chỉ định bao gồm *Nhóm kiểm tra* đã đăng ký về các nội dung sau:

- a) Rằng họ đã được đưa vào *Nhóm kiểm tra* đã đăng ký của mình có hiệu lực từ một ngày cụ thể trong tương lai;
- b) Các yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện mà họ phải tuân thủ;
- c) Hậu quả nếu họ Không tuân thủ các yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện đó; và
- d) Họ cũng có thể được các *Tổ chức phòng chống Doping* khác có thẩm quyền tiến hành thử nghiệm kiểm tra.

[*Chú giải về mục 4.8.7.1: Thông báo này có thể được thực hiện thông qua Liên đoàn quốc gia hoặc Ủy ban Olympic quốc gia khi Liên đoàn quốc tế/Tổ chức phòng chống Doping quốc gia cho rằng việc làm như vậy là phù hợp hoặc thuận tiện và thông thường sẽ được thực hiện trước một thời gian hợp lý để Vận động viên được đưa vào Nhóm kiểm tra đã đăng ký. Thông báo cũng sẽ giải thích những gì Vận động viên cần làm để tuân thủ Điều 2.4 Yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện của Bộ Luật (hoặc giới thiệu họ đến một địa điểm hoặc nguồn thông tin khác nơi họ có thể tìm thấy thông tin đó). Các vận động viên được đưa vào Nhóm kiểm tra đã đăng ký sẽ được thông báo và nên được Giáo dục để họ hiểu các yêu cầu về nơi cư trú/ tập luyện mà họ phải đáp ứng, cách thức hoạt động của hệ thống nơi cư trú/ tập luyện, Hậu quả của việc Không nộp hồ sơ và Bỏ lỡ Kiểm tra, và quyền của họ trong việc phản đối việc Không nộp hồ sơ và Bỏ lỡ Kiểm tra mà họ bị cáo buộc.*

Các Tổ chức phòng chống Doping cũng nên chủ động giúp các Vận động viên tránh việc Không nộp hồ sơ. Ví dụ, nhiều Tổ chức phòng chống Doping thường xuyên nhắc nhở các Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký của họ về thời hạn nộp Hồ sơ nơi ở/ tập luyện hàng quý, sau đó theo dõi những Vận động viên vẫn chưa nộp hồ sơ cần thiết khi thời hạn đến gần. Tuy nhiên, các Vận động viên vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu nộp hồ sơ, bất kể Tổ chức phòng, chống Doping có cung cấp cho họ sự hỗ trợ đó hay không.]

4.8.7.2. *Vận động viên* đã được đưa vào *Nhóm kiểm tra* đã đăng ký sẽ tiếp tục phải tuân theo Yêu cầu về Hồ sơ nơi ở/tập luyện theo Điều 2.4 của *Bộ Luật* trừ khi và cho đến khi:

- a) Họ đã được mỗi *Tổ chức phòng, chống Doping* đưa vào *Nhóm Kiểm tra* đã đăng ký thông báo bằng văn bản rằng họ không còn đáp ứng các tiêu chí để đưa vào *Nhóm Kiểm tra* Đã đăng ký của tổ chức đó nữa; hoặc
- b) Họ rút lui khỏi *Cuộc thi đấu* ở môn thể thao đang xem xét theo các quy tắc hiện hành và thông báo bằng văn bản về vấn đề đó cho mỗi *Tổ chức phòng, chống Doping* đưa họ vào *Nhóm Kiểm tra* đã đăng ký của tổ chức đó

[*Chú giải về 4.8.7.2: Các quy tắc hiện hành cũng có thể yêu cầu phải gửi thông báo giải nghệ bằng văn bản đến Liên đoàn quốc gia của vận động viên. Trường hợp một vận động viên giải nghệ nhưng sau đó quay lại thể thao, thời gian giải nghệ sẽ không được tính cho mục đích tính toán thời hạn 12 tháng được đề cập trong Điều 2.4 của Bộ Luật.]*

4.8.8 Yêu cầu về Hồ sơ nơi ở/tập luyện của vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký

4.8.8.1 Các *Tổ chức phòng chống Doping* sẽ xem xét Hồ sơ nơi ở/tập luyện của vận động viên để đảm bảo chúng được nộp theo Điều 4.8.8.2 và 4.8.8.3.

4.8.8.2 *Tổ chức phòng, chống Doping* thu thập Hồ sơ về nơi ở/tập luyện của Vận động viên có thể chỉ định một ngày trước ngày đầu tiên của mỗi quý (tức là ngày 1 tháng 1, ngày 1 tháng 4, ngày 1 tháng 7 và ngày 1 tháng 10 tương ứng) khi một Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký phải nộp Hồ sơ về nơi ở có chứa ít nhất các thông tin sau:

[Chú giải về 4.8.8.2: Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập kế hoạch và chuẩn bị cho Thử nghiệm vào ngày đầu tiên của quý (như được nêu trong Điều 4.8.8.2), các Tổ chức phòng, chống Doping có thể yêu cầu thông tin về nơi ở/tập luyện phải được nộp vào ngày 15 của tháng trước quý đó. Tuy nhiên, không có Hậu quả nào đối với việc không nộp trước ngày đầu tiên của quý sẽ được áp dụng]

a) Địa chỉ gửi thư đầy đủ và địa chỉ email cá nhân để có thể gửi thư từ cho Vận động viên nhằm mục đích thông báo chính thức. Bất kỳ thông báo hoặc vật phẩm nào khác được gửi đến địa chỉ đó sẽ được coi là đã được Vận động viên nhận được sau bảy (7) ngày kể từ ngày gửi qua đường bưu điện và ngay khi thông báo về biên lai email đã gửi được tạo/nhận được (tùy theo luật hiện hành);

[Chú giải về 4.8.8.2 (a): Vì mục đích này, Vận động viên phải nêu rõ địa chỉ nơi họ sinh sống hoặc biết rằng thư nhận được tại đó sẽ được chuyển ngay đến họ. Tổ chức phòng, chống Doping cũng được khuyến khích bổ sung điều khoản cơ bản này bằng các điều khoản thông báo và/hoặc "được coi là thông báo" khác trong các quy tắc của mình (ví dụ: cho phép sử dụng fax, email, tin nhắn SMS, các trang web hoặc ứng dụng mạng xã hội được chấp thuận hoặc các phương thức gửi thông báo khác; cho phép bằng chứng về việc thực tế đã nhận thay thế cho việc được coi là đã nhận; cho phép gửi thông báo đến Liên đoàn Quốc gia của Vận động viên nếu thông báo bị trả lại mà không được chuyển đến từ địa chỉ do Vận động viên cung cấp). Mục đích của các điều khoản như vậy là rút ngắn thời gian Quản lý kết quả.]

b) Xác nhận cụ thể rằng Vận động viên hiểu rằng Hồ sơ nơi ở/ tập luyện của họ sẽ được chia sẻ với các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác có thẩm quyền tiến hành Kiểm tra đối với họ;

c) Đối với mỗi ngày trong quý tiếp theo, địa chỉ đầy đủ nơi mà Vận động viên sẽ ở qua đêm (ví dụ: nhà riêng, nơi tạm trú, khách sạn, v.v.);

d) Đối với mỗi ngày trong quý tiếp theo, tên và địa chỉ của từng địa điểm mà Vận động viên sẽ tập luyện, làm việc hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động thường xuyên nào khác (ví dụ: trường học), cũng như khung thời gian thông thường cho các hoạt động thường xuyên đó; và

[Chú giải cho mục 4.8.8.2 (d): Yêu cầu này chỉ áp dụng cho các hoạt động nằm trong thói quen thường xuyên của Vận động viên. Ví dụ, nếu thói quen thường xuyên của Vận động viên bao gồm tập luyện tại phòng tập thể dục, hồ bơi và đường chạy, và các buổi vật lý trị liệu thường xuyên, thì Vận động viên phải cung cấp tên và địa chỉ của phòng tập thể dục, hồ bơi, đường chạy và vật lý trị liệu trong Hồ sơ nơi ở/tập luyện của họ, và sau đó nêu rõ thói quen thường ngày của họ, ví dụ: "Thứ Hai: phòng tập thể dục từ 9-11 giờ, phòng tập thể dục từ 13-17 giờ; Thứ Ba: phòng tập thể dục từ 9-11 giờ, phòng tập thể dục từ 16-18 giờ, Thứ Tư: đường chạy từ 9-11 giờ, vật lý trị liệu từ 3-5 giờ; Thứ năm: phòng tập thể dục 9-12, đường chạy 16-18, Thứ sáu: hồ bơi 9-11, vật lý trị liệu 3-5; Thứ bảy: đường chạy 9-12, hồ bơi 13-15; Chủ nhật: đường chạy 9-11, hồ bơi 13-15". Nếu Vận động viên hiện không tập luyện, họ phải nêu rõ điều đó trong Hồ sơ nơi ở/tập luyện của mình và nêu chi tiết bất kỳ thói quen nào khác mà họ sẽ thực hiện trong quý tiếp theo, ví dụ: thói quen làm việc, lịch học, thói quen phục hồi chức năng hoặc thói quen khác, đồng thời xác định tên và địa chỉ của từng địa điểm thực hiện thói quen đó và khung thời gian thực hiện.

Trong trường hợp môn thể thao đồng đội hoặc môn thể thao khác mà việc thi đấu và/hoặc tập luyện được thực hiện trên cơ sở tập thể, các hoạt động thường xuyên của Vận động viên có thể bao gồm hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, các hoạt động đồng đội.

e) Lịch trình *thi đấu/Giải đấu* của *vận động viên* cho quý tiếp theo, bao gồm tên và địa chỉ của từng địa điểm mà *vận động viên* dự kiến sẽ *thi đấu* trong quý và ngày giờ dự kiến *thi đấu* tại các địa điểm đó.

4.8.8.3 Theo Điều 4.8.8.4, Hồ sơ nơi ở/tập luyện cũng phải bao gồm, cho mỗi ngày trong quý tiếp theo, một khoảng thời gian cụ thể 60 phút từ 5 giờ sáng đến 11 giờ tối mỗi ngày mà *vận động viên* sẽ có mặt và có thể tiếp cận để *Kiểm tra* tại một địa điểm cụ thể.

[*Chú giải cho 4.8.8.3: Vận động viên có thể chọn khoảng thời gian 60 phút từ 5 giờ sáng đến 11 giờ tối để sử dụng cho mục đích này, với điều kiện là trong khoảng thời gian đó, họ phải ở một nơi nào đó mà DCO có thể tiếp cận. Đó có thể là nơi cư trú, nơi tập luyện hoặc nơi thi đấu của vận động viên hoặc có thể là một địa điểm khác (ví dụ: nơi làm việc hoặc trường học). Vận động viên có quyền chỉ định một khoảng thời gian 60 phút mà họ sẽ ở tại khách sạn, tòa nhà chung cư, khu dân cư có cổng hoặc địa điểm khác mà họ có thể tiếp cận Vận động viên thông qua lễ tân hoặc nhân viên bảo vệ. Vận động viên phải đảm bảo có thể tiếp cận được địa điểm 60 phút đã chọn mà không cần báo trước cho Vận động viên. Ngoài ra, Vận động viên có thể chỉ định một khoảng thời gian khi họ tham gia hoạt động đồng đội. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, bất kỳ trường hợp nào không thể tiếp cận và không có mặt để Kiểm tra tại địa điểm đã chỉ định trong khoảng thời gian đã chỉ định sẽ được coi là Bỏ lỡ Kiểm tra.*]

4.8.8.4 Là ngoại lệ duy nhất đối với Điều 4.8.8.3, nếu (nhưng chỉ nếu) có những ngày trong quý có liên quan mà *Vận động viên* được lên lịch *thi đấu* trong một *Giải đấu* (trừ bất kỳ *Giải đấu* nào do *Tổ chức Giải đấu lớn* tổ chức) và *Tổ chức phòng, chống Doping* đưa *Vận động viên* vào Nhóm *Kiểm tra* đã đăng ký hài lòng rằng có đủ thông tin từ các nguồn khác để tìm *Vận động viên* để *Kiểm tra* vào những ngày đó, thì *Tổ chức phòng, chống Doping* đưa *Vận động viên* vào Nhóm *Kiểm tra* đã đăng ký có thể miễn yêu cầu của Điều 4.8.8.2 để chỉ định khoảng thời gian 60 phút đối với những ngày đó ("*Ngày Trong thi đấu*"). Nếu mỗi Liên đoàn Quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia đưa *Vận động viên* vào Nhóm *Kiểm tra* đã đăng ký của mình, thì quyết định của Liên đoàn Quốc tế về việc có miễn yêu cầu đó đối với ngày *Trong thi đấu* hay không sẽ được ưu tiên. Nếu yêu cầu chỉ định khoảng thời gian 60 phút đã được miễn đối với ngày *Trong thi đấu*, *Vận động viên* sẽ chỉ định trong Hồ sơ nơi ở/tập luyện của mình ngày và địa điểm (bao gồm tên *Giải đấu*, địa chỉ qua đêm và bất kỳ hoạt động đào tạo nào) mà họ dự kiến sẽ *trong thi đấu* (và do đó không chỉ định khoảng thời gian 60 phút cho những ngày đó), nếu sau đó họ bị loại khỏi *Cuộc thi* trước khi kết thúc những ngày đó, do đó những ngày còn lại không còn là ngày *Trong thi đấu* nữa, họ phải cập nhật Hồ sơ nơi ở/ tập luyện của mình để cung cấp tất cả thông tin cần thiết cho những ngày đó, bao gồm khoảng thời gian 60 phút được chỉ định trong Điều 4.8.8.3.

4.8.8.5 *Vận động viên* có trách nhiệm đảm bảo rằng họ cung cấp tất cả thông tin được yêu cầu trong Hồ sơ nơi ở/ tập luyện như được nêu trong Điều 4.8.8.2 và 4.8.8.3 một cách chính xác và đủ chi tiết để bất kỳ *Tổ chức phòng, chống Doping* nào muốn làm như vậy có thể xác định vị trí của *Vận động viên* để *Kiểm tra* vào bất kỳ ngày nào trong quý tại thời điểm và địa điểm do *Vận động viên* chỉ định trong Hồ sơ nơi ở/ tập luyện của họ cho ngày đó, bao gồm nhưng không giới hạn trong khoảng thời gian 60 phút được chỉ định cho ngày đó trong Hồ sơ nơi ở/ tập luyện.

a) Cụ thể hơn, *Vận động viên* phải cung cấp đủ thông tin để cho phép *DCO* tìm ra địa điểm, tiếp cận địa điểm và tìm thấy *Vận động viên* tại địa điểm mà không cần thông báo trước cho *Vận động viên*. Việc không làm như vậy có thể bị coi là Không nộp hồ sơ và/hoặc (nếu hoàn cảnh cho phép) là trốn tránh việc lấy mẫu theo Điều 2.3 của *Bộ Luật* và/hoặc Can thiệp hoặc Cố ý Can thiệp *Kiểm soát Doping* theo Điều 2.5 của *Bộ Luật*. Trong mọi trường hợp, *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ xem xét *Kiểm tra* Mục tiêu đối với *Vận động viên*.

[*Chú giải cho mục 4.8.8.5 (a): Ví dụ, các tuyên bố như "chạy trong Rừng Đen" là không đủ và có khả năng dẫn đến Không nộp hồ sơ. Tương tự như vậy, việc chỉ định một địa điểm mà DCO không thể tiếp cận (ví dụ: tòa nhà hoặc khu vực "hạn chế ra vào") có khả năng dẫn đến*

Không nộp hồ sơ. Tổ chức phòng, chống Doping có thể xác định được thông tin không đầy đủ từ chính Hồ sơ nơi ở/tập luyện hoặc chỉ có thể phát hiện ra thông tin không đầy đủ khi cố gắng kiểm tra Vận động viên và không thể xác định được vị trí của họ. Trong cả hai trường hợp, vấn đề này nên được thực hiện như việc Không nộp hồ sơ, và/hoặc (khi hoàn cảnh cho phép) như một sự trốn tránh việc lấy mẫu theo Điều 2.3 của Bộ Luật, và/hoặc như là Sự can thiệp hoặc Cố gắng can thiệp vào Kiểm soát Doping theo Điều 2.5 của Bộ Luật. Thông tin thêm về các yêu cầu Hồ sơ nơi ở/tập luyện có thể tìm thấy trong hướng dẫn của WADA về việc Triển khai Chương trình Kiểm tra hiệu quả. Trong trường hợp một Vận động viên không biết chính xác nơi ở của mình sẽ ở đâu vào mọi thời điểm trong quý tiếp theo, họ phải cung cấp thông tin tốt nhất của mình, dựa trên nơi họ dự kiến sẽ ở vào những thời điểm có liên quan, và sau đó cập nhật thông tin đó khi cần thiết theo Điều 4.8.8.5.]

b) Nếu Vận động viên được kiểm tra trong khoảng thời gian 60 phút, Vận động viên phải ở lại cùng DCO cho đến khi việc lấy mẫu hoàn tất, ngay cả khi mất nhiều thời gian hơn khoảng thời gian 60 phút. Việc không làm như vậy sẽ được coi là vi phạm rõ ràng theo Điều 2.3 của Bộ Luật (từ chối hoặc không nộp mẫu).

c) Nếu Vận động viên không có mặt để Kiểm tra vào đầu khung thời gian 60 phút nhưng có mặt để Kiểm tra sau đó trong khung thời gian 60 phút, DCO phải lấy mẫu và cho phép bằng chứng về việc thực tế đã nhận thay thế cho việc được coi là đã nhận mà phải báo cáo chi tiết về sự chậm trễ trong khả năng có mặt của Vận động viên. Bất kỳ kiểu hành vi nào thuộc loại này đều phải được điều tra như một hành vi vi phạm Luật phòng chống doping có thể xảy ra khi trốn tránh việc lấy Mẫu theo Điều 2.3 hoặc Điều 2.5 của Bộ Luật. Nó cũng có thể thúc đẩy Kiểm tra mục tiêu đối với Vận động viên. Nếu một Vận động viên không có mặt để Kiểm tra trong khung thời gian 60 phút đã chỉ định của họ tại địa điểm đã chỉ định cho khung thời gian đó trong ngày hôm đó, họ sẽ phải chịu trách nhiệm một Bài kiểm tra bị lỗi ngay cả khi chúng được tìm thấy sau đó trong ngày và Mẫu đã được thu thập thành công từ chúng.

d) Sau khi DCO đến địa điểm được chỉ định cho khoảng thời gian 60 phút, nếu không thể tìm thấy Vận động viên ngay lập tức, thì DCO phải ở lại địa điểm đó trong bất kỳ khoảng thời gian nào còn lại của khoảng thời gian 60 phút và trong thời gian còn lại đó, họ phải làm những gì hợp lý trong hoàn cảnh đó để cố gắng tìm ra Vận động viên. Xem hướng dẫn lấy mẫu của WADA để biết hướng dẫn xác định các bước hợp lý trong những trường hợp như vậy. [Chú giải cho mục 4.8.8.5 (d): Trong trường hợp không tìm thấy Vận động viên mặc dù DCO đã nỗ lực hợp lý và chỉ còn năm (5) phút nữa trong khoảng thời gian 60 phút, thì như một biện pháp cuối cùng, DCO có thể (nhưng không nhất thiết phải) gọi điện cho Vận động viên (giả sử họ đã cung cấp số điện thoại của mình trong Hồ sơ nơi ở) để xem họ có ở địa điểm được chỉ định hay không. Nếu Vận động viên trả lời cuộc gọi của DCO và có mặt tại (hoặc ở gần) địa điểm để Xét nghiệm ngay lập tức (tức là trong khoảng thời gian 60 phút), thì DCO phải đợi Vận động viên và lấy Mẫu từ họ như bình thường. Tuy nhiên, DCO cũng phải ghi chú cẩn thận về mọi tình huống để có thể quyết định xem có nên tiến hành bất kỳ cuộc điều tra nào thêm hay không. Cụ thể, DCO phải ghi chú bất kỳ Giải đấu nào cho thấy có thể đã có Sự can thiệp hoặc thao túng nước tiểu hoặc máu của Vận động viên trong khoảng thời gian trôi qua giữa cuộc gọi điện thoại và việc lấy Mẫu. Nếu Vận động viên trả lời cuộc gọi của DCO và không có mặt tại địa điểm đã chỉ định hoặc ở gần, và do đó không thể tự mình có mặt để Xét nghiệm trong khoảng thời gian 60 phút, DCO phải nộp Báo cáo Nỗ lực Không thành công.]

4.8.8.6 Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi có nghĩa là thông tin trong Hồ sơ nơi ở không còn chính xác hoặc đầy đủ theo yêu cầu của Điều 4.8.8.5, Vận động viên phải nộp bản cập nhật để thông tin trong hồ sơ chính xác và đầy đủ. Vận động viên phải luôn cập nhật Hồ sơ nơi ở/tập luyện của mình để phản ánh bất kỳ thay đổi trong bất kỳ ngày nào trong quý đang được xem xét cụ thể; (a) về thời gian hoặc địa điểm của khoảng thời gian 60 phút được chỉ định trong Điều 4.8.8.3; và/hoặc (b) tại nơi họ nghỉ qua đêm. Vận động viên phải nộp bản cập nhật càng sớm càng tốt sau khi họ biết về sự thay đổi hoàn cảnh và trong mọi trường hợp là

trước khoảng thời gian 60 phút được chỉ định trong hồ sơ của họ cho ngày có liên quan. Việc không làm như vậy có thể bị coi là Không nộp hồ sơ và/hoặc (nếu hoàn cảnh cho phép) là trốn tránh việc lấy mẫu theo Điều 2.3 của *Bộ Luật* và/hoặc Can thiệp hoặc Cố ý can thiệp *Kiểm soát Doping* theo Điều 2.5 của *Bộ Luật*. Trong mọi trường hợp, *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ xem xét Thủ nghiệm mục tiêu đối với *Vận động viên*.

[*Chú giải về 4.8.8.6: Tổ chức phòng, chống Doping thu thập Hồ sơ nơi ở của Vận động viên nên cung cấp các cơ chế thích hợp (ví dụ: điện thoại, fax, Internet, email, SMS, các trang mạng xã hội hoặc ứng dụng được chấp thuận) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp các bản cập nhật đó. Mỗi Tổ chức phòng, chống Doping có thẩm quyền tiến hành thử nghiệm đối với Vận động viên có trách nhiệm kiểm tra mọi bản cập nhật do Vận động viên nộp trước khi cố gắng lấy Mẫu từ Vận động viên dựa trên Hồ sơ nơi ở của họ. Tuy nhiên, để tránh nghi ngờ, một Vận động viên cập nhật khung thời gian 60 phút của mình cho một ngày cụ thể trước khung thời gian 60 phút ban đầu vẫn phải tham gia Kiểm tra trong khung thời gian 60 phút ban đầu, nếu họ được bố trí để Kiểm tra trong khung thời gian đó.*]

4.8.9 Khả năng sẵn sàng để Kiểm tra

4.8.9.1 Mọi *Vận động viên* phải tham gia *Kiểm tra* bất kỳ lúc nào và tại bất kỳ địa điểm nào theo yêu cầu của *Tổ chức phòng, chống Doping* có thẩm quyền tiến hành *Kiểm tra*. Ngoài ra, một *Vận động viên* trong Nhóm *Kiểm tra* đã đăng ký phải có mặt và sẵn sàng để *Kiểm tra* vào bất kỳ ngày nào trong khung thời gian 60 phút được chỉ định cho ngày đó trong Hồ sơ nơi ở của họ, tại địa điểm mà *Vận động viên* đã chỉ định cho khung thời gian đó.

[*Chú giải cho 4.8.9.1: Để Kiểm tra có hiệu quả trong việc ngăn chặn và phát hiện gian lận, thì nó phải càng không thể đoán trước càng tốt. Do đó, mục đích đằng sau khoảng thời gian 60 phút không phải là giới hạn Kiểm tra trong khoảng thời gian đó hoặc tạo ra khoảng thời gian 'mặc định' cho Kiểm tra, hơn là:*

a) Làm rõ khi nào thì một nỗ lực không thành công trong việc kiểm tra một *Vận động viên* sẽ được tính là Bỏ lỡ Kiểm tra:

b) Đảm bảo rằng có thể tìm thấy *Vận động viên* và có thể lấy mẫu, ít nhất một lần mỗi ngày (điều này sẽ ngăn chặn việc sử dụng doping hoặc ít nhất là khiến việc này trở nên khó khăn hơn nhiều);

c) Tăng độ tin cậy của phân thông tin về nơi ở còn lại do *Vận động viên* cung cấp, và do đó hỗ trợ *Tổ chức phòng, chống Doping* trong việc xác định vị trí của *Vận động viên* để *Kiểm tra* ngoài khoảng thời gian 60 phút. Khoảng thời gian 60 phút "gắn" *Vận động viên* vào một địa điểm nhất định trong một ngày cụ thể. Kết hợp với thông tin mà *Vận động viên* phải cung cấp về nơi họ nghỉ qua đêm, luyện tập, thi đấu và tiến hành các hoạt động "thường xuyên" khác trong ngày đó, *Tổ chức phòng, chống Doping* phải có thể xác định được *Vận động viên* để *Kiểm tra* ngoài khung thời gian 60 phút; và

d) Để tạo ra thông tin tình báo phòng chống Doping hữu ích, ví dụ, nếu *Vận động viên* thường xuyên chỉ định các khung thời gian có khoảng trống lớn giữa các khung thời gian đó và/hoặc thay đổi khung thời gian và/hoặc địa điểm của mình vào phút cuối. Thông tin tình báo đó có thể được coi là cơ sở để *Kiểm tra* mục tiêu đối với *Vận động viên* đó.]

4.8.10. (Các) Nhóm kiểm tra

4.8.10.1 Bậc dưới Nhóm kiểm tra đã đăng ký là nhóm kiểm tra và phải bao gồm các *Vận động viên* mà một số thông tin về nơi ở/ tập luyện được yêu cầu để xác định vị trí và *kiểm tra Vận động viên* ít nhất một lần mỗi năm Ngoài thi đấu. Ít nhất, điều này phải bao gồm địa chỉ qua đêm, lịch thi đấu/Giải đấu và các hoạt động đào tạo thường xuyên. Các *Vận động viên* trong nhóm *kiểm tra* không phải tuân theo các yêu cầu của Điều 2.4 của *Bộ Luật*. Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia sẽ xem xét các tiêu chí sau để đưa các *vận động viên* vào nhóm *kiểm tra*:

a) Các *vận động viên* mà Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có kế hoạch *kiểm tra* ít nhất một lần mỗi năm Ngoài thi đấu (độc lập hoặc phối hợp theo thỏa

thuận với các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác có Thẩm quyền thử nghiệm đối với cùng một *Vận động viên*);

b) Các *vận động viên* của các môn thể thao có đủ thông tin về nơi ở để xác định vị trí của họ để Kiểm tra thông qua thi đấu/Giải đấu đồng đội thường xuyên và hoạt động đồng đội.

4.8.10.2 Khi tổ chức và thực hiện đào tạo trong một môn thể thao trên cơ sở tập thể thay vì cá nhân, liên quan đến hoạt động đồng đội, Liên đoàn Quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có thể quyết định rằng việc đưa *Vận động viên* vào nhóm Kiểm tra là đủ. Tuy nhiên, trong những khoảng thời gian không có lịch hoạt động đồng đội (ví dụ: ngoài mùa giải) hoặc khi *Vận động viên* không tham gia hoạt động của đội (ví dụ: đang phục hồi sau chấn thương), thì theo các quy định của Liên đoàn Quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia, *Vận động viên* có thể được yêu cầu cung cấp thông tin được cá nhân hóa hơn để có thể Kiểm tra không thông báo trước đối với *Vận động viên* trong những khoảng thời gian này. Nếu thông tin về nơi ở được yêu cầu không đủ để tiến hành Kiểm tra không thông báo trước trong những khoảng thời gian này, Liên đoàn sẽ đưa *Vận động viên* vào Nhóm Kiểm tra đã đăng ký của mình và Điều 2.4 của Bộ Luật Yêu cầu về nơi ở sẽ được áp dụng.

4.8.10.3 Để đảm bảo thông tin về nơi ở chính xác được lưu trữ và duy trì bởi các *Vận động viên* trong Nhóm kiểm tra, Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng chống Doping* quốc gia phải, trong phạm vi các quy tắc và thủ tục của mình, bao gồm các hậu quả thích hợp và tương xứng không được nêu trong Điều 2.4 của Bộ Luật đối với từng *Vận động viên* hoặc các đội tham gia Nhóm kiểm tra, nếu;

- a) thông tin về nơi ở không được lưu trữ vào ngày (các ngày) được nêu trong các quy tắc; hoặc
- b) thông tin về nơi ở không được xác định là chính xác sau Nỗ lực kiểm tra; hoặc
- c) thông tin thu được trái ngược với thông tin về nơi ở được cung cấp.

[*Chú giải 4.8.10.3: Những hậu quả như vậy có thể được thêm vào việc nâng một Vận động viên lên Nhóm kiểm tra đã đăng ký như được mô tả trong Điều 4.8.6.1 (d)*]

4.8.10.4 Thông tin về nơi ở của các *Vận động viên* trong Nhóm kiểm tra cũng phải được lưu trữ trong ADAMS để có thể phối hợp kiểm tra tốt hơn giữa các *Tổ chức phòng, chống Doping*. Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia cũng có thể yêu cầu lịch trình nơi ở với thời hạn thường xuyên hơn, ví dụ như hàng tuần, hàng tháng hoặc hàng quý trong phạm vi các quy định hoặc thủ tục của mình phù hợp hơn với nhu cầu và yêu cầu của hoạt động đồng đội trong môn thể thao có liên quan.

4.8.10.5 Các *vận động viên* được chỉ định đưa vào nhóm Kiểm tra sẽ được Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia thông báo trước bằng văn bản về việc đưa họ vào nhóm kiểm tra, các yêu cầu về nơi ở và hậu quả áp dụng.

4.8.11 Các nhóm khác

4.8.11.1 Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có thể triển khai các nhóm khác cho các *vận động viên* không đáp ứng các tiêu chí của Điều 4.5.2 và trong trường hợp các yêu cầu về nơi ở giảm dần có thể được Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia xác định. Các *vận động viên* trong các nhóm như vậy không phải tuân theo Điều 2.4 Yêu cầu về nơi ở của Bộ Luật.

4.8.12 Lựa chọn Vận động viên cho các nhóm nơi ở khác nhau và sự phối hợp giữa các Liên đoàn quốc tế và Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia.

4.8.12.1 Mỗi Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có toàn quyền lựa chọn *Vận động viên* nào sẽ vào loại nhóm nơi ở nào. Tuy nhiên, Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia phải có khả năng chứng minh rằng họ đã đánh giá đúng các rủi ro có liên quan, mức độ ưu tiên cần thiết theo Điều 4.2 đến 4.7 và họ đã áp dụng các tiêu chí phù hợp dựa trên kết quả đánh giá đó.

4.8.12.2 Sau khi Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia đã chọn *Vận động viên* cho Nhóm kiểm tra đã đăng ký của mình, họ phải chia sẻ và duy trì danh sách *Vận*

động viên thông qua ADAMS với Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có liên quan.

4.8.12.3 Nếu một *Vận động viên* thuộc một nhóm nơi ở của Liên đoàn quốc tế và một nhóm nơi ở khác của *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia, họ phải nộp hồ sơ nơi ở của mình và tuân thủ bất kỳ nhóm nơi ở nào có yêu cầu về nơi ở cao hơn.

4.8.12.4 Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia phải phối hợp lựa chọn nhóm nơi ở của *Vận động viên* và các hoạt động thử nghiệm để tránh trùng lặp và tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực. Do sự phối hợp và hiệu quả về nguồn lực như vậy, Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia sẽ xem xét thêm nhiều *vận động viên* vào Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký hoặc nhóm *kiểm tra* của mình để đảm bảo tiến hành mức độ thử nghiệm cao hơn đối với nhiều *vận động viên* "có nguy cơ" hơn.

4.8.12.5 Mỗi Liên đoàn quốc tế và mỗi *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia sẽ:

a) Thường xuyên xem xét và cập nhật khi cần thiết các tiêu chí của họ để đưa các *vận động viên* vào Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký và nhóm *kiểm tra* của họ để đảm bảo rằng họ vẫn phù hợp với mục đích, tức là họ đang thu thập tất cả các *vận động viên* phù hợp. Họ sẽ tính đến lịch *thi đấu/Giải đấu* trong khoảng thời gian có liên quan và thay đổi hoặc tăng số lượng *vận động viên* trong Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký hoặc nhóm *kiểm tra* trước khi diễn ra một *Giải đấu* lớn (ví dụ: Thế vận hội Olympic, Thế vận hội dành cho Người khuyết tật, Giải vô địch thế giới và các *Giải đấu* thể thao nhiều môn khác) để đảm bảo những *vận động viên* tham gia phải chịu đủ mức *Kiểm tra Ngoài thi đấu* theo bất kỳ Đánh giá rủi ro nào.

b) Định kỳ xem xét trong năm/chu kỳ theo tình hình thay đổi danh sách các *Vận động viên* trong Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký và nhóm *kiểm tra* của họ để đảm bảo rằng mỗi *Vận động viên* được liệt kê tiếp tục đáp ứng các tiêu chí có liên quan. Các *Vận động viên* không còn đáp ứng các tiêu chí sẽ bị xóa khỏi Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký và/hoặc nhóm *kiểm tra* và các *Vận động viên* hiện đáp ứng các tiêu chí sẽ được thêm vào. Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia sẽ thông báo cho các *Vận động viên* đó về sự thay đổi về tình trạng của họ và lập ngay danh sách mới các *Vận động viên* trong nhóm áp dụng.

4.8.13 **Tổ chức Giải đấu lớn**

4.8.13.1 Đối với các giai đoạn *Vận động viên* thuộc Thẩm quyền kiểm tra của một *Tổ chức Giải đấu lớn*:

a) Nếu các *Vận động viên* thuộc Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký, thì *Tổ chức Giải đấu lớn* có thể truy cập vào Hồ sơ nơi ở của họ trong giai đoạn có liên quan để tiến hành *Kiểm tra Ngoài thi đấu* đối với họ; hoặc

b) *Tổ chức Giải đấu lớn* có thể áp dụng các quy tắc cụ thể của *Giải đấu*, bao gồm các hậu quả yêu cầu *Vận động viên* hoặc bên thứ ba có liên quan cung cấp thông tin về nơi ở của họ trong khoảng thời gian có liên quan mà tổ chức cho là cần thiết và tương xứng để tiến hành *Kiểm tra Ngoài thi đấu*.

4.8.14 **Trách nhiệm về nơi ở/tập luyện**

4.8.14.1 Bất kể điều khoản nào khác của Điều 4.8:

a) Liên đoàn quốc tế có thể đề xuất và *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có thể đồng ý ủy quyền một số hoặc toàn bộ trách nhiệm về nơi ở/nơi tập luyện của Liên đoàn quốc tế theo Điều 4.8 cho *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia hoặc Điều phối viên Kiểm soát Doping theo quy định tại (f) dưới đây;

b) Liên đoàn quốc tế có thể ủy quyền một số hoặc toàn bộ trách nhiệm về nơi ở của mình theo Điều 4.8 cho Liên đoàn quốc gia hoặc Điều phối viên Kiểm soát Doping của *Vận động viên* theo quy định tại (f) dưới đây; hoặc

c) *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia có thể ủy quyền một số hoặc toàn bộ trách nhiệm về nơi ở của mình theo Điều 4.8 cho Liên đoàn quốc gia, Điều phối viên Kiểm soát Doping của *Vận động viên* hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* phù hợp khác có thẩm quyền đối với *Vận động viên* có liên quan theo quy định tại (f) dưới đây;

d) Trường hợp không có *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia phù hợp, Ủy ban Olympic quốc gia sẽ đảm nhận trách nhiệm về nơi ở của *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia được nêu trong Điều 4.8; và

e) Trường hợp WADA xác định rằng Liên đoàn quốc tế hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia (tùy từng trường hợp) không thực hiện một số hoặc toàn bộ trách nhiệm về nơi ở của mình theo Điều 4.8, WADA có thể ủy quyền một số hoặc toàn bộ trách nhiệm đó cho bất kỳ *Tổ chức phòng, chống Doping* phù hợp nào khác.

f) *Tổ chức phòng, chống Doping* (cho dù là Liên đoàn quốc tế, *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia hay *Tổ chức phòng, chống Doping* khác có thẩm quyền đối với *Vận động viên* đang được đề cập) luôn ủy quyền (toàn bộ hoặc một phần) trách nhiệm của mình cho Liên đoàn quốc gia hoặc Điều phối viên Kiểm soát Doping vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng về các hành vi và/hoặc thiếu sót của tổ chức mà tổ chức đó đã ủy quyền.

4.8.14.2 Liên đoàn quốc gia phải *Nỗ lực* hết sức để hỗ trợ Liên đoàn quốc tế và/hoặc *Tổ chức phòng, chống Doping* quốc gia (nếu có) trong việc thu thập thông tin về nơi ở của các *Vận động viên* chịu sự quản lý của Liên đoàn quốc gia đó, bao gồm (không giới hạn) việc đưa ra các điều khoản đặc biệt trong các quy tắc của mình cho mục đích đó.

4.8.14.3 Một *Vận động viên* có thể chọn ủy quyền nhiệm vụ nộp thông tin về nơi ở của mình (và/hoặc bất kỳ thông tin cập nhật nào về nơi ở đó) cho bên thứ ba, chẳng hạn như huấn luyện viên, *Người quản lý* hoặc Liên đoàn quốc gia, với điều kiện bên thứ ba đồng ý với việc ủy quyền đó. *Tổ chức phòng, chống Doping* thu thập thông tin về nơi ở của *Vận động viên* có thể yêu cầu nộp thông báo bằng văn bản về bất kỳ ủy quyền nào đã thỏa thuận, có chữ ký của cả *Vận động viên* có liên quan và bên ủy quyền thứ ba.

[*Chú giải cho 4.8.14.3: Ví dụ, một Vận động viên tham gia một Môn thể thao đồng đội hoặc môn thể thao khác mà việc thi đấu và/hoặc tập luyện được thực hiện trên cơ sở tập thể, có thể giao nhiệm vụ nộp thông tin về nơi ở của mình cho đội, do một huấn luyện viên, một Người quản lý hoặc một Liên đoàn quốc gia thực hiện. Thật vậy, để thuận tiện và hiệu quả, một Vận động viên trong một môn thể thao như vậy có thể ủy quyền nộp thông tin về nơi ở của mình cho đội của mình không chỉ theo các thời kỳ hoạt động của đội mà còn cho các giai đoạn họ không ở trong đội, với điều kiện là đội đồng ý. Trong những trường hợp như vậy, Vận động viên sẽ cần cung cấp thông tin về nơi ở cá nhân của mình trong giai đoạn đó cho đội, để bổ sung cho thông tin mà đội cung cấp liên quan đến hoạt động của đội.*]

4.8.14.4 Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, bao gồm cả trường hợp của *Vận động viên* trong các môn thể thao đồng đội:

a) Mỗi *Vận động viên* vẫn chịu trách nhiệm cuối cùng mọi lúc về việc nộp thông tin chính xác và đầy đủ về nơi ở và có mặt để *Kiểm tra* tại thời điểm và địa điểm được chỉ định trong thông tin nơi ở của họ, cho dù họ tự nộp hay ủy quyền nhiệm vụ cho bên thứ ba. Khi một *Vận động viên* phải tuân thủ các yêu cầu về nơi ở, cho dù được đưa vào Nhóm *kiểm tra* đã đăng ký hay nhóm *kiểm tra*, *Vận động viên* không thể sử dụng làm lý do để tránh hậu quả áp dụng, rằng họ đã ủy quyền trách nhiệm đó cho bên thứ ba và bên thứ ba đã Không tuân thủ các yêu cầu hiện hành về nơi ở.

b) Đối với các *Vận động viên* trong Nhóm đăng ký *kiểm tra*

Việc *Vận động viên* ủy quyền trách nhiệm nộp thông tin về nơi ở của mình trong khoảng thời gian có liên quan cho bên thứ ba và bên thứ ba đó đã không nộp thông tin chính xác hoặc không cập nhật thông tin đã nộp trước đó để đảm bảo rằng thông tin về nơi ở trong hồ sơ nơi ở trong ngày đó là thông tin mới nhất và chính xác sẽ không được coi là lời bào chữa cho cáo buộc về việc Không nộp hồ sơ hoặc Bỏ lỡ Kiểm tra.

[*Chú giải về mục 4.8.14.4: Ví dụ, nếu Nỗ lực kiểm tra một Vận động viên trong Nhóm kiểm tra đã đăng ký trong khoảng thời gian 60 phút không thành công do bên thứ ba nộp thông tin sai hoặc không cập nhật thông tin đã nộp trước đó khi thông tin chi tiết đã thay đổi sau đó, thì Vận động viên đó vẫn phải chịu trách nhiệm về việc Không nộp hồ sơ. Điều này phải đúng vì nếu một Vận động viên có thể đổ lỗi cho bên thứ ba của mình vì không có mặt hoặc không thể*

tiếp cận để Kiểm tra tại một địa điểm do bên thứ ba chỉ định, thì họ sẽ có thể tránh được trách nhiệm giải trình về nơi ở của mình để Kiểm tra. Tất nhiên, bên thứ ba có cùng lợi ích như Vận động viên trong việc đảm bảo tính chính xác của Hồ sơ nơi ở và tránh việc Không nộp hồ sơ từ phía Vận động viên. Nếu bên thứ ba là quan chức của đội nộp thông tin sai liên quan đến hoạt động của đội hoặc không cập nhật thông tin đã nộp trước đó khi các chi tiết về hoạt động của đội sau đó đã thay đổi, thì đội có thể phải chịu trách nhiệm riêng về lệnh trừng phạt theo các quy tắc hiện hành của Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia vì lỗi đó. Nếu Vận động viên/các Vận động viên đang ở trong nhóm Kiểm tra, thì Vận động viên/các Vận động viên sẽ phải chịu hậu quả hiện hành theo các quy tắc của Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng, chống Doping quốc gia.]

4.9. Phối hợp với các Tổ chức phòng, chống Doping khác

4.9.1 Các Tổ chức phòng, chống Doping phải phối hợp các Nỗ lực Kiểm tra của mình với các Nỗ lực của các Tổ chức phòng, chống Doping khác có Cơ quan Kiểm tra chồng chéo, nhằm tối đa hóa hiệu quả của các Nỗ lực kết hợp đó, tránh việc Kiểm tra lặp lại không cần thiết đối với các Vận động viên cụ thể và đảm bảo các Vận động viên tham gia các Giải đấu Quốc tế được kiểm tra phù hợp trước. Đặc biệt, các Tổ chức phòng, chống Doping phải:

- a) Tham vấn với các Tổ chức phòng, chống Doping có liên quan khác để phối hợp các hoạt động Kiểm tra (bao gồm lựa chọn nhóm nơi ở của Vận động viên và Kế hoạch phân phối Kiểm tra, có thể bao gồm Kiểm tra Ngoài thi đấu trước khi diễn ra Giải đấu lớn) và tránh trùng lặp. Thỏa thuận rõ ràng về vai trò và trách nhiệm đối với Kiểm tra Giải đấu phải được thỏa thuận trước theo Điều 5.3 của Bộ Luật. Trong trường hợp không thể thỏa thuận như vậy, WADA sẽ giải quyết vấn đề theo các nguyên tắc được nêu tại Phụ lục H - Kiểm tra Giải đấu;
- b) Trong vòng hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày lấy mẫu, hãy nhập biểu mẫu Kiểm soát Doping vào ADAMS cho tất cả các Mẫu đã thu thập
- c) Chia sẻ thông tin về yêu cầu về nơi ở của Vận động viên khi có Cơ quan Kiểm tra chồng chéo thông qua ADAMS
- d) Chia sẻ thông tin về các chương trình Hồ sơ sinh học của vận động viên khi có Cơ quan Kiểm tra chồng chéo thông qua ADAMS; và
- e) Chia sẻ thông tin tình báo về Vận động viên khi có Cơ quan Kiểm tra chồng chéo

4.9.2 Các Tổ chức phòng, chống Doping có thể ký hợp đồng với các Tổ chức phòng, chống Doping khác hoặc Bên thứ ba được Ủy quyền để hoạt động với tư cách là Điều phối viên Kiểm soát Doping hoặc Cơ quan lấy mẫu thay mặt cho họ. Theo các điều khoản của hợp đồng, Tổ chức phòng, chống Doping ủy quyền (với mục đích này là Cơ quan Kiểm tra) có thể chỉ định cách thức cơ quan lấy mẫu thực hiện bất kỳ quyền quyết định nào được trao cho Cơ quan lấy mẫu theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra khi lấy mẫu thay mặt cho mình.

[Chú giải về 4.9.2: Ví dụ, Tiêu chuẩn Quốc tế về Kiểm tra và Điều tra trao quyền quyết định về các tiêu chí được sử dụng để xác nhận danh tính của Vận động viên (Điều 5.3.4), về các trường hợp được phép báo cáo chậm trễ tới trạm Kiểm soát Doping (Điều 5.4.4), về những ai có thể có mặt trong Phiên lấy mẫu (Điều 6.3.3), và các tiêu chí được sử dụng để đảm bảo rằng mỗi mẫu được thu thập được lưu trữ theo cách bảo vệ tính toàn vẹn, danh tính và an toàn của mẫu trước khi vận chuyển từ trạm Kiểm soát Doping (Điều 8.3.1) và về các hướng dẫn mà DCO phải tuân theo khi xác định xem có trường hợp ngoại lệ nào có nghĩa là Phiên lấy mẫu phải bị hủy bỏ mà không lấy mẫu có trọng lượng riêng thích hợp để Phân tích (Điều F.4.5) và chia sẻ thông tin/tình báo thu được (Điều 11).]

4.9.3 Các Tổ chức phòng, chống Doping nên tham khảo ý kiến và phối hợp với nhau, với WADA và với cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan có liên quan khác chính quyền, trong việc thu thập, phát triển và chia sẻ thông tin và tin tình báo có thể hữu ích trong việc thông báo kế hoạch phân phối Thử nghiệm, theo Điều 11.

5.1 Mục đích

Mục đích là đảm bảo rằng *Vận động viên* đã được chọn để *Kiểm tra* được thông báo đúng cách mà không cần thông báo trước về việc lấy *mẫu* như đã nêu trong Điều 5.3.1 và 5.4.1, rằng các quyền của *Vận động viên* được duy trì, rằng không có cơ hội nào để thao túng *mẫu* được cung cấp và rằng thông báo được ghi lại.

5.2 Tổng quan

Thông báo cho *Vận động viên* bắt đầu khi cơ quan lấy mẫu khởi tạo thông báo cho *Vận động viên* được chọn và kết thúc khi *Vận động viên* đến tram Kiểm soát Doping hoặc khi *Vận động viên* có thể Không tuân thủ. Các hoạt động chính là:

- Chỉ định DCO, Người giám hộ và nhân viên lấy mẫu khác đủ để đảm bảo Kiểm tra không có thông báo trước và quan sát liên tục *Vận động viên* được thông báo về việc họ được chọn để cung cấp *Mẫu*;
- Xác định vị trí của *Vận động viên* và xác nhận danh tính của họ;
- Thông báo cho *Vận động viên* rằng họ đã được chọn để cung cấp *Mẫu* và về các quyền và trách nhiệm của họ;
- Liên tục giám sát *Vận động viên* từ thời điểm thông báo cho đến khi đến Tram Kiểm soát Doping được chỉ định; và
- Ghi lại thông báo hoặc nỗ lực thông báo.

5.3 Yêu cầu trước khi thông báo cho Vận động viên

5.3.1 Kiểm tra không thông báo trước sẽ là phương pháp lấy *mẫu* trừ khi có những trường hợp ngoại lệ và có thể biện minh được. *Vận động viên* sẽ là *Người* đầu tiên được thông báo rằng họ đã được chọn để lấy *mẫu*, trừ khi cần liên hệ trước với bên thứ ba theo quy định tại Điều 5.3.7. Để đảm bảo rằng *Kiểm tra* được tiến hành trên cơ sở Kiểm tra không thông báo trước, Cơ quan Kiểm tra (và Cơ quan lấy mẫu, nếu khác nhau) sẽ đảm bảo rằng các quyết định lựa chọn *Vận động viên* chỉ được tiết lộ trước khi *Kiểm tra* cho những *Người* thực sự cần biết để *Kiểm tra* đó được tiến hành. Bất kỳ thông báo nào cho bên thứ ba sẽ được thực hiện theo cách an toàn và bảo mật để không có rủi ro rằng *Vận động viên* sẽ nhận được bất kỳ thông báo trước nào về việc họ được chọn để lấy *Mẫu*. Đối với *Kiểm tra Trong thi đấu*, thông báo đó sẽ được thực hiện vào cuối *Cuộc thi* mà *Vận động viên* đang thi đấu.

[*Chú giải cho mục 5.3.1: Mọi Nỗ lực phải được thực hiện để đảm bảo rằng Địa điểm tổ chức Giải đấu hoặc nhân viên địa điểm đào tạo không biết rằng Kiểm tra có thể diễn ra trước. Liên đoàn quốc gia hoặc cơ quan khác không được phép yêu cầu thông báo trước về Kiểm tra Vận động viên theo thẩm quyền của mình để có thể có đại diện tham dự Kiểm tra đó.*]

5.3.2 Để tiến hành hoặc hỗ trợ các Phiên lấy mẫu, Cơ quan lấy mẫu sẽ chỉ định và ủy quyền cho nhân viên lấy mẫu đã được đào tạo cho các trách nhiệm được giao, không có xung đột lợi ích trong kết quả lấy *mẫu* và không phải là *Người* chưa thành niên.

5.3.3 Nhân viên lấy mẫu sẽ có tài liệu chính thức do Cơ quan lấy mẫu cung cấp, chứng minh thẩm quyền lấy *mẫu* từ *Vận động viên*, chẳng hạn như thư ủy quyền từ Cơ quan xét nghiệm. DCO cũng sẽ mang theo giấy tờ tùy thân bổ sung bao gồm tên và ảnh của họ (tức là thẻ căn cước của Cơ quan lấy mẫu, giấy phép lái xe, thẻ y tế, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ tương tự) và ngày hết hạn của giấy tờ tùy thân.

5.3.4 Cơ quan xét nghiệm hoặc Cơ quan lấy mẫu sẽ thiết lập các tiêu chí để xác thực danh tính của *Vận động viên* được chọn để cung cấp *Mẫu*. Điều này đảm bảo rằng *Vận động viên* được chọn chính là *Vận động viên* được thông báo. Nếu không thể dễ dàng nhận dạng được *Vận động viên*, có thể yêu cầu bên thứ ba nhận dạng họ và ghi lại thông tin chi tiết về giấy tờ tùy thân đó.

5.3.5 Cơ quan lấy mẫu, DCO hoặc Người giám hộ, tùy trường hợp, sẽ xác định vị trí của Vận động viên được chọn và lập kế hoạch về cách tiếp cận và thời gian thông báo, có tính đến các tình huống cụ thể của buổi tập huấn/ thi đấu/ môn thể thao v.v. và tình huống đang được đề cập.

5.3.6 Cơ quan lấy mẫu, DCO hoặc Người giám hộ, tùy trường hợp, sẽ ghi lại các Nỗ lực thông báo cho Vận động viên và (các) kết quả.

5.3.7 Cơ quan lấy mẫu, DCO hoặc Người giám hộ, tùy trường hợp, sẽ xem xét liệu có cần thông báo cho bên thứ ba trước khi thông báo cho Vận động viên hay không; trong các trường hợp sau:

a) Khi cần thiết do khiếm khuyết của Vận động viên (như quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi cho Vận động viên khuyết tật);

b) Khi Vận động viên là Trẻ vị thành niên (như quy định tại Phụ lục B - Sửa đổi cho Vận động viên là Trẻ vị thành niên);

c) Khi cần và có Người buổi dịch cho thông báo;

d) Khi cần hỗ trợ Nhân viên lấy mẫu để xác định Vận động viên cần được kiểm tra và thông báo cho Vận động viên đó rằng họ được yêu cầu cung cấp Mẫu.

[*Chú giải về 5.3.7: Được phép thông báo cho bên thứ ba rằng sẽ tiến hành Xét nghiệm Trẻ vị thành niên hoặc Vận động viên khuyết tật. Tuy nhiên, không có yêu cầu phải thông báo cho bất kỳ bên thứ ba nào (ví dụ: bác sĩ của đội) về nhiệm vụ Kiểm soát Doping khi không cần hỗ trợ như vậy. Nếu bên thứ ba được yêu cầu thông báo trước khi thông báo, bên thứ ba đó phải có DCO hoặc Người giám hộ đi cùng để thông báo cho Vận động viên.*]

5.4 Yêu cầu về Thông báo cho Vận động viên

5.4.1 Khi liên hệ ban đầu, Cơ quan lấy mẫu, DCO hoặc Người giám hộ, tùy trường hợp, sẽ đảm bảo rằng Vận động viên và/hoặc bên thứ ba (nếu được yêu cầu theo Điều 5.3.7) được thông báo rằng:

a) Vận động viên được yêu cầu phải trải qua quá trình lấy mẫu;

b) Về cơ quan thực hiện việc lấy mẫu;

c) Về loại hình lấy mẫu và bất kỳ điều kiện nào cần tuân thủ trước khi lấy mẫu;

d) Về các quyền của Vận động viên, bao gồm quyền:

(i) Có Người đại diện và nếu có, có buổi dịch đi cùng, theo Điều 6.3.3(a);

(ii) Yêu cầu cung cấp thêm thông tin về quy trình lấy mẫu;

(iii) Yêu cầu hoãn báo cáo với Trạm Kiểm soát Doping vì lý do chính đáng theo Điều 5.4.4; và

(iv) Yêu cầu sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi cho Vận động viên khuyết tật.

e) Về trách nhiệm của Vận động viên, bao gồm yêu cầu:

(i) Luôn luôn được DCO/Người giám hộ theo dõi liên tục từ thời điểm DCO/Người giám hộ liên lạc ban đầu cho đến khi hoàn tất quy trình lấy mẫu;

(ii) Xuất trình giấy tờ tùy thân theo Điều 5.3.4;

(iii) Tuân thủ quy trình lấy mẫu (và Vận động viên phải được thông báo về Hệ quả có thể xảy ra nếu Không tuân thủ): và

(iv) Báo cáo ngay để lấy mẫu, trừ khi có lý do chính đáng để chậm trễ, theo quy định tại Điều 5.4.4.

f) Về vị trí của Trạm Kiểm soát Doping;

g) Nếu Vận động viên chọn ăn hoặc uống trước khi cung cấp Mẫu, họ phải tự chịu rủi ro;

h) Không được uống quá nhiều nước vì điều này có thể làm chậm quá trình lấy Mẫu phù hợp; và

i) Bất kỳ mẫu nước tiểu nào do Vận động viên cung cấp cho Nhân viên lấy mẫu sẽ là mẫu nước tiểu đầu tiên của Vận động viên sau khi được thông báo.

5.4.2 Khi thực hiện thông báo, DCO/Người giám hộ phải:

a) Từ thời điểm liên lạc cho đến khi Vận động viên rời khỏi Trạm Kiểm soát Doping vào cuối Phiên lấy mẫu, hãy luôn theo dõi Vận động viên;

b) Xác nhận danh tính của mình với *Vận động viên* bằng tài liệu được đề cập trong Điều 5.3.3; và

c) Xác nhận danh tính của *Vận động viên* theo các tiêu chí được thiết lập trong Điều 5.3.4. Việc xác nhận danh tính của *Vận động viên* bằng bất kỳ phương pháp nào khác hoặc không xác nhận được danh tính của *Vận động viên* phải được ghi lại và báo cáo cho Cơ quan Kiểm tra. Trong trường hợp không thể xác nhận danh tính của *Vận động viên* theo các tiêu chí được thiết lập trong Điều 5.3.4, Cơ quan Kiểm tra sẽ quyết định xem có nên theo dõi theo Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả hay không.

5.4.3 DCO/Người giám hộ sẽ yêu cầu *Vận động viên* ký vào một *mẫu* đơn thích hợp để xác nhận và chấp nhận thông báo. Nếu *Vận động viên* từ chối ký xác nhận rằng họ đã được thông báo hoặc trốn tránh thông báo, DCO/Người giám hộ, nếu có thể, sẽ thông báo cho *Vận động viên* về hậu quả của việc Không tuân thủ và Người giám hộ (nếu không phải là DCO) sẽ báo cáo ngay lập tức mọi sự việc có liên quan cho DCO. Khi có thể, DCO sẽ tiếp tục lấy *mẫu*. DCO sẽ ghi lại các sự việc trong một báo cáo chi tiết và báo cáo các tình huống cho Cơ quan Kiểm tra. Cơ quan Kiểm tra sẽ thực hiện các bước được quy định trong Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

5.4.4 DCO/Người giám hộ có thể tùy ý xem xét bất kỳ yêu cầu hợp lý nào của bên thứ ba hoặc bất kỳ yêu cầu nào của *Vận động viên* về việc xin phép trì hoãn việc báo cáo với Trạm Kiểm soát Doping sau khi xác nhận và chấp nhận thông báo và/hoặc tạm thời rời khỏi Trạm Kiểm soát Doping sau khi đến. DCO/Người giám hộ có thể cấp phép như vậy nếu *Vận động viên* có thể được liên tục giám sát và được theo dõi liên tục trong thời gian trì hoãn. Có thể cho phép báo cáo chậm trễ hoặc tạm thời rời khỏi trạm Kiểm soát Doping đối với các hoạt động sau:

a) Đối với Kiểm tra Trong thi đấu:

- (i) Tham gia lễ trao giải;
- (ii) Thực hiện các cam kết với phương tiện truyền thông;
- (iii) Tham gia các Cuộc thi tiếp theo,
- (iv) Thực hiện khởi động;
- (v) Nhận điều trị y tế cần thiết;
- (vi) Tìm Người đại diện và/hoặc buổi dịch;
- (vii) Nhận giấy tờ tùy thân có ảnh; hoặc
- (viii) Bất kỳ trường hợp hợp lý nào khác do DCO xác định, có tính đến bất kỳ hướng dẫn nào của Cơ quan Kiểm tra.

Đối với Kiểm tra Ngoài thi đấu:

- (i) Tìm Người đại diện;
- (ii) Hoàn thành buổi tập luyện;
- (iii) Nhận điều trị y tế cần thiết;
- (iv) Có giấy tờ tùy thân có ảnh; hoặc
- (v) Bất kỳ trường hợp hợp lý nào khác do DCO xác định, có tính đến bất kỳ hướng dẫn nào của Cơ quan Kiểm tra.

5.4.5 DCO/Người giám hộ sẽ từ chối yêu cầu trì hoãn của *Vận động viên* nếu không thể liên tục quan sát *Vận động viên* trong thời gian trì hoãn đó.

5.4.6 DCO/Người giám hộ hoặc Nhân viên lấy mẫu được ủy quyền khác sẽ ghi lại bất kỳ lý do nào khiến việc báo cáo chậm trễ đến trạm Kiểm soát Doping và/hoặc lý do rời khỏi trạm Kiểm soát Doping có thể yêu cầu Cơ quan Kiểm tra điều tra thêm.

5.4.7 Nếu *Vận động viên* chậm trễ báo cáo với Trạm Kiểm soát Doping ngoài mục đích theo Điều 5.4.4 và/hoặc bất kỳ trường hợp nào *Vận động viên* Không tuân thủ theo dõi liên tục trong quá trình giám sát nhưng *Vận động viên* đến Trạm Kiểm soát Doping trước khi DCO rời khỏi địa điểm lấy *mẫu*, DCO sẽ báo cáo về khả năng Không tuân thủ. Nếu có thể, DCO sẽ tiến hành lấy *Mẫu* từ *Vận động viên*. Cơ quan Kiểm tra sẽ điều tra khả năng Không tuân thủ theo Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

5.4.8 Nếu Nhân viên lấy mẫu quan sát thấy bất kỳ vấn đề nào khác có khả năng gây ảnh hưởng đến việc lấy mẫu, DCO sẽ báo cáo và ghi lại các tình huống đó. Nếu được DCO cho là phù hợp, DCO sẽ xem xét liệu có nên lấy thêm Mẫu từ Vận động viên hay không. Cơ quan Kiểm tra sẽ điều tra khả năng Không tuân thủ theo Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

6.0 Chuẩn bị cho Phiên lấy mẫu

6.1 Mục đích

Chuẩn bị cho Phiên lấy mẫu theo cách đảm bảo rằng buổi có thể được tiến hành hiệu quả và hiệu suất, bao gồm cả việc có đủ nguồn lực, ví dụ như nhân sự và thiết bị.

6.2 Tổng quan

Chuẩn bị cho Phiên lấy mẫu bắt đầu bằng việc thiết lập một hệ thống để thu thập thông tin có liên quan để tiến hành buổi một cách hiệu quả và kết thúc khi xác nhận rằng thiết bị lấy mẫu tuân thủ các tiêu chí đã chỉ định. Các hoạt động chính là:

- Thiết lập hệ thống thu thập thông tin chi tiết về Phiên lấy mẫu;
- Thiết lập tiêu chí về những Người có thể có mặt trong Phiên lấy mẫu;
- Đảm bảo rằng Trạm Kiểm soát Doping đáp ứng các tiêu chí tối thiểu được quy định tại Điều 6.3.2; và
- Đảm bảo rằng thiết bị lấy mẫu đáp ứng các tiêu chí tối thiểu được quy định tại Điều 6.3.4.

6.3 Yêu cầu chuẩn bị cho Phiên lấy mẫu

6.3.1 Cơ quan Kiểm tra, Điều phối viên Kiểm soát Doping hoặc Cơ quan lấy mẫu sẽ thiết lập hệ thống để thu thập tất cả thông tin cần thiết nhằm đảm bảo Phiên lấy mẫu có thể được tiến hành hiệu quả, bao gồm xác định các yêu cầu đặc biệt để đáp ứng nhu cầu của Vận động viên khuyết tật (như quy định tại Phụ lục A - Điều chỉnh cho Vận động viên khuyết tật) cũng như nhu cầu của Vận động viên vị thành niên (như quy định tại Phụ lục B - Điều chỉnh cho Vận động viên vị thành niên).

6.3.2 DCO sẽ sử dụng một trạm Kiểm soát Doping, tối thiểu phải đảm bảo sự riêng tư của Vận động viên và nếu có thể, chỉ được sử dụng làm trạm Kiểm soát Doping trong suốt thời gian diễn ra Phiên lấy mẫu. DCO sẽ ghi lại bất kỳ sai lệch đáng kể nào so với các tiêu chí này. Nếu DCO xác định trạm Kiểm soát Doping không phù hợp, họ sẽ tìm một địa điểm thay thế đáp ứng các tiêu chí tối thiểu nêu trên.

6.3.3 Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan lấy mẫu sẽ thiết lập các tiêu chí về những Người được phép có mặt trong Phiên lấy mẫu ngoài Nhân viên lấy mẫu. Tối thiểu, các tiêu chí phải bao gồm:

- Quyền của Vận động viên được đi cùng với Người đại diện và/hoặc buổi dịch trong Phiên lấy mẫu, trừ khi Vận động viên đang thử Mẫu nước tiểu;
- Quyền của Vận động viên bị khiếm khuyết được đi cùng với Người đại diện theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi đối với Vận động viên bị khiếm khuyết;
- Quyền của Vận động viên vị thành niên (như được quy định trong Phụ lục B - Sửa đổi đối với Vận động viên vị thành niên) và quyền của DCO/Người giám hộ làm chứng được có Người đại diện quan sát DCO/Người giám hộ làm chứng khi Vận động viên vị thành niên lấy Mẫu nước tiểu, nhưng không có Người đại diện trực tiếp quan sát việc lấy Mẫu trừ khi Vận động viên vị thành niên yêu cầu làm như vậy;
- Người quan sát do WADA chỉ định theo Chương trình Người quan sát độc lập của WADA hoặc kiểm toán viên WADA (nếu có); và/hoặc
- Người được ủy quyền tham gia đào tạo Nhân viên lấy mẫu hoặc kiểm toán Cơ quan lấy mẫu.

[Chú giải về 6.3.3 (d) và (e): Người quan sát/kiểm soát viên của WADA và/hoặc Người được ủy quyền không được trực tiếp quan sát việc truyền Mẫu nước tiểu]

6.3.4 Cơ quan lấy mẫu chỉ được sử dụng hệ thống thiết bị lấy mẫu cho các Mẫu nước tiểu và máu, tối thiểu:

- a) Có hệ thống đánh số duy nhất, được tích hợp vào tất cả các chai, hộp đựng, ống hoặc các vật dụng khác được sử dụng để niêm phong Mẫu A và B và có mã vạch hoặc mã dữ liệu tương tự đáp ứng các yêu cầu của ADAMS trên thiết bị lấy mẫu áp dụng;
- b) Có hệ thống niêm phong Chống giả mạo;
- c) Đảm bảo danh tính của Vận động viên không thể nhìn thấy từ chính thiết bị;
- d) Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị đều sạch sẽ và được niêm phong trước khi Vận động viên sử dụng;
- e) Được chế tạo bằng vật liệu và hệ thống niêm phong có thể chịu được các điều kiện xử lý và môi trường mà thiết bị sẽ được sử dụng hoặc phải chịu, bao gồm nhưng không giới hạn ở vận chuyển, phân tích trong phòng thí nghiệm và bảo quản đông lạnh dài hạn cho đến thời hạn chế;
- f) Được chế tạo bằng vật liệu và hệ thống niêm phong mà sẽ:
 - (i) Duy trì tính toàn vẹn (tính chất hóa học và vật lý) của Mẫu để thử nghiệm phân tích;
 - (ii) Có thể chịu được nhiệt độ -80°C đối với nước tiểu và máu và -20°C đối với các vết máu khô. Các thử nghiệm được tiến hành để xác định tính toàn vẹn trong điều kiện đóng băng phải sử dụng ma trận hoặc vật liệu sẽ được lưu trữ trong các chai, hộp đựng hoặc ống đựng Mẫu, tức là nước tiểu, máu hoặc máu mao mạch được bôi lên giá đỡ Mẫu thấm vết máu khô (ví dụ: thẻ cellulose vết máu khô hoặc thiết bị khác làm bằng vật liệu khác);
 - (iii) Được chế tạo bằng vật liệu và hệ thống niêm phong có thể chịu được tối thiểu ba (3) chu kỳ đông lạnh/rã đông;
- g) Các chai, hộp đựng và ống A và B phải trong suốt để có thể nhìn thấy Mẫu;
- h) Có hệ thống niêm phong cho phép Vận động viên và DCO xác minh rằng Mẫu được niêm phong đúng cách trong các chai hoặc hộp đựng A và B;
- i) Có tính năng nhận dạng bảo mật tích hợp cho phép xác minh tính xác thực của thiết bị;
- j) Tuân thủ các tiêu chuẩn do hiệp hội vận tải hàng không Quốc tế (IATA) công bố về vận chuyển các mẫu vật của con Người được miễn trừ bao gồm các mẫu nước tiểu và/hoặc máu để tránh rò rỉ trong quá trình vận chuyển bằng đường hàng không hoặc tuân thủ các quy định của địa phương và quốc tế về vận chuyển các mẫu máu khô, nếu có;
- k) Tuân thủ các yêu cầu quản lý tại địa phương đối với thiết bị y tế (đối với mẫu máu và mẫu máu khô) khi cần thiết, cũng như bất kỳ luật hoặc quy định hiện hành nào khác;
- l) Đã được sản xuất theo tiêu chuẩn được chứng nhận ISO 9001 được công nhận quốc tế bao gồm các hệ thống quản lý kiểm soát chất lượng;
- m) Có thể được niêm phong lại sau khi mở lần đầu bởi Phòng thí nghiệm bằng hệ thống niêm phong Chống giả mạo mới độc đáo với hệ thống đánh số độc đáo để duy trì tính toàn vẹn của Mẫu và chuỗi lưu ký theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế dành cho Phòng thí nghiệm về lưu trữ Mẫu và Phân tích thêm trong thời gian dài;
- n) Đã được thử nghiệm bởi một tổ chức thử nghiệm độc lập với nhà sản xuất và được công nhận theo ISO 17025, để xác nhận tối thiểu rằng thiết bị đáp ứng các tiêu chí được nêu trong các tiểu mục b), f), g), h), i), j) và m) ở trên;
- o) Bất kỳ sửa đổi nào đối với vật liệu hoặc hệ thống niêm phong của thiết bị đều phải được thử nghiệm lại để đảm bảo thiết bị tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đã nêu theo n) ở trên;

Đối với việc lấy mẫu nước tiểu:

- p) Có khả năng chứa tối thiểu 85 mL thể tích nước tiểu trong mỗi chai hoặc hộp đựng A và B;
- q) Có nhãn hiệu trực quan trên các chai hoặc hộp đựng A và B và bình đựng, chỉ rõ:
 - (i) thể tích nước tiểu tối thiểu cần thiết trong mỗi chai hoặc hộp đựng A và B như được nêu trong Phụ lục C – Lấy mẫu nước tiểu,

(ii) mức thể tích tối đa cho phép giãn nở khi đông lạnh mà không làm hỏng chai, hộp đựng hoặc hệ thống niêm phong; và

(iii) mức Thể tích nước tiêu phù hợp để phân tích trên bình đựng.

r) Bao gồm một hệ thống niêm phong mẫu Chống giả mạo một phần có hệ thống đánh số duy nhất để niêm phong tạm thời Mẫu có thể tích không đủ theo Phụ lục E - Mẫu nước tiêu - Thể tích không đủ;

Đối với việc lấy mẫu máu tĩnh mạch:

s) Có khả năng thu thập, lưu trữ và vận chuyển máu trong các ống và hộp đựng A và B riêng biệt;

t) Đối với việc phân tích các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm trong toàn bộ máu hoặc huyết tương và/hoặc để lập hồ sơ các thông số máu, ống A và B phải có khả năng chứa tối thiểu 3mL máu và phải chứa EDTA như một chất chống đông;

u) Đối với việc phân tích các Chất cấm hoặc Phương pháp cấm trong huyết thanh, ống A và B phải có khả năng chứa tối thiểu 5mL máu và phải chứa gel tách huyết thanh polyme trơ và yếu tố hoạt hóa đông máu; và

[Chú giải về mục 6.3.4 (t) và (u): nếu các ống cụ thể đã được chỉ định trong Tiêu chuẩn Quốc tế WADA, Tài liệu kỹ thuật hoặc Hướng dẫn áp dụng, thì việc sử dụng các ống thay thế đáp ứng các tiêu chí tương tự sẽ được xác nhận với sự tham gia của Phòng thí nghiệm có liên quan và được WADA chấp thuận trước khi sử dụng để lấy mẫu.]

v) Đối với việc vận chuyển Mẫu máu, hãy đảm bảo thiết bị lưu trữ và vận chuyển cùng máy ghi dữ liệu nhiệt độ đáp ứng các yêu cầu được liệt kê trong Phụ lục I - Thu thập, lưu trữ và vận chuyển Mẫu hồ sơ sinh học của vận động viên.

Đối với việc lấy Mẫu máu khô:

w) Một giá đỡ mẫu thấm máu khô (ví dụ: thẻ cellulose máu khô) cũng phải được dán nhãn nếu cần phải lấy mẫu ra khỏi hộp đựng tại Phòng thí nghiệm để lấy một phần nhỏ; và

x) Cho phép thu thập, lưu trữ và vận chuyển an toàn các vết máu khô trên giá đỡ Mẫu thấm có thể được niêm phong thành các Mẫu “A” và “B” riêng biệt (bộ dụng cụ Chống giả mạo bao gồm các thùng chứa/thùng chứa phụ “A” và “B” và/hoặc ống đựng/gói/vật chứa lưu trữ).

[Chú giải cho mục 6.3.4 (x): Do lý do hậu cần tại Phòng thí nghiệm, nên niêm phong Mẫu “A” và “B” trong các thùng chứa riêng biệt. Tuy nhiên, việc vận chuyển và/hoặc lưu trữ Mẫu “A” và “B” trong cùng một thùng chứa là chấp nhận được, miễn là chúng được niêm phong riêng biệt là Mẫu “A” và “B”.]

[Chú giải cho mục 6.3.4: Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị rằng trước khi thiết bị được cung cấp cho các bên liên quan, thiết bị đó nên được phân phối cho cộng đồng chống doping, bao gồm các Vận động viên, Cơ quan Kiểm tra, Cơ quan lấy mẫu, Nhân viên lấy mẫu và Phòng thí nghiệm để xin phản hồi và đảm bảo thiết bị phù hợp để sử dụng.]

7.0 Tiến hành Phiên lấy mẫu

7.1 Mục đích

Tiến hành Phiên lấy mẫu theo cách đảm bảo tính toàn vẹn, danh tính và an toàn của Mẫu và tôn trọng quyền riêng tư và phẩm giá của Vận động viên.

7.2 Tổng quan

Phiên lấy mẫu bắt đầu bằng việc xác định trách nhiệm chung đối với việc tiến hành Phiên lấy mẫu và kết thúc sau khi Mẫu đã được thu thập và bảo quản và Tài liệu lấy mẫu đã hoàn tất. Các hoạt động chính là:

- Chuẩn bị lấy mẫu;
- Thu thập và bảo quản Mẫu; và
- Ghi chép lại quá trình lấy mẫu.

7.3 Yêu cầu trước khi lấy mẫu

7.3.1 Cơ quan lấy mẫu sẽ chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình tiến hành Phiên lấy mẫu, với các trách nhiệm cụ thể được giao cho DCO.

7.3.2 DCO sẽ đảm bảo rằng Vận động viên đã được thông báo về các quyền và trách nhiệm của họ theo quy định tại Điều 5.4.1.

7.3.3 DCO/Người giám hộ sẽ khuyên Vận động viên không nên uống quá nhiều nước, lưu ý đến yêu cầu cung cấp Mẫu có Trong lượng riêng phù hợp để Phân tích.

7.3.4 Tổ chức phòng, chống Doping sẽ thiết lập các tiêu chí liên quan đến những mặt hàng có thể bị cấm trong Trạm Kiểm soát Doping. Tối thiểu, các tiêu chí này sẽ cấm cung cấp rượu hoặc tiêu thụ rượu trong Trạm Kiểm soát Doping.

7.3.5 Vận động viên chỉ được rời khỏi Trạm Kiểm soát Doping dưới sự giám sát liên tục của DCO hoặc Người giám hộ và với sự chấp thuận của DCO. DCO sẽ xem xét bất kỳ yêu cầu hợp lý nào của Vận động viên về việc rời khỏi trạm Kiểm soát Doping, như được nêu trong Điều 5.4.4, 5.4.5 và 5.4.6, cho đến khi Vận động viên có thể cung cấp Mẫu.

7.3.6 Nếu DCO chấp thuận cho Vận động viên rời khỏi trạm Kiểm soát Doping, DCO sẽ thỏa thuận với Vận động viên về các điều kiện sau đây khi rời khỏi:

- Mục đích của Vận động viên khi rời khỏi trạm Kiểm soát Doping: thời gian quay lại (hoặc quay lại sau khi hoàn thành hoạt động đã thỏa thuận);
- Vận động viên phải được theo dõi liên tục trong suốt quá trình;
- Vận động viên không được đi tiêu cho đến khi quay lại trạm Kiểm soát Doping; và
- DCO sẽ ghi lại thời gian rời đi và quay lại của Vận động viên.

7.4 Yêu cầu về Lấy mẫu

7.4.1 DCO sẽ lấy mẫu từ Vận động viên theo các giao thức sau đây cho loại Lấy mẫu cụ thể:

- Phụ lục C - Lấy mẫu Nước tiểu,
- Phụ lục D - Lấy mẫu Máu Tĩnh mạch,
- Phụ lục I - Thu thập, lưu trữ và Vận chuyển Mẫu hồ sơ Sinh học Máu của Vận động viên;
- Phụ lục J - Thu thập, lưu trữ và Vận chuyển Mẫu Vết Máu Khô; và
- Phụ lục K - Lấy mẫu nước tiểu trong môi trường ảo trong thời gian xảy ra đại dịch.

7.4.2 Bất kỳ hành vi nào của Vận động viên và/hoặc Người liên quan đến Vận động viên hoặc các bất thường có khả năng gây ảnh hưởng đến việc lấy mẫu phải được DCO ghi lại chi tiết. Nếu phù hợp, Cơ quan Kiểm tra sẽ áp dụng Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

7.4.3 Nếu có nghi ngờ về nguồn gốc hoặc tính xác thực của Mẫu, Vận động viên sẽ được yêu cầu cung cấp một Mẫu bổ sung. Nếu Vận động viên từ chối cung cấp Mẫu bổ sung, DCO sẽ ghi lại chi tiết các tình huống xung quanh việc từ chối và Cơ quan Kiểm tra sẽ áp dụng Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

7.4.4 DCO sẽ tạo cơ hội cho Vận động viên ghi lại bất kỳ mối quan ngại nào mà họ có thể có về cách tiến hành Phiên lấy mẫu.

7.4.5 Các thông tin sau đây phải được ghi lại tối thiểu liên quan đến Phiên lấy mẫu:

- Ngày, giờ thông báo, tên và chữ ký của DCO/Người giám hộ thông báo;
- Thời gian Vận động viên đến tại trạm Kiểm soát Doping và các lần rời đi và quay về tạm thời;
- Ngày và giờ niêm phong từng Mẫu đã lấy và ngày và giờ hoàn tất toàn bộ quá trình lấy Mẫu (tức là thời gian Vận động viên ký vào tờ khai ở cuối biểu mẫu Kiểm soát Doping);
- Tên của Vận động viên]
- Ngày sinh của Vận động viên;
- Giới tính thi đấu của Vận động viên]
- Phương tiện xác thực danh tính của Vận động viên (ví dụ: hộ chiếu, giấy phép lái xe hoặc giấy chứng nhận Vận động viên) bao gồm cả bên thứ ba (được xác định như vậy);
- Địa chỉ nhà riêng, địa chỉ email và số điện thoại của Vận động viên;

- i) Môn thể thao và chuyên ngành của *Vận động viên* (theo TDSSA);
- j) Tên của huấn luyện viên và bác sĩ của *Vận động viên* (nếu có);
- k) Mã *mẫu* và tham chiếu đến nhà sản xuất thiết bị, và trong trường hợp *Mẫu* được thu thập là vết máu khô, thông tin chi tiết về kiểu máy của vết máu khô Thiết bị lấy *mẫu* (ví dụ: số danh mục) nếu nhà sản xuất thiết bị thương mại hóa nhiều bộ dụng cụ lấy *mẫu* vết máu khô;
- l) Loại *Mẫu* (nước tiểu, máu, vết máu khô, v.v.);
- m) Loại Xét nghiệm (Trong hoặc *Ngoài thi đấu*)
- n) Tên và chữ ký của DCO/Người giám hộ chứng kiến:
- o) Tên và chữ ký của BCO (nếu có);
- p) Thông tin *Mẫu* một phần, theo Phụ lục E.4.4;
- q) Thông tin Phòng xét nghiệm bắt buộc về *Mẫu* (tức là đối với *Mẫu* nước tiểu, phép đo thể tích và trọng lượng riêng), theo Điều 8.3.3;
- r) Thuốc và thực phẩm bổ sung đã dùng trong bảy (7) ngày trước đó và (nếu *Mẫu* được lấy là *Mẫu* máu) truyền máu trong ba (3) tháng trước đó, theo khai báo của *Vận động viên*]
- s) Đối với *Mẫu hồ sơ sinh học của vận động viên* máu, DCO/BCO sẽ ghi lại thông tin như được nêu trong Phụ lục I - Thu thập, lưu trữ và Vận chuyển *Mẫu* Hộ chiếu Sinh học của *Vận động viên* Máu]
- t) Bất kỳ sự bất thường nào trong quy trình, ví dụ, nếu đã thông báo trước;
- u) Ý kiến hoặc mối quan ngại của *vận động viên* liên quan đến việc tiến hành Phiên lấy *mẫu*, theo tuyên bố của *Vận động viên*]
- v) *Vận động viên* xác nhận về việc Xử lý dữ liệu lấy *mẫu* và mô tả về việc Xử lý đó theo *Tiêu chuẩn Quốc tế về Bảo vệ quyền riêng tư và Thông tin cá nhân*;
- w) *Vận động viên* đồng ý hoặc không đồng ý cho phép sử dụng *Mẫu* cho mục đích nghiên cứu;
- x) Tên và chữ ký của đại diện *Vận động viên* (nếu có), theo Điều 7.4.6;
- y) Tên và chữ ký của *Vận động viên*]
- z) Tên và chữ ký của DCO;
- aa) Tên của Cơ quan Kiểm tra;
- bb) Tên của Cơ quan lấy mẫu;
- cc) Tên của Cơ quan Quản lý kết quả; và
- dd) Tên của Điều phối viên Kiểm soát Doping (nếu có).

[*Chú giải về mục 7.4.5: AH của thông tin nói trên không cần phải được hợp nhất trong một biểu mẫu Kiểm soát Doping duy nhất mà có thể được thu thập trong Phiên lấy mẫu và/hoặc trên các tài liệu chính thức khác như biểu mẫu thông báo riêng và/hoặc báo cáo bổ sung.*]

7.4.6 Khi Phiên lấy mẫu kết thúc, *Vận động viên* và DCO sẽ ký vào các tài liệu thích hợp để thể hiện sự hài lòng của họ rằng tài liệu phản ánh chính xác các chi tiết của Phiên lấy mẫu của *Vận động viên*, bao gồm mọi quan ngại do *Vận động viên* nêu ra. *Người* đại diện của *Vận động viên*, nếu có mặt và chứng kiến quá trình lấy *mẫu*, sẽ ký vào tài liệu.

7.4.7 *Vận động viên* sẽ được cung cấp một bản sao hồ sơ Phiên lấy mẫu đã được *Vận động viên* ký bằng phương thức điện tử hoặc cách khác.

8.0 Bảo mật/Quản lý sau khi xét nghiệm

8.1 Mục đích

Đảm bảo rằng tất cả các *Mẫu* được thu thập tại trạm Kiểm soát Doping và tài liệu lấy *mẫu* được lưu trữ an toàn trước khi vận chuyển từ trạm Kiểm soát Doping.

8.2 Tổng quan

Việc quản lý sau khi xét nghiệm bắt đầu khi *Vận động viên* rời khỏi trạm Kiểm soát Doping sau khi cung cấp *Mẫu* của họ và kết thúc bằng việc chuẩn bị tất cả các *Mẫu* đã thu thập và tài liệu lấy *mẫu* để vận chuyển.

8.3 Yêu cầu về An ninh/Quản lý sau khi xét nghiệm

8.3.1 Cơ quan lấy mẫu sẽ xác định các tiêu chí đảm bảo rằng mỗi *Mẫu* đã thu thập được đều được lưu trữ theo cách bảo vệ tính toàn vẹn, danh tính và an ninh của *mẫu* trước khi vận chuyển từ trạm Kiểm soát Doping. Tối thiểu, các tiêu chí này phải bao gồm việc nêu chi tiết và ghi lại địa điểm lưu trữ *Mẫu* và ai được quyền giám sát *Mẫu* và/hoặc được phép tiếp cận *Mẫu*. DCO phải đảm bảo rằng bất kỳ *Mẫu* nào cũng được lưu trữ theo các tiêu chí này.

8.3.2 Cơ quan lấy mẫu phải xây dựng hệ thống để ghi lại chuỗi lưu ký của *Mẫu* và hồ sơ lấy *mẫu* để đảm bảo rằng hồ sơ cho từng *Mẫu* được hoàn thành và xử lý an toàn. Điều này bao gồm xác nhận rằng cả *Mẫu* và hồ sơ lấy *mẫu* đều đã đến đích dự kiến. Phòng thí nghiệm phải báo cáo bất kỳ sự bất thường nào cho Cơ quan Kiểm tra về tình trạng của *Mẫu* khi đến theo Tiêu chuẩn Quốc tế dành cho Phòng thí nghiệm.

8.3.3 Cơ quan lấy mẫu phải xây dựng một hệ thống để đảm bảo rằng, khi cần thiết, hướng dẫn về loại phân tích sẽ được tiến hành sẽ được cung cấp cho Phòng thí nghiệm sẽ tiến hành phân tích. Ngoài ra, Tổ chức phòng, chống Doping phải cung cấp cho Phòng thí nghiệm thông tin theo yêu cầu của Điều 7.4.5 c), f), i), k), l), m), q), r), w), aa), bb) và cc) cho mục đích báo cáo kết quả và thống kê và bao gồm cả việc có yêu cầu lưu giữ *Mẫu* theo Điều 4.7.3. hay không.

*[Chú giải cho mục 8.3: Thông tin về cách *Mẫu* được lưu trữ trước khi rời khỏi Trạm Kiểm soát Doping có thể được ghi lại trên, ví dụ, báo cáo DCO. Loại phân tích cho phòng xét nghiệm có thể được ghi lại trên biểu mẫu Chuỗi lưu ký. ADO có thể tham khảo trang web của WADA để biết báo cáo DCO và/hoặc mẫu biểu Chuỗi lưu ký.]*

9.0 Vận chuyển *mẫu* và tài liệu

9.1 Mục đích

- Đảm bảo rằng *mẫu* và tài liệu liên quan đến Phòng thí nghiệm sẽ tiến hành phân tích trong tình trạng phù hợp để thực hiện phân tích cần thiết; và
- Đảm bảo tài liệu Phiên lấy *mẫu* được DCO gửi đến Cơ quan Kiểm tra một cách an toàn và kịp thời.

9.2 Tổng quan

9.2.1 Việc vận chuyển bắt đầu khi *mẫu* và tài liệu liên quan rời khỏi Trạm Kiểm soát Doping và kết thúc khi nhận được xác nhận *mẫu* và tài liệu Phiên lấy *mẫu* tại điểm đến dự kiến.

9.2.2 Các hoạt động chính là sắp xếp vận chuyển *mẫu* và tài liệu liên quan một cách an toàn đến Phòng thí nghiệm sẽ tiến hành phân tích và sắp xếp vận chuyển tài liệu Phiên lấy *mẫu* một cách an toàn đến Cơ quan Kiểm tra.

9.3 Yêu cầu về vận chuyển và lưu trữ *mẫu* và tài liệu

9.3.1 Cơ quan lấy mẫu sẽ ủy quyền cho một hệ thống vận chuyển đảm bảo *mẫu* và tài liệu được vận chuyển theo cách bảo vệ tính toàn vẹn, danh tính và an ninh của chúng.

9.3.2 Các *mẫu* phải luôn được vận chuyển đến Phòng xét nghiệm sẽ phân tích các *mẫu* bằng phương pháp vận chuyển được Cơ quan lấy mẫu cho phép, càng sớm càng tốt sau khi hoàn tất Phiên lấy *mẫu*. Các *mẫu* phải được vận chuyển theo cách giảm thiểu khả năng phân hủy *mẫu* do các yếu tố như thời gian chậm trễ và nhiệt độ thay đổi khắc nghiệt.

*[Chú giải về 9.3.2: Các Tổ chức phòng, chống Doping nên thảo luận về các yêu cầu vận chuyển cho các nhiệm vụ cụ thể (ví dụ: khi *Mẫu* được thu thập trong điều kiện không hợp vệ sinh hoặc khi có thể xảy ra sự chậm trễ trong việc vận chuyển *Mẫu* đến Phòng xét nghiệm) với Phòng xét nghiệm sẽ phân tích các *mẫu*, để xác định những gì cần thiết trong các trường hợp cụ thể của nhiệm vụ đó (ví dụ: làm lạnh hoặc đông lạnh các *mẫu*).]*

9.3.3 Tài liệu xác định Vận động viên sẽ không được bao gồm trong các *mẫu* hoặc tài liệu gửi đến Phòng xét nghiệm sẽ phân tích các *mẫu*.

9.3.4 DCO sẽ gửi tất cả các tài liệu Phiên lấy mẫu có liên quan đến Cơ quan lấy mẫu, sử dụng phương pháp vận chuyển được Cơ quan lấy mẫu ủy quyền (có thể bao gồm truyền điện tử), ngay khi có thể sau khi hoàn tất Phiên lấy mẫu.

9.3.5 Nếu các Mẫu có tài liệu đi kèm hoặc tài liệu Phiên lấy mẫu không được nhận tại các điểm đến dự kiến tương ứng của chúng hoặc nếu tính toàn vẹn, danh tính hoặc bảo mật của Mẫu có thể bị xâm phạm trong quá trình vận chuyển, Cơ quan lấy mẫu sẽ *kiểm tra* Chuỗi lưu ký và Cơ quan thử nghiệm sẽ xem xét liệu các Mẫu có nên bị hủy bỏ hay không

9.3.6 Tài liệu liên quan đến Phiên lấy mẫu và/hoặc vi phạm quy định chống doping sẽ được Cơ quan Kiểm tra và/hoặc Cơ quan lấy mẫu lưu trữ trong thời gian và các yêu cầu khác được quy định trong *Tiêu chuẩn Quốc tế* về bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân.

[Chú giải về mục 9.3: Mặc dù các yêu cầu về vận chuyển và lưu trữ Mẫu và tài liệu tại đây áp dụng như nhau đối với tất cả nước tiểu, máu, mẫu Hộ chiếu sinh học máu của vận động viên và mẫu máu khô, các yêu cầu bổ sung đối với mẫu chuẩn có thể được tìm thấy trong Phụ lục D - Lấy mẫu máu tĩnh mạch, các yêu cầu bổ sung đối với việc vận chuyển mẫu máu cho Hộ chiếu sinh học của vận động viên có thể được tìm thấy trong Phụ lục I - Thu thập, lưu trữ và vận chuyển mẫu Hộ chiếu sinh học máu của vận động viên và các yêu cầu bổ sung đối với việc vận chuyển mẫu máu khô có thể được tìm thấy trong Phụ lục J - Thu thập, lưu trữ và vận chuyển mẫu máu khô.]

10.0 Quyền sở hữu mẫu

10.1 Các mẫu được thu thập từ một vận động viên thuộc sở hữu của Cơ quan Kiểm tra cho Phiên lấy mẫu đang đề cập.

10.2 Cơ quan Kiểm tra có thể chuyển giao quyền sở hữu Mẫu cho Cơ quan *Quản lý kết quả* hoặc cho một *Tổ chức phòng, chống Doping* khác theo yêu cầu.

10.3 WADA có thể đảm nhận Cơ quan Kiểm tra trong một số trường hợp nhất định theo *Bộ Luật* và *Tiêu chuẩn Quốc tế* dành cho Phòng xét nghiệm.

10.4 Trường hợp Cơ quan Kiểm tra không phải là Người giữ Hộ chiếu, Cơ quan Kiểm tra đã khởi xướng và chỉ đạo việc lấy mẫu sẽ chịu trách nhiệm về việc *Kiểm tra* Phân tích Mẫu bổ sung. Điều này bao gồm việc thực hiện thêm các Quy trình Xác nhận theo yêu cầu được tạo tự động bởi Mô hình Thích ứng của Hộ chiếu Sinh học của *Vận động viên* trong *ADAMS* (ví dụ: GC/C/IRMS được kích hoạt bởi T/E tăng cao) hoặc theo yêu cầu của APMU (ví dụ: GC/C/IRMS được yêu cầu do các Dấu hiệu thứ cấp bất thường của "hồ sơ steroid dọc" trong nước tiểu hoặc các xét nghiệm phân tích chất chủ vận thụ thể erythropoietin (ERAS) do giá trị Dấu hiệu huyết học đáng ngờ).

11.0 Thu thập, Đánh giá và Sử dụng Thông tin Tình báo

11.1 Mục đích

Các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải đảm bảo rằng họ có thể thu thập, đánh giá và xử lý thông tin tình báo phòng chống Doping từ mọi nguồn có sẵn, để giúp ngăn chặn và phát hiện Doping, để thông báo cho việc phát triển Kế hoạch Kiểm tra hiệu quả, thông minh và cân đối, để lập kế hoạch Kiểm tra Mục tiêu và tiến hành Điều tra theo yêu cầu của Điều 5.7 của *Bộ Luật*. Mục tiêu của Điều 11 là thiết lập các tiêu chuẩn để thu thập, đánh giá và xử lý thông tin tình báo đó một cách hiệu quả và hiệu quả cho các mục đích này.

[Chú giải cho mục 11.1: Mặc dù Kiểm tra sẽ luôn là một phần không thể thiếu của Nỗ lực chống Doping, nhưng chỉ Kiểm tra là không đủ để phát hiện và thiết lập theo tiêu chuẩn bắt buộc tất cả các hành vi vi phạm quy tắc phòng chống Doping được xác định trong Bộ Luật. Đặc biệt, trong khi việc Sử dụng Chất cấm và Phương pháp cấm thường có thể được phát hiện thông qua việc phân tích Mẫu, thì các vi phạm quy tắc phòng chống Doping khác của Bộ Luật (và thường là Sử dụng) thường chỉ có thể được xác định và truy tố hiệu quả thông qua việc thu thập và điều tra thông tin tình báo và thông tin về Doping 'không phân tích'. Điều này có nghĩa là các Tổ chức phòng, chống Doping cần phát triển các chức năng thu thập và điều tra tình báo hiệu quả và hiệu suất. WADA đã đưa ra Hướng dẫn về Tin tình báo và Điều tra với các nghiên cứu tình huống để hỗ trợ các Tổ chức phòng, chống Doping hiểu rõ hơn về các loại tình báo 'phi phân tích' có thể có và cung cấp hỗ trợ và hướng dẫn cho các bên ký kết trong Nỗ lực tuân thủ Bộ Luật và Tiêu chuẩn Quốc tế.]

11.2 Thu thập Tình báo Chống Doping

11.2.1 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ làm mọi thứ trong khả năng của mình để đảm bảo rằng họ có thể thu thập hoặc tiếp nhận tình báo chống Doping từ mọi nguồn có sẵn, bao gồm nhưng không giới hạn ở *Vận động viên* và *Nhân viên hỗ trợ vận động viên* (bao gồm *Hỗ trợ đáng kể* được cung cấp theo Điều 10.7.1 của *Bộ Luật*) và các thành viên của công chúng (ví dụ: thông qua đường dây nóng điện thoại bí mật), Nhân viên lấy mẫu (thông qua báo cáo nhiệm vụ, báo cáo sự cố hoặc cách khác), Phòng thí nghiệm, công ty dược phẩm, các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác, WADA, Liên đoàn Quốc gia, cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan quản lý và kỷ luật khác và phương tiện truyền thông (dưới mọi hình thức).

11.2.2 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải có các chính sách và thủ tục để đảm bảo rằng thông tin tình báo chống Doping thu thập được hoặc nhận được sẽ được xử lý an toàn và bảo mật, rằng các nguồn thông tin tình báo được bảo vệ, rằng rủi ro rò rỉ hoặc tiết lộ vô ý được giải quyết thỏa đáng và rằng thông tin tình báo được chia sẻ với họ bởi cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan có liên quan khác và/hoặc các bên thứ ba khác chỉ được xử lý, sử dụng và tiết lộ cho các mục đích chống Doping hợp pháp.

11.3 Đánh giá và Phân tích Thông tin tình báo Phòng, Chống Doping

11.3.1 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải đảm bảo rằng họ có thể đánh giá tất cả thông tin tình báo chống Doping sau khi nhận được về tính liên quan, độ tin cậy và độ chính xác, có tính đến bản chất của nguồn và các trường hợp mà thông tin tình báo đã thu thập được hoặc nhận được.

[Chú giải về 11.3.1: Có nhiều mô hình khác nhau có thể được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và phân tích thông tin tình báo chống Doping. Ngoài ra còn có các cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý trường hợp có thể được sử dụng để hỗ trợ tổ chức, xử lý, phân tích và tham chiếu chéo thông tin tình báo đó.]

11.3.2 Tất cả thông tin tình báo chống Doping do một *Tổ chức phòng, chống Doping* thu thập hoặc nhận được phải được đối chiếu và phân tích để thiết lập các mô hình, xu hướng và mối quan hệ có thể hỗ trợ *Tổ chức phòng, chống Doping* trong việc phát triển một chiến lược chống Doping hiệu quả và/hoặc trong việc xác định (khi thông tin tình báo liên quan đến một trường hợp cụ thể) liệu có lý do chính đáng để nghi ngờ rằng có thể đã xảy ra hành vi vi phạm quy tắc chống Doping hay không, sao cho việc điều tra thêm là cần thiết theo Điều 12 và *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*.

11.4 Kết quả tình báo

11.4.1 Tin tình báo chống Doping sẽ được sử dụng để hỗ trợ cho các mục đích sau (không giới hạn): phát triển, xem xét và sửa đổi Kế hoạch Kiểm tra và/hoặc xác định thời điểm tiến hành Thử nghiệm mục tiêu, trong từng trường hợp theo Điều 4 và/hoặc để tạo các hồ sơ tình báo mục tiêu để chuyển đi điều tra theo Điều 12.

11.4.2 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* cũng nên phát triển và triển khai các chính sách và thủ tục để chia sẻ tình báo (khi thích hợp và tuân theo luật hiện hành) với các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác (ví dụ: nếu tình báo liên quan đến *Vận động viên* hoặc *Người* khác dưới quyền của họ) và/hoặc cơ quan thực thi pháp luật và/hoặc các cơ quan quản lý hoặc kỷ luật có liên quan khác (ví dụ: nếu tình báo gợi ý về khả năng phạm tội hoặc vi phạm quy định hoặc vi phạm các quy tắc ứng xử khác).

11.4.3 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* nên phát triển và triển khai các chính sách và thủ tục để tạo điều kiện và khuyến khích các nguồn tin bí mật như được nêu trong Chính sách nguồn tin bí mật của WADA có trên trang web của WADA.

12.0 Điều tra

12.1 Mục đích

Mục đích của Điều 12 là thiết lập các tiêu chuẩn để tiến hành điều tra hiệu quả và hiệu suất mà các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải thực hiện theo *Bộ Luật*, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- a) Điều tra các Phát hiện bất thường, Phát hiện hồ sơ bất thường và Phát hiện hồ sơ bất lợi, theo *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*;
- b) Điều tra bất kỳ thông tin phân tích hoặc không phân tích nào khác và/hoặc thông tin tình báo khi có lý do chính đáng để nghi ngờ rằng có thể đã xảy ra vi phạm quy định phòng, chống Doping, theo *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*;
- c) Điều tra các tình huống xung quanh và/hoặc phát sinh từ Phát hiện phân tích bất lợi để có thêm thông tin tình báo về những *Người* hoặc phương pháp khác liên quan đến Doping (ví dụ: phỏng vấn *Vận động viên* có liên quan)]
- d) Khi xác định được một *Vận động viên* vi phạm luật chống Doping, cuộc điều tra sẽ xem Nhân viên hỗ trợ *Vận động viên* hay những *Người* khác có thể đã tham gia vào hành vi vi phạm đó hay không, theo Điều 20 của *Bộ Luật*.

12.1.1 Trong mỗi trường hợp, mục đích của cuộc điều tra là đạt được một trong những mục đích sau:

- a) Loại trừ khả năng vi phạm/liên quan đến hành vi vi phạm;
- b) Đưa ra bằng chứng hỗ trợ việc khởi xướng thủ tục vi phạm luật chống Doping theo Điều 8 của *Bộ Luật*;
- c) Cung cấp bằng chứng về hành vi vi phạm *Bộ Luật* hoặc *Tiêu chuẩn Quốc tế* hiện hành.

12.2 Điều tra các hành vi vi phạm luật phòng chống Doping có thể xảy ra

12.2.1 Các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải đảm bảo rằng họ có thể điều tra một cách bảo mật và hiệu quả bất kỳ thông tin hoặc thông tin tình báo phân tích hoặc không phân tích nào

cho thấy có lý do chính đáng để nghi ngờ rằng có thể đã xảy ra hành vi vi phạm luật chống Doping, theo *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả*.

[Chú giải cho mục 12.2.1: Trong trường hợp nỗ lực thu thập Mẫu từ một Vận động viên đưa ra thông tin cho thấy có khả năng trốn tránh việc thu thập Mẫu và/hoặc từ chối hoặc không nộp mẫu sau khi thông báo hợp lệ, vi phạm Điều 2.3 của Bộ Luật, hoặc có khả năng Can thiệp hoặc Cố ý Can thiệp Kiểm soát Doping, vi phạm Điều 2.5 của Bộ Luật, vấn đề này sẽ được điều tra theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.]

12.2.2 *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ thu thập và ghi lại tất cả thông tin và tài liệu có liên quan càng sớm càng tốt, để phát triển thông tin và tài liệu đó thành bằng chứng đáng tin cậy và có thể chấp nhận được liên quan đến hành vi vi phạm quy định chống Doping có thể xảy ra và/hoặc để xác định các hướng điều tra tiếp theo có thể dẫn đến việc phát hiện ra bằng chứng đó. *Tổ chức phòng, chống Doping* sẽ đảm bảo rằng các cuộc điều tra được tiến hành một cách công bằng, khách quan và vô tư mọi lúc. Việc tiến hành các cuộc điều tra, đánh giá thông tin và bằng chứng được xác định trong quá trình điều tra đó và kết quả của cuộc điều tra phải được ghi chép đầy đủ.

[Chú giải cho mục 12.2.2: Điều quan trọng là thông tin phải được cung cấp và thu thập bởi Tổ chức phòng, chống Doping đang điều tra càng nhanh càng tốt và càng chi tiết càng tốt vì khoảng thời gian giữa sự cố và cuộc điều tra càng dài thì nguy cơ một số bằng chứng không còn tồn tại càng lớn. Các cuộc điều tra không nên được tiến hành với tư tưởng khép kín, chỉ theo đuổi một kết quả (ví dụ: khởi xướng các thủ tục vi phạm quy định chống Doping đối với một Vận động viên hoặc Người khác). Thay vào đó, các điều tra viên nên cởi mở và nên xem xét tất cả các kết quả có thể xảy ra ở mỗi giai đoạn quan trọng của cuộc điều tra và nên tìm cách thu thập không chỉ bất kỳ bằng chứng nào có sẵn cho thấy có một trường hợp cần trả lời mà còn bất kỳ bằng chứng nào có sẵn cho thấy không có trường hợp nào cần trả lời.]

12.2.3 *Tổ chức phòng, chống Doping* nên sử dụng tất cả các nguồn lực điều tra có sẵn một cách hợp lý để tiến hành cuộc điều tra của mình. Điều này có thể bao gồm việc thu thập thông tin và hỗ trợ từ cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan có liên quan khác, bao gồm các cơ quan quản lý khác. Tuy nhiên, *Tổ chức phòng, chống Doping* cũng nên tận dụng tối đa mọi nguồn lực điều tra theo ý mình, bao gồm chương trình Hồ sơ sinh học của vận động viên, các quyền điều tra được trao theo các quy định hiện hành (ví dụ: quyền yêu cầu xuất trình các tài liệu và thông tin có liên quan, và quyền phỏng vấn cả nhân chứng tiềm năng và Vận động viên hoặc Người khác là đối tượng của cuộc điều tra) và quyền đình chỉ thời gian Không đủ điều kiện áp dụng đối với Vận động viên hoặc Người khác để đòi lấy việc cung cấp Hỗ trợ đáng kể theo Điều 10.7.1 của Bộ Luật.

12.2.4 Theo Điều 21 của Bộ Luật, các vận động viên và Nhân viên hỗ trợ vận động viên phải hợp tác với các cuộc điều tra do các *Tổ chức phòng, chống Doping* tiến hành. Nếu họ không làm như vậy, cần phải có hành động kỷ luật đối với họ theo các quy tắc hiện hành. Nếu hành vi của họ có tính chất phá hoại quá trình điều tra (ví dụ: bằng cách cung cấp thông tin sai lệch, gây hiểu lầm hoặc không đầy đủ và/hoặc bằng cách tiêu hủy bằng chứng tiềm năng), *Tổ chức phòng, chống Doping* phải tiến hành tố tụng đối với họ vì vi phạm Điều 2.5 của Bộ Luật (Can thiệp hoặc Cố ý can thiệp).

12.3 Kết quả điều tra

12.3.1 *Tổ chức phòng, chống Doping* phải đưa ra quyết định một cách hiệu quả và không chậm trễ quá mức về việc có nên tiến hành tố tụng đối với Vận động viên hoặc Cá nhân khác khẳng định đã vi phạm quy tắc chống doping hay không. Theo quy định tại Điều 13.3 của Bộ Luật, nếu một *Tổ chức phòng, chống Doping* không đưa ra quyết định như vậy trong thời hạn hợp lý do WADA đặt ra, WADA có thể chọn kháng cáo trực tiếp lên CAS như thể *Tổ chức phòng, chống Doping* đã đưa ra quyết định cho rằng không có hành vi vi phạm quy định chống Doping nào được thực hiện. Tuy nhiên, như đã lưu ý trong Chú giải về Điều 13.3 của Bộ Luật, trước khi thực hiện hành động



như vậy, WADA sẽ tham khảo ý kiến của *Tổ chức phòng, chống Dopng* và trao cho tổ chức này cơ hội giải thích lý do tại sao tổ chức vẫn chưa đưa ra quyết định.

12.3.2 Trường hợp *Tổ chức phòng, chống Dopng* kết luận dựa trên kết quả điều tra của mình rằng nên tiến hành tố tụng đối với *Vận động viên* hoặc *Cá nhân* khác khẳng định đã vi phạm luật chống doping, Tổ chức này sẽ thông báo về quyết định đó theo cách thức quy định trong *Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả* và sẽ tiến hành tố tụng đối với *Vận động viên* hoặc *Người* khác có liên quan theo Điều 8 của *Bộ Luật*.

12.3.3 Trường hợp *Tổ chức phòng, chống Dopng* kết luận, dựa trên kết quả điều tra của mình rằng không nên tiến hành tố tụng đối với *Vận động viên* hoặc *Người* khác khẳng định đã vi phạm luật chống Dopng:

12.3.3.1 Tổ chức này sẽ thông báo bằng văn bản cho WADA và Liên đoàn quốc tế và *Tổ chức phòng, chống Dopng* quốc gia của *Vận động viên* hoặc *Người* khác về quyết định đó, kèm theo lý do, theo Điều 14.1.4 của *Bộ Luật*.

12.3.3.2 Cơ quan này sẽ cung cấp các thông tin khác về cuộc điều tra theo yêu cầu hợp lý của WADA và/hoặc Liên đoàn quốc tế và/hoặc *Tổ chức phòng, chống Dopng* quốc gia để xác định xem có nên kháng cáo quyết định đó hay không.

12.3.3.3 T

Trong mọi trường hợp, cơ quan này sẽ xem xét liệu bất kỳ thông tin tình báo nào thu được và/hoặc bài học kinh nghiệm trong quá trình điều tra có nên được sử dụng để thông báo cho việc phát triển Kế hoạch phân phối thử nghiệm của mình và/hoặc để lập kế hoạch Thử nghiệm mục tiêu và/hoặc nên được chia sẻ với bất kỳ cơ quan nào khác theo Điều 11.4.2 hay không.

A. 1. Mục đích

Đảm bảo, khi có thể, rằng các nhu cầu cụ thể của *Vận động viên* khuyết tật được xem xét liên quan đến việc cung cấp *Mẫu* mà không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của *Phiên lấy mẫu*.

A. 2. Phạm vi

Việc xác định xem có cần sửa đổi hay không bắt đầu bằng việc xác định các tình huống mà việc lấy *mẫu* liên quan đến *Vận động viên* có khiếm khuyết và kết thúc bằng việc sửa đổi các quy trình và thiết bị lấy *mẫu* khi cần thiết và khi có thể.

A. 3. Trách nhiệm

A.3.1 Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan lấy mẫu (nếu có) có trách nhiệm đảm bảo, khi có thể, rằng DCO có mọi thông tin và Thiết bị lấy mẫu cần thiết để tiến hành *Phiên lấy mẫu* với một *Vận động viên* khuyết tật, bao gồm các chi tiết về tình trạng khuyết tật có thể ảnh hưởng đến quy trình tuân theo khi tiến hành *Phiên lấy mẫu*.

A. 3.2 DCO có trách nhiệm lấy *mẫu*.

A.4. Yêu cầu

A.4.1. Mọi khía cạnh của thông báo và lấy *mẫu* đối với các *Vận động viên* khuyết tật sẽ được thực hiện theo các quy trình thông báo và lấy *mẫu* tiêu chuẩn trừ khi cần phải sửa đổi do tình trạng suy giảm của *Vận động viên*.

*[Chú giải về A.4.1: Cơ quan Kiểm tra trong trường hợp *Vận động viên* bị suy giảm trí tuệ, sẽ quyết định có nên xin sự đồng ý Kiểm tra từ Người đại diện của họ hay không và thông báo cho Cơ quan lấy mẫu và Nhân viên lấy mẫu.]*

A.4.2. Khi lập kế hoạch hoặc sắp xếp việc lấy *mẫu*, Cơ quan lấy mẫu và DCO sẽ xem xét liệu có bất kỳ việc lấy *mẫu* nào dành cho các *vận động viên* bị suy giảm chức năng có thể yêu cầu phải sửa đổi các quy trình chuẩn để thông báo hoặc lấy *mẫu* hay không, bao gồm Thiết bị lấy mẫu và Trạm Kiểm soát Doping.

A.4.3. Cơ quan lấy mẫu và DCO sẽ có thẩm quyền thực hiện các sửa đổi khi tình hình yêu cầu khi có thể và miễn là các sửa đổi đó sẽ không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn, danh tính và tính bảo mật của *Mẫu*. DCO sẽ tham khảo ý kiến của *Vận động viên* để xác định những sửa đổi nào có thể cần thiết cho tình trạng suy giảm chức năng của *Vận động viên*. Tất cả các sửa đổi đó sẽ được ghi lại.

A.4.4. Một *Vận động viên* bị suy giảm chức năng về trí tuệ, thể chất hoặc giác quan có thể được đại diện của *Vận động viên* hoặc Nhân viên lấy mẫu hỗ trợ trong *Phiên lấy mẫu* khi được *Vận động viên* ủy quyền và DCO đồng ý.

A.4.5. DCO có thể quyết định sử dụng Thiết bị lấy mẫu thay thế hoặc Trạm Kiểm soát Doping thay thế khi cần thiết để *Vận động viên* có thể cung cấp *Mẫu*, miễn là tính toàn vẹn, danh tính và bảo mật của *Mẫu* không bị ảnh hưởng.

A.4.6. Các *vận động viên* đang sử dụng hệ thống thu thập hoặc dẫn lưu nước tiểu phải loại bỏ nước tiểu hiện có khỏi các hệ thống đó trước khi cung cấp *Mẫu* nước tiểu để phân tích. Nếu có thể, hệ thống thu thập hoặc dẫn lưu nước tiểu hiện có phải được thay thế bằng ống thông hoặc hệ thống dẫn lưu mới, chưa sử dụng trước khi lấy *mẫu*.

A.4.7. Nếu một *Vận động viên* cần bất kỳ thiết bị bổ sung nào để có thể cung cấp *Mẫu*, bao gồm nhưng không giới hạn ở ống thông và hệ thống dẫn lưu, thì *Vận động viên* đó có trách nhiệm duy nhất là phải có thiết bị cần thiết cho mục đích này và hiểu cách sử dụng chúng.

A.4.8. Đối với các *Vận động viên* bị khiếm thị hoặc khiếm khuyết về trí tuệ, DCO và/hoặc *Vận động viên* có thể quyết định xem họ có nên có Người đại diện có mặt trong *Phiên lấy mẫu* hay không. Trong *Phiên lấy mẫu*, một đại diện của *Vận động viên* và/hoặc một đại diện của DCO có thể quan sát DCO/Người giám hộ chứng kiến trong khi *Vận động viên* đang lấy *Mẫu*



nước tiểu. Người đại diện này hoặc những Người đại diện này không được trực tiếp quan sát việc đi tiểu để lấy *Mẫu* nước tiểu, trừ khi *Vận động viên* yêu cầu.

A.4.9. DCO sẽ ghi lại những thay đổi được thực hiện đối với quy trình lấy *mẫu* tiêu chuẩn dành cho *Vận động viên* khuyết tật, bao gồm mọi thay đổi áp dụng được nêu trong các hành động nêu trên.

B. 1 Mục đích

Đảm bảo, khi có thể, rằng các nhu cầu cụ thể của *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* được đáp ứng liên quan đến việc cung cấp *Mẫu*, mà không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của *Phiên lấy mẫu*.

B. 2 Phạm vi

Việc xác định xem có cần sửa đổi hay không bắt đầu bằng việc xác định các tình huống mà việc lấy *mẫu* liên quan đến *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* và kết thúc bằng việc sửa đổi các quy trình lấy *mẫu* khi cần thiết và khi có thể.

B. 3 Trách nhiệm

B. 3.1 Cơ quan Kiểm tra có trách nhiệm đảm bảo, khi có thể, rằng Cơ quan lấy mẫu và/hoặc DCO có mọi thông tin cần thiết để tiến hành *Phiên lấy mẫu* với *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*. Điều này bao gồm xác nhận khi cần thiết, sự đồng ý của phụ huynh để Kiểm tra bất kỳ *Vận động viên* nào là *Trẻ vị thành niên* tham gia.

B.3.2 Khi việc lấy *mẫu* liên quan đến *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*, Cơ quan Kiểm tra và/hoặc Cơ quan lấy mẫu sẽ chỉ định tối thiểu hai Nhân viên lấy mẫu cho *Phiên lấy mẫu*. Nhân viên lấy mẫu phải được thông báo trước rằng việc lấy *mẫu* liên quan đến (hoặc có thể liên quan đến) các *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*.

[*Chú giải cho B.3.2: Để rõ ràng hơn, hai Nhân viên lấy mẫu có thể là hai DCO hoặc một DCO và một BCO hoặc DCO và một Người giám hộ. Hai Nhân viên lấy mẫu phải luôn có mặt tại Trạm Kiểm soát Doping trong các *Phiên lấy mẫu* liên quan đến một *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*.]*

B.3.3 DCO chịu trách nhiệm lấy *mẫu*.

B.4 Yêu cầu

B.4.1 Mọi khía cạnh của thông báo và việc lấy *mẫu* đối với các *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* phải được thực hiện theo các thủ tục thông báo và lấy *mẫu* tiêu chuẩn trừ khi cần phải sửa đổi do *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*.

B.4.2 Cơ quan lấy mẫu và DCO sẽ có thẩm quyền thực hiện các sửa đổi khi tình hình yêu cầu miễn là các sửa đổi đó sẽ không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn, danh tính và tính bảo mật của *Mẫu*. Tất cả các sửa đổi đó phải được ghi lại.

B.4.3 Các *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* phải được thông báo khi có sự hiện diện của một đại diện *vận động viên* (không phải là *Trẻ vị thành niên*) và cũng phải có một đại diện đi kèm trong suốt *Phiên lấy mẫu*.

[*Chú giải về B.4.3: Khuyến nghị rằng một *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* phải có một đại diện *vận động viên* đi kèm. Nhân viên lấy mẫu phải nỗ lực hợp lý để khuyến khích *vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* có một đại diện *vận động viên* trong suốt *Phiên lấy mẫu* và hỗ trợ *vận động viên* tìm một đại diện.*

*Trong trường hợp *Vận động viên* không thể tìm được *Người đại diện* thì hai Nhân viên lấy mẫu sẽ luôn đi cùng *Vận động viên* cho đến khi *Phiên lấy mẫu* của họ hoàn tất, tuy nhiên, nếu một đại diện của *Vận động viên* được tìm thấy và có mặt cùng *Vận động viên*, thì Nhân viên lấy mẫu thứ hai không bắt buộc phải đi cùng *Vận động viên*, ngoại trừ khi *Vận động viên* đã sẵn sàng cung cấp *Mẫu* theo các thủ tục được nêu trong Phụ lục B.4.5.]*

B.4.4. Nếu một *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* từ chối có *Người đại diện* có mặt trong quá trình lấy *Mẫu*, điều này không làm mất hiệu lực của Xét nghiệm nhưng phải được DCO ghi lại rõ ràng. Bất kỳ hành động tiếp theo nào do DCO và/hoặc Người giám hộ thực hiện để khuyến khích và hỗ trợ *Vận động viên* tìm *Người đại diện* cũng phải được ghi lại.



B.4.5 Người đại diện của *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*, nếu có mặt, sẽ chỉ quan sát DCO/Người giám hộ trong quá trình lấy *Mẫu nước tiểu*, trừ khi *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên* yêu cầu quan sát trực tiếp quá trình lấy *Mẫu nước tiểu*. Thành viên thứ hai của Nhân viên lấy mẫu chỉ được quan sát DCO/Người giám hộ và không được trực tiếp quan sát việc lấy *mẫu*.

B.4.6 Địa điểm được ưu tiên cho tất cả các Xét nghiệm *Ngoài thi đấu* đối với *Vận động viên* là *Người* chưa thành niên là địa điểm mà đại diện *Vận động viên* (không phải là *Người* chưa thành niên) có nhiều khả năng có mặt trong suốt thời gian diễn ra Phiên lấy mẫu, ví dụ như địa điểm tập luyện.

C. 1 Mục đích

Lấy mẫu nước tiêu của *Vận động viên* theo cách đảm bảo:

- a) Phù hợp với các nguyên tắc liên quan của các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn được quốc tế công nhận trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe để sức khỏe và sự an toàn của *Vận động viên* và Nhân viên lấy mẫu không bị ảnh hưởng;
- b) *Mẫu* đáp ứng Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích và Thể tích nước tiêu thích hợp để Phân tích. Việc *Mẫu* không đáp ứng các yêu cầu này không làm mất hiệu lực tính phù hợp của *Mẫu* để phân tích. Việc xác định tính phù hợp của *Mẫu* để Phân tích là quyết định của Phòng thí nghiệm có liên quan, sau khi tham khảo ý kiến của Cơ quan Kiểm tra cho Phiên lấy mẫu đang được đề cập.
[Chú giải về C.1 (b): Các phép đo được thực hiện tại hiện trường để Xác định Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích và Thể tích nước tiêu thích hợp để Phân tích chỉ mang tính chất sơ bộ, nhằm đánh giá xem Mẫu có đáp ứng các yêu cầu để phân tích hay không. Có thể có sự khác biệt giữa các phép đo tại hiện trường và các phép đo cuối cùng của Phòng thí nghiệm do độ chính xác của thiết bị Phòng thí nghiệm. Kết quả đọc của Phòng xét nghiệm sẽ được coi là kết quả cuối cùng và những chênh lệch này (nếu có) sẽ không tạo thành cơ sở để Vận động viên tìm cách vô hiệu hóa hoặc phản đối Phát hiện phân tích bất lợi.]
- c) *Mẫu* không bị thao túng, thay thế, nhiễm bẩn hoặc can thiệp theo bất kỳ cách nào;
- d) *Mẫu* được xác định rõ ràng và chính xác; và
- e) *Mẫu* được niêm phong an toàn trong bộ dụng cụ chống can thiệp.

C. 2 Phạm vi

Việc lấy mẫu nước tiêu bắt đầu bằng việc đảm bảo *Vận động viên* được thông báo về các yêu cầu lấy mẫu và kết thúc bằng việc loại bỏ bất kỳ nước tiêu còn sót lại nào vào cuối Phiên lấy mẫu của *Vận động viên*.

C. 3 Trách nhiệm

C.3.1 DCO có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi *Mẫu* được thu thập, xác định và niêm phong đúng cách.

c.3.2 DCO/Người giám hộ có trách nhiệm trực tiếp chứng kiến việc đưa *Mẫu* nước tiêu đi.

C. 4 Yêu cầu

c.4.1 DCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* được thông báo về các yêu cầu của Phiên lấy mẫu, bao gồm mọi sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi cho *Vận động viên* khuyết tật và/hoặc tại Phụ lục B - Sửa đổi cho *Vận động viên* vị thành niên.

C.4.2. DCO sẽ đảm bảo rằng *Vận động viên* được cung cấp nhiều lựa chọn về bình đựng *mẫu* để lấy *mẫu*. Nếu bản chất khiếm khuyết của *Vận động viên* đòi hỏi họ phải sử dụng thiết bị bổ sung hoặc thiết bị khác theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi cho *Vận động viên* khiếm khuyết, DCO sẽ *kiểm tra* thiết bị đó để đảm bảo rằng nó sẽ không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn, danh tính hoặc tính bảo mật của *Mẫu*.

C.4.3 Khi *Vận động viên* chọn bình đựng *mẫu* và để lựa chọn tất cả các Thiết bị lấy *mẫu* khác trực tiếp chứa *Mẫu* nước tiêu, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên kiểm tra* xem tất cả các niêm phong trên thiết bị đã chọn còn nguyên vẹn và thiết bị không bị can thiệp. Nếu *Vận động viên* không hài lòng với thiết bị đã chọn, họ có thể chọn thiết bị khác. Nếu *Vận động viên* không hài lòng với bất kỳ thiết bị nào có sẵn để lựa chọn, điều này sẽ được DCO ghi lại. Nếu DCO không đồng ý với *Vận động viên* rằng tất cả các thiết bị có sẵn để lựa chọn đều không đạt yêu cầu, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* tiến hành Phiên lấy mẫu. Nếu DCO đồng ý với *Vận động viên* rằng tất cả các thiết bị có sẵn để lựa chọn đều không đạt yêu cầu, DCO sẽ chấm dứt việc lấy *mẫu* nước tiêu và điều này sẽ được DCO ghi lại.

c.4.4 *Vận động viên* sẽ giữ quyền kiểm soát bình đựng *mẫu* và bất kỳ *Mẫu* nào được cung cấp cho đến khi *Mẫu* (hoặc *Mẫu* một phần) được niêm phong, trừ khi cần hỗ trợ do *Vận động viên* bị suy giảm chức năng theo quy định tại Phụ lục A - Điều chỉnh cho *Vận động viên* bị suy giảm chức năng. Trong những trường hợp đặc biệt, đại diện của *Vận động viên* hoặc *Nhân viên lấy mẫu* có thể cung cấp hỗ trợ bổ sung cho bất kỳ *Vận động viên* nào trong Phiên lấy mẫu khi được *Vận động viên* ủy quyền và DCO đồng ý.

C.4.5 DCO/Người giám hộ chứng kiến việc lấy *Mẫu* phải cùng giới tính với *Vận động viên* cung cấp *Mẫu* và nếu có thể, dựa trên giới tính của *Giải đấu* mà *Vận động viên* đã tham gia.

C.4.6 DCO/Người giám hộ, nếu có thể, sẽ đảm bảo *Vận động viên* rửa tay kỹ lưỡng bằng nước chỉ trước khi cung cấp *Mẫu* hoặc đeo găng tay phù hợp (ví dụ: găng tay dùng một lần) trong quá trình cung cấp *Mẫu*.

c.4.7 DCO/Người giám hộ và *Vận động viên* sẽ tiến đến khu vực riêng tư để lấy *Mẫu*.

C.4.8 DCO/Người giám hộ sẽ đảm bảo có thể nhìn rõ *Mẫu* khi rời khỏi cơ thể *Vận động viên* và sẽ tiếp tục quan sát *Mẫu* sau khi cung cấp cho đến khi *Mẫu* được niêm phong an toàn. Để đảm bảo tầm nhìn rõ ràng và không bị cản trở khi lấy *Mẫu*, DCO/Người giám hộ sẽ hướng dẫn *Vận động viên* cởi bỏ hoặc điều chỉnh bất kỳ quần áo nào hạn chế tầm nhìn rõ ràng của DCO/Người giám hộ đối với việc cung cấp *Mẫu*.

C.4.9 DCO/Người giám hộ sẽ đảm bảo rằng nước tiểu của *Vận động viên* được thu thập trong bình đựng nước tiểu đạt đến dung tích tối đa và sau đó *Vận động viên* được khuyến khích đi tiểu hết vào bồn cầu. DCO sẽ xác minh, trước sự chứng kiến của *Vận động viên*, rằng đã cung cấp Thẻ tích nước tiểu phù hợp để phân tích

C.4.10 Trong trường hợp thẻ tích nước tiểu do *Vận động viên* cung cấp không đủ, DCO sẽ thực hiện theo quy trình lấy *mẫu* một phần được nêu trong Phụ lục E - *Mẫu* nước tiểu - Thẻ tích không đủ.

C.4.11. Sau khi *Vận động viên* cung cấp đủ thẻ tích nước tiểu, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* chọn một bộ dụng cụ lấy *mẫu* có chứa các chai hoặc hộp đựng A và B theo Phụ lục c.4.3.

C.4.12 Sau khi đã chọn được một bộ dụng cụ lấy *mẫu*, DCO và *Vận động viên* sẽ kiểm tra xem tất cả các số mã *mẫu* có khớp nhau không và số mã này có được DCO ghi lại chính xác trên biểu *mẫu* Kiểm soát *Doping* không. Nếu *Vận động viên* hoặc DCO thấy các số không giống nhau, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* chọn một bộ dụng cụ khác theo Phụ lục C.4.3. DCO sẽ ghi lại vấn đề.

C.4.13 *Vận động viên* sẽ đổ Thẻ tích nước tiểu thích hợp tối thiểu để phân tích vào chai hoặc hộp đựng B (tối thiểu là 30 mL), sau đó đổ phần nước tiểu còn lại vào chai hoặc hộp đựng A (tối thiểu là 60 mL). Thẻ tích nước tiểu thích hợp để phân tích sẽ được coi là mức tối thiểu tuyệt đối. Nếu đã cung cấp nhiều hơn Thẻ tích nước tiểu phù hợp tối thiểu để phân tích, DCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* đổ đầy chai hoặc bình A theo khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị. Nếu vẫn còn nước tiểu, DCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* đổ đầy chai hoặc bình B theo khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị. DCO phải hướng dẫn *Vận động viên* đảm bảo rằng còn lại một lượng nhỏ nước tiểu trong bình đựng, giải thích rằng điều này là để DCO có thể kiểm tra nước tiểu còn lại theo Phụ lục C.4.15.

C.4.14 Sau đó, *Vận động viên* phải niêm phong các chai hoặc bình đựng A và B theo chỉ dẫn của DCO. DCO phải kiểm tra, trước sự chứng kiến của *Vận động viên*, rằng các chai hoặc bình đựng đã được niêm phong đúng cách.

C.4.15 DCO phải kiểm tra nước tiểu còn lại trong bình đựng để xác định xem *Mẫu* có Trong lượng riêng phù hợp để Phân tích hay không. Nếu kết quả đọc tại hiện trường của DCO cho thấy *Mẫu* không có Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích, thì DCO sẽ tuân theo Phụ lục F - *Mẫu* nước tiểu không đáp ứng yêu cầu về Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích.

C.4.16 Chỉ nên loại bỏ nước tiểu khi cả hai chai hoặc hộp đựng A và B đã được niêm phong và nước tiểu còn lại đã được thử nghiệm theo Phụ lục c.4.15.

C.4.17 *Vận động viên* sẽ được lựa chọn chứng kiến việc loại bỏ bất kỳ nước tiểu còn lại nào không được gửi đi để phân tích.

D. 1 Mục đích

Lấy mẫu máu của *Vận động viên* bằng cách chọc tĩnh mạch theo cách đảm bảo:

- Phù hợp với các nguyên tắc liên quan về các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn được quốc tế công nhận trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe và được thu thập bởi một *Người* có trình độ phù hợp, để sức khỏe và sự an toàn của *Vận động viên* và Nhân viên lấy mẫu không bị ảnh hưởng;
- Mẫu* có chất lượng và số lượng đáp ứng các hướng dẫn và yêu cầu phân tích có liên quan do Phòng xét nghiệm xác định;
- Mẫu* không bị thao túng, thay thế, nhiễm bẩn hoặc bị can thiệp theo bất kỳ cách nào;
- Mẫu* được xác định rõ ràng và chính xác; và
- Mẫu* được niêm phong an toàn trong bộ dụng cụ chống can thiệp.

D. 2 Phạm vi

Các yêu cầu của Phụ lục này áp dụng cho các *Mẫu* máu tĩnh mạch được thu thập cho mục đích phân tích cụ thể và/hoặc tất cả các mô-đun của Hộ chiếu sinh học của *Vận động viên*. Việc lấy mẫu máu tĩnh mạch bắt đầu bằng việc đảm bảo *Vận động viên* được thông báo về các yêu cầu lấy mẫu và kết thúc bằng việc bảo quản *Mẫu* đúng cách trước khi vận chuyển đến Phòng xét nghiệm sẽ phân tích *Mẫu*.

[*Chú giải về D.2: Các yêu cầu bổ sung chỉ áp dụng cho toàn bộ máu Các mẫu được thu thập cho mô-đun huyết học của Hồ sơ sinh học của vận động viên được nêu trong Phụ lục I - Thu thập, bảo quản và vận chuyển Mẫu hồ sơ sinh học của vận động viên và các yêu cầu đối với Mẫu máu khô được nêu trong Phụ lục J - Thu thập, bảo quản và vận chuyển Mẫu máu khô.*]

D. 3 Trách nhiệm

D. 3.1 DCO có trách nhiệm đảm bảo rằng:

- Mỗi *Mẫu* được thu thập, xác định và niêm phong đúng cách; và
- Tất cả các *Mẫu* đã được bảo quản và gửi đi đúng cách theo các hướng dẫn phân tích có liên quan.

D.3.2 BCO có trách nhiệm lấy mẫu máu, trả lời các câu hỏi liên quan trong quá trình cung cấp *Mẫu* và xử lý đúng cách các thiết bị lấy mẫu máu đã qua sử dụng không bắt buộc phải hoàn thành Phiếu lấy mẫu.

D. 4 Yêu cầu

D. 4.1 Các thủ thuật liên quan đến máu phải phù hợp với các tiêu chuẩn và yêu cầu quản lý tại địa phương về các biện pháp phòng ngừa trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe khi các tiêu chuẩn và yêu cầu đó vượt quá các yêu cầu được nêu dưới đây.

D.4.2 Thiết bị lấy mẫu máu phải bao gồm:

- Ống lấy mẫu; và/hoặc
- Chai/hộp đựng A và B để vận chuyển an toàn ống lấy mẫu; và/hoặc
- Nhãn riêng cho ống lấy mẫu có mã số mẫu; và/hoặc
- Các loại thiết bị khác được sử dụng liên quan đến việc lấy máu theo quy định tại Điều 6.3.4 và Hướng dẫn lấy mẫu của WADA.

D. 4.3 DCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* được thông báo đầy đủ về các yêu cầu của việc lấy mẫu, bao gồm mọi sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi đối với *Vận động viên* khuyết tật.

D. 4.4 DCO/Người giám hộ và *Vận động viên* phải đến khu vực sẽ cung cấp *Mẫu*.

D. 4.5 DCO/BCO phải đảm bảo *Vận động viên* được cung cấp các điều kiện thoải mái và phải hướng dẫn *Vận động viên* ngồi thẳng, cố định với chân đế trên sàn trong ít nhất 10 phút trước khi lấy *Mẫu* máu. Nếu chân của *Vận động viên* không chạm tới sàn và/hoặc tình trạng khiếm khuyết của *Vận động viên* không cho phép chân trên sàn, *Vận động viên* phải ngồi thẳng, cố định.

D.4.6 DCO/BCO phải hướng dẫn Vận động viên chọn Thiết bị lấy mẫu cần thiết để lấy Mẫu và kiểm tra xem thiết bị đã chọn có bị can thiệp và dấu niêm phong còn nguyên vẹn không. Nếu Vận động viên không hài lòng với thiết bị đã chọn, họ có thể chọn thiết bị khác. Nếu Vận động viên không hài lòng với bất kỳ thiết bị nào và không có thiết bị nào khác, DCO phải ghi lại điều này. Nếu DCO không đồng ý với Vận động viên rằng tất cả các thiết bị có sẵn đều không đạt yêu cầu, DCO phải hướng dẫn Vận động viên tiến hành Phiên lấy mẫu. Nếu DCO đồng ý với Vận động viên rằng tất cả các thiết bị có sẵn đều không đạt yêu cầu, DCO sẽ chấm dứt việc lấy mẫu máu và điều này sẽ được DCO ghi lại.

D. 4.7 Khi đã chọn bộ dụng cụ lấy mẫu, DCO và Vận động viên sẽ kiểm tra xem tất cả các số mã mẫu có khớp nhau không và số mã mẫu này có được DCO ghi lại chính xác trên biểu mẫu Kiểm soát Doping không. Nếu Vận động viên hoặc DCO thấy rằng các số không giống nhau, DCO sẽ hướng dẫn Vận động viên chọn một bộ dụng cụ khác. DCO sẽ ghi lại vấn đề. Nếu ống lấy mẫu không được dán nhãn trước, DCO/BCO sẽ dán nhãn chúng bằng một số mã mẫu duy nhất trước khi lấy máu và Vận động viên sẽ kiểm tra xem các số mã có khớp nhau không.

D. 4.8 BCO sẽ đánh giá vị trí phù hợp nhất để lấy máu tĩnh mạch mà không có khả năng ảnh hưởng xấu đến Vận động viên hoặc thành tích của họ. Vị trí này phải là tay không thuận, trừ khi BCO đánh giá tay kia phù hợp hơn. BCO sẽ vệ sinh da bằng khăn lau hoặc tăm bông khử trùng vô trùng và nếu cần, sẽ buộc garô. BCO sẽ lấy mẫu máu từ tĩnh mạch nông vào ống. Nếu có, garô sẽ được tháo ra ngay sau khi đã chọc tĩnh mạch.

D. 4.9 Lượng máu lấy ra phải đủ để đáp ứng các yêu cầu phân tích có liên quan để thực hiện Phân tích mẫu, như được nêu trong Hướng dẫn của WADA về Lấy mẫu.

D.4.10 Nếu lượng máu có thể lấy từ Vận động viên ở lần thử đầu tiên không đủ, BCO sẽ lặp lại quy trình này tối đa là ba (3) lần thử. Nếu cả ba (3) lần thử đều không tạo ra đủ lượng máu, thì BCO sẽ thông báo cho DCO. DCO sẽ chấm dứt việc lấy mẫu máu và ghi lại lý do chấm dứt.

D.4.11 BCO sẽ băng bó vị trí chọc kim.

D.4.12 BCO sẽ xử lý thiết bị lấy mẫu máu đã qua sử dụng không cần thiết để hoàn thành Phiên lấy mẫu theo các tiêu chuẩn địa phương bắt buộc về xử lý máu.

D.4.13 Sau khi máu chảy vào ống ngừng lại, BCO sẽ tháo ống ra khỏi giá đỡ và đồng nhất máu trong ống bằng tay bằng cách lật nhẹ ống ít nhất ba (3) lần. Vận động viên phải ở lại khu vực lấy máu và quan sát Mẫu của mình cho đến khi mẫu được niêm phong trong bộ dụng cụ Chống giả mạo.

D.4.14 Vận động viên phải niêm phong Mẫu của mình trong bộ dụng cụ Chống giả mạo theo chỉ dẫn của DCO. Trước sự chứng kiến của Vận động viên, DCO phải kiểm tra xem việc niêm phong có đạt yêu cầu không. Vận động viên và BCO/DCO phải ký vào biểu mẫu Kiểm soát Doping.

D.4.15 Mẫu đã niêm phong phải được lưu trữ theo cách bảo vệ tính toàn vẹn, danh tính và an toàn trước khi vận chuyển từ trạm Kiểm soát Doping đến Phòng xét nghiệm sẽ phân tích Mẫu.

D.4.16 Mẫu máu phải được vận chuyển theo Điều 9 và Hướng dẫn của WADA về Lấy mẫu. Quy trình vận chuyển là trách nhiệm của DCO. Mẫu máu phải được vận chuyển trong thiết bị duy trì tính toàn vẹn của Mẫu trong thời gian dài, trong môi trường mát mẻ và không đối, được đo bằng máy ghi dữ liệu nhiệt độ bất chấp những thay đổi về nhiệt độ bên ngoài. Thiết bị vận chuyển phải được vận chuyển bằng phương tiện an toàn sử dụng phương pháp được Cơ quan Kiểm tra hoặc Cơ quan lấy mẫu cho phép.

E. 1 Mục đích

Để đảm bảo rằng khi không cung cấp Thẻ tích nước tiêu phù hợp để phân tích, các quy trình thích hợp sẽ được thực hiện.

E. 2 Phạm vi

Quy trình bắt đầu bằng việc thông báo cho *Vận động viên* rằng *Mẫu* mà họ cung cấp không phải là Thẻ tích nước tiêu phù hợp để phân tích và kết thúc bằng việc *Vận động viên* cung cấp *Mẫu* có thể tích đủ.

E. 3 Trách nhiệm

DCO có trách nhiệm tuyên bố thẻ tích *Mẫu* không đủ và thu thập thêm *Mẫu* để có được *Mẫu* kết hợp có thể tích đủ.

E. 4 Yêu cầu

E. 4.1 Nếu *Mẫu* thu thập được không đủ thể tích, DCO sẽ thông báo cho *Vận động viên* rằng sẽ thu thập thêm *Mẫu* để đáp ứng các yêu cầu về Thẻ tích nước tiêu phù hợp để phân tích.

E. 4.2 DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* lựa chọn Thiết bị lấy *mẫu* một phần theo Phụ lục C.4.3.

E. 4.3 Sau đó, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* mở thiết bị có liên quan, đổ *Mẫu* không đủ vào thùng chứa mới (trừ khi quy trình của Cơ quan lấy mẫu cho phép giữ lại *Mẫu* không đủ trong bình thu thập ban đầu) và niêm phong bằng hệ thống niêm phong *Mẫu* một phần, theo chỉ dẫn của DCO. DCO sẽ *kiểm tra*, trước sự chứng kiến của *Vận động viên*, rằng thùng chứa (hoặc bình thu thập ban đầu, nếu có) đã được niêm phong đúng cách.

E. 4.4 DCO sẽ ghi lại số *Mẫu* một phần và thẻ tích *Mẫu* không đủ trên biểu *mẫu Kiểm soát Doping* và xác nhận tính chính xác của biểu *mẫu* này với *Vận động viên*. DCO sẽ giữ quyền kiểm soát *Mẫu* một phần đã niêm phong.

E. 4.5 Trong khi chờ cung cấp *Mẫu* bổ sung, *Vận động viên* sẽ được theo dõi liên tục và được cung cấp cơ hội bổ sung nước theo Điều 7.3.3.

E. 4.6 Khi *Vận động viên* có thể cung cấp một *Mẫu* bổ sung, các thủ tục lấy *mẫu* sẽ được lặp lại theo quy định tại Phụ lục C - Lấy *mẫu* nước tiêu, cho đến khi có đủ thẻ tích nước tiêu bằng cách kết hợp *Mẫu* ban đầu và *Mẫu* bổ sung.

E. 4.7 Sau mỗi *Mẫu* được cung cấp, DCO và *Vận động viên* sẽ *kiểm tra* tính toàn vẹn của niêm phong trên các hộp đựng) chứa một phần *Mẫu* đã cung cấp trước đó. Mọi bất thường về tính toàn vẹn của dấu niêm phong sẽ được DCO ghi lại và điều tra theo Phụ lục A - Xem xét Khả năng Không tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả. DCO có thể yêu cầu thu thập thêm *Mẫu* từ *Vận động viên*. Việc từ chối cung cấp thêm *Mẫu* nếu được yêu cầu, trong trường hợp không đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu về thẻ tích lấy *mẫu*, sẽ được DCO ghi lại và xử lý dưới dạng Khả năng Không tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

E. 4.8 Sau đó, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* phá dấu niêm phong và kết hợp các *Mẫu*, đảm bảo rằng các *Mẫu* bổ sung được thêm vào theo thứ tự chúng được thu thập vào một phần *Mẫu* ban đầu cho đến khi, tối thiểu, đáp ứng được yêu cầu về Thẻ tích nước tiêu phù hợp để phân tích.

E. 4.9 Sau đó, DCO và *Vận động viên* sẽ tiếp tục với Phụ lục C.4.12 hoặc Phụ lục C.4.14 nếu phù hợp.

PHỤ LỤC F - MẪU NƯỚC TIỂU KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ TRỌNG LƯỢNG CU THỂ PHÙ HỢP ĐỂ PHÂN TÍCH

F. 1 Mục đích

Để đảm bảo rằng khi *Mẫu* nước tiểu không đáp ứng được yêu cầu về Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích, các quy trình thích hợp sẽ được thực hiện.

F. 2 Phạm vi

Quy trình bắt đầu bằng việc DCO thông báo cho *Vận động viên* rằng cần có thêm *Mẫu* và kết thúc bằng việc lấy *mẫu* đáp ứng các yêu cầu về Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích hoặc Cơ quan Kiểm tra có hành động theo dõi thích hợp nếu cần.

F. 3 Trách nhiệm

F. 3.1 Cơ quan lấy mẫu có trách nhiệm thiết lập các quy trình để đảm bảo thu thập được *Mẫu* phù hợp, nếu *Mẫu* ban đầu thu thập không đáp ứng yêu cầu về Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích.

F. 3.2 DCO có trách nhiệm thu thập thêm *Mẫu* cho đến khi thu được *Mẫu* phù hợp.

F. 4 Yêu cầu

F. 4.1 DCO sẽ xác định rằng các yêu cầu về Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích chưa được đáp ứng.

F. 4.2 DCO sẽ thông báo cho *Vận động viên* rằng họ được yêu cầu cung cấp thêm *Mẫu*.

F. 4.3 Trong khi chờ cung cấp thêm *Mẫu*, *Vận động viên* sẽ phải liên tục theo dõi và được khuyến khích không nên bổ sung nước vì điều này có thể làm chậm quá trình sản xuất *Mẫu* phù hợp. Trong những trường hợp thích hợp, việc bổ sung nước thêm sau khi cung cấp *Mẫu* không phù hợp có thể bị coi là vi phạm Điều 2.5 của *Bộ Luật*.

[Chú giải về F.4.3: Vận động viên có trách nhiệm cung cấp Mẫu có Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích. Nhân viên lấy mẫu sẽ thông báo cho Vận động viên và Nhân viên hỗ trợ vận động viên về yêu cầu này khi có thông báo để ngăn chặn tình trạng mất nước quá mức trước khi cung cấp Mẫu đầu tiên cho Vận động viên. Nếu Mẫu đầu tiên của Vận động viên không có Trọng lượng riêng thích hợp để Phân tích, họ sẽ được khuyến khích không nên tiếp tục bổ sung nước cho đến khi có Mẫu có Trọng lượng riêng thích hợp để Phân tích.]

F. 4.4 Khi *Vận động viên* có thể cung cấp thêm *Mẫu*, DCO sẽ lặp lại các quy trình lấy *mẫu* được nêu trong Phụ lục C - Lấy *mẫu* nước tiểu.

F. 4.5 DCO sẽ tiếp tục thu thập thêm *Mẫu* cho đến khi đáp ứng được yêu cầu về Trọng lượng riêng thích hợp để Phân tích hoặc cho đến khi DCO xác định rằng có những trường hợp ngoại lệ khiến không thể tiếp tục Phân lấy *mẫu*. DCO sẽ ghi lại những trường hợp ngoại lệ đó.

[Chú giải cho F.4.5: Cơ quan lấy mẫu và DCO phải đảm bảo rằng họ có đủ thiết bị để tuân thủ các yêu cầu của Phụ lục F. DCO phải đợi đủ lâu để thu thập thêm các Mẫu có Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích. Cơ quan Kiểm tra có thể chỉ định các thủ tục mà DCO phải tuân theo để xác định xem có trường hợp ngoại lệ nào khiến không thể tiếp tục Phân lấy mẫu hay không.]

F. 4.6 DCO phải ghi lại rằng các *Mẫu* được thu thập thuộc về một *Vận động viên* duy nhất và thứ tự cung cấp các *Mẫu*.

F. 4.7 Sau đó, DCO phải tiếp tục Phân lấy *mẫu* theo Phụ lục C.4.17.

F.4.8 DCO phải gửi đến Phòng xét nghiệm để phân tích tất cả các *Mẫu* đã thu thập, bất kể chúng có đáp ứng yêu cầu về Trọng lượng riêng phù hợp để Phân tích hay không.

F.4.9 Khi hai (2) *Mẫu* được thu thập từ một *Vận động viên*, trong cùng một Phiên lấy *mẫu*, cả hai *Mẫu* đều phải được Phòng xét nghiệm phân tích. Trong trường hợp thu thập ba (3) *Mẫu* trở lên trong cùng một Phiên lấy *mẫu*, Phòng thí nghiệm sẽ ưu tiên và phân tích *Mẫu* đầu tiên và *Mẫu* tiếp theo có trọng lượng riêng cao nhất, như đã ghi trên Biểu *mẫu Kiểm soát Doping*.



Phòng thí nghiệm, phối hợp với Cơ quan Kiểm tra, có thể xác định xem các *Mẫu* khác có cần được phân tích hay không.

G. 1 Mục đích

Đảm bảo rằng Nhân viên lấy mẫu không có xung đột lợi ích và có đủ trình độ và kinh nghiệm để tiến hành Phiên lấy mẫu.

G. 2 Phạm vi

Yêu cầu đối với Nhân viên lấy mẫu bắt đầu bằng việc phát triển các năng lực cần thiết cho Nhân viên lấy mẫu và kết thúc bằng việc cung cấp chứng nhận có thể nhận dạng được.

G. 3 Trách nhiệm

Cơ quan lấy mẫu chịu trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động được xác định trong Phụ lục này.

G. 4 Yêu cầu - Trình độ và Đào tạo

G.4.1 Cơ quan lấy mẫu sẽ:

a) Xác định các yêu cầu về năng lực, điều kiện và trình độ cần thiết cho các vị trí của DCO, Người giám hộ và BCO; và

b) Xây dựng các tuyên bố nhiệm vụ cho tất cả Nhân viên lấy mẫu nêu rõ trách nhiệm tương ứng của họ. Tối thiểu:

i) Nhân viên lấy mẫu không được là Người chưa thành niên và

ii) BCO phải có đủ trình độ và kỹ năng thực hành cần thiết để thực hiện lấy máu từ tĩnh mạch.

G. 4.2 Cơ quan lấy mẫu phải đảm bảo rằng Nhân viên lấy mẫu ký một thỏa thuận giải quyết xung đột lợi ích, bảo mật và quy tắc ứng xử.

G. 4.3 Nhân viên lấy mẫu không được bổ nhiệm vào Phiên lấy mẫu khi họ có lợi ích trong kết quả của Phiên lấy mẫu. Tối thiểu, Nhân viên lấy mẫu được coi là có lợi ích như vậy nếu họ:

a) Có liên quan đến việc tham gia hoặc quản lý môn thể thao ở cấp độ mà Xét nghiệm đang được tiến hành;

b) Có liên quan đến hoặc tham gia vào các vấn đề cá nhân của bất kỳ Vận động viên nào có thể cung cấp Mẫu tại Phiên lấy mẫu đó;

c) Có thành viên gia đình tích cực tham gia vào các hoạt động hàng ngày của môn thể thao ở cấp độ mà Xét nghiệm đang được tiến hành (ví dụ: quản lý, huấn luyện, đào tạo, trọng tài, vận động viên, y tế);

d) Có tham gia kinh doanh, có lợi ích tài chính hoặc cổ phần cá nhân trong một môn thể thao có Vận động viên phải Xét nghiệm;

e) Đang hoặc có khả năng sẽ đạt được lợi ích hoặc lợi thế cá nhân và/hoặc chuyên môn trực tiếp hoặc gián tiếp từ bên thứ ba do các quyết định của riêng họ được đưa ra khi thực hiện chức năng chính thức của họ; và/hoặc

f) Có vẻ như có lợi ích cá nhân hoặc riêng tư làm giảm khả năng thực hiện nhiệm vụ của họ một cách chính trực theo cách độc lập và có mục đích.

G.4.4 Cơ quan lấy mẫu phải thiết lập một hệ thống đảm bảo rằng Nhân viên lấy mẫu được đào tạo đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ của họ.

G. 4.4.1 Chương trình đào tạo cho BCO phải bao gồm, tối thiểu, các nghiên cứu về tất cả các yêu cầu có liên quan của quy trình Thử nghiệm và làm quen với các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn có liên quan trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe.

G. 4.4.2 Chương trình đào tạo cho DCO phải bao gồm, tối thiểu:

a) Đào tạo lý thuyết toàn diện về các hoạt động Kiểm soát Doping có liên quan đến vị trí DCO;

b) Quan sát tất cả các hoạt động Phiên lấy mẫu thuộc trách nhiệm của DCO theo quy định trong Tiêu chuẩn Quốc tế này về Thử nghiệm và Điều tra, tốt nhất là tại chỗ; và

c) Thực hiện thỏa đáng một Phiên lấy mẫu hoàn chỉnh tại chỗ dưới sự giám sát của một DCO đủ điều kiện hoặc tương đương. Yêu cầu liên quan đến việc thực sự lấy mẫu nước tiểu sẽ không được đưa vào các quan sát tại chỗ.

G. 4.4.3 Chương trình đào tạo cho Người giám hộ sẽ bao gồm tất cả các yêu cầu có liên quan của Phiên lấy mẫu bao gồm nhưng không giới hạn ở các tình huống liên quan đến Không tuân thủ. Vận động viên là Người chưa thành niên và/hoặc Vận động viên khuyết tật.

G.4.4.4 Cơ quan lấy mẫu lấy mẫu từ các Vận động viên có quốc tịch khác với Nhân viên lấy mẫu của mình (ví dụ: tại Giải đấu quốc tế hoặc trong bối cảnh Ngoài thi đấu) phải đảm bảo rằng Nhân viên lấy mẫu đó được đào tạo đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ của họ đối với các Vận động viên đó.

G.4.4.5 Cơ quan lấy mẫu sẽ lưu giữ hồ sơ về trình độ học vấn, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm của tất cả Nhân viên lấy mẫu.

G. 5 Yêu cầu - Công nhận, Tái công nhận và Ủy quyền

G.5.1 Cơ quan lấy mẫu phải thiết lập một hệ thống công nhận và tái công nhận Nhân viên lấy mẫu.

G.5.2 Cơ quan lấy mẫu phải đảm bảo rằng Nhân viên lấy mẫu đã hoàn thành chương trình đào tạo và quen thuộc với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc tế này về thử nghiệm và điều tra (bao gồm, khi áp dụng G.4.4.4, liên quan đến việc lấy mẫu từ các vận động viên có quốc tịch khác với Nhân viên lấy mẫu) trước khi cấp công nhận.

G. 5.3 Chứng nhận chỉ có hiệu lực tối đa là hai (2) năm. Nhân viên lấy mẫu phải trải qua đánh giá (lý thuyết và/hoặc thực hành) trước khi được tái chứng nhận và phải học lại toàn bộ chương trình đào tạo nếu họ chưa tham gia các hoạt động lấy mẫu trong năm trước khi tái chứng nhận.

G. 5.4 Chỉ những Nhân viên lấy mẫu có chứng nhận được Cơ quan lấy mẫu công nhận mới được phép tiến hành các hoạt động lấy mẫu thay mặt cho Cơ quan lấy mẫu.

G. 5.5 Cơ quan lấy mẫu phải xây dựng một hệ thống để giám sát hiệu suất của Nhân viên lấy mẫu trong thời gian chứng nhận, bao gồm cả việc xác định và triển khai các tiêu chí để thu hồi chứng nhận.

G.5.6 Các DCO có thể đích thân thực hiện bất kỳ hoạt động nào liên quan đến Phiên lấy mẫu, ngoại trừ việc lấy máu trừ khi có đủ điều kiện đặc biệt, hoặc họ có thể chỉ đạo một Người giám hộ thực hiện các hoạt động cụ thể nằm trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền của Người giám hộ theo quy định của Cơ quan lấy mẫu.

[*Chú giải về G.5.6: Do không cần chọc tĩnh mạch trong quá trình lấy mẫu máu khô, tại nhiều khu vực pháp lý, Mẫu máu khô có thể được DCO thu thập mà không cần BCO chuyên khoa nếu tuân thủ các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn trong môi trường chăm sóc sức khỏe và DCO được đào tạo phù hợp theo Phụ lục J.3.]*



PHỤ LỤC H - KIỂM TRA TẠI GIẢI ĐẤU

H. 1 Mục đích

Đảm bảo có quy trình cần tuân theo khi một *Tổ chức phòng, chống Doping* yêu cầu cấp phép tiến hành *Kiểm tra* tại một *Giải đấu* mà họ không thể đạt được thỏa thuận về *Kiểm tra* đó với cơ quan quản lý *Giải đấu*. Mục tiêu của WADA khi xem xét các yêu cầu đó là:

- a) Khuyến khích sự hợp tác và phối hợp giữa các *Tổ chức phòng, chống Doping* khác nhau để tối ưu hóa hiệu quả của các chương trình *Kiểm tra* tương ứng của họ;
- b) Đảm bảo rằng trách nhiệm của mỗi *Tổ chức phòng, chống Doping* được quản lý đúng cách; và
- c) Tránh gây rối và quấy rối hoạt động cho các *Vận động viên*.

H. 2 Phạm vi

Quy trình bắt đầu bằng việc *Tổ chức phòng, chống Doping* không chịu trách nhiệm khởi xướng hoặc chỉ đạo *Kiểm tra* tại một *Giải đấu* liên hệ với cơ quan quản lý *Giải đấu* bằng văn bản để xin phép tiến hành *Kiểm tra* và kết thúc bằng việc WADA đưa ra quyết định về việc ai sẽ chịu trách nhiệm tiến hành *Kiểm tra* tại *Giải đấu*.

H. 3 Trách nhiệm

Cả hai *Tổ chức phòng, chống Doping* xin phép tiến hành *Kiểm tra* tại một *Giải đấu* và cơ quan quản lý *Giải đấu* phải hợp tác và phối hợp *Kiểm tra* tại *Giải đấu* nếu có thể. Tuy nhiên, nếu không thể, thì cả hai *Tổ chức phòng, chống Doping* phải gửi lý do của mình cho WADA trong khung thời gian đã nêu. Sau đó, WADA có trách nhiệm xem xét các tình huống và đưa ra quyết định theo các thủ tục được nêu trong Phụ lục này.

H. 4 Yêu cầu

Bất kỳ *Tổ chức phòng, chống Doping* nào không chịu trách nhiệm khởi xướng và chỉ đạo *Kiểm tra* tại *Giải đấu* theo Điều 5.3.2 của *Bộ Luật*, nhưng vẫn muốn tiến hành *Kiểm tra* tại *Giải đấu* đó, trước khi liên hệ với WADA, phải yêu cầu cơ quan quản lý *Giải đấu* cấp phép bằng văn bản kèm theo lý do hỗ trợ đầy đủ.

H. 4.1 Yêu cầu như vậy phải được gửi đến cơ quan quản lý ít nhất ba mươi lăm (35) ngày trước khi *Giải đấu* bắt đầu (tức là ba mươi lăm (35) ngày trước khi bắt đầu Thời gian *thi đấu* theo quy định của Liên đoàn quốc tế phụ trách môn thể thao đó).

H. 4.2 Nếu cơ quan quản lý từ chối hoặc không trả lời trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, *Tổ chức phòng, chống Doping* yêu cầu có thể gửi đến WADA (kèm theo một bản sao cho cơ quan quản lý) một yêu cầu bằng văn bản với đầy đủ lý do hỗ trợ, mô tả rõ ràng về tình hình và tất cả các thư từ liên quan giữa cơ quan quản lý và *Tổ chức phòng, chống Doping* yêu cầu. Yêu cầu như vậy phải được WADA nhận được chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước khi *Giải đấu* bắt đầu.

H. 4.3 Khi nhận được yêu cầu như vậy, WADA sẽ ngay lập tức yêu cầu cơ quan quản lý nêu quan điểm của mình về yêu cầu và lý do từ chối. Cơ quan quản lý sẽ gửi cho WADA câu trả lời trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của WADA.

H. 4.4 Khi WADA nhận được câu trả lời của cơ quan quản lý hoặc nếu cơ quan quản lý không đưa ra câu trả lời trong vòng bảy (7) ngày, WADA sẽ đưa ra quyết định có lý do trong vòng bảy (7) ngày tiếp theo. Khi đưa ra quyết định, WADA sẽ xem xét, trong số những điều khác, những điều sau:

- a) Kế hoạch kiểm tra cho *Giải đấu*, bao gồm số lượng và loại Thử nghiệm được lên kế hoạch cho *Giải đấu*;
- b) Danh mục các *Chất cấm* mà các *Mẫu* được thu thập sẽ được phân tích;
- c) Chương trình chống doping tổng thể được áp dụng trong môn thể thao;



d) Các vấn đề hậu cần sẽ phát sinh khi cho phép *Tổ chức phòng, chống Dopng* yêu cầu tiến hành Thử nghiệm tại *Giải đấu*;

e) Bất kỳ lý do nào khác do *Tổ chức phòng, chống Dopng* yêu cầu và/hoặc cơ quan quản lý đưa ra để từ chối Thử nghiệm đó; và

f) Bất kỳ thông tin nào khác có sẵn mà WADA cho là có liên quan.

H. 4.5 Nếu một *Tổ chức phòng, chống Dopng* không phải là cơ quan quản lý của một *Giải đấu* tại quốc gia tổ chức *Giải đấu*, có hoặc nhận được thông tin tình báo về khả năng sử dụng doping của một *Vận động viên* sắp thi đấu tại *Giải đấu*, thì *Tổ chức phòng, chống Dopng* đó phải chia sẻ thông tin tình báo đó với cơ quan quản lý *Giải đấu* càng sớm càng tốt. Nếu cơ quan quản lý *Giải đấu* không có kế hoạch *Kiểm tra* và *Tổ chức phòng, chống Dopng* có thể tự mình tiến hành *Kiểm tra*, thì cơ quan quản lý *Giải đấu* phải đánh giá xem tổ chức đó hay *Tổ chức phòng, chống Dopng* có thể tiến hành *Kiểm tra* bất kể thông tin tình báo đó có được *Tổ chức phòng, chống Dopng* cung cấp trong thời hạn ba mươi lăm (35) ngày trước *Giải đấu* hay không. Nếu cơ quan quản lý *Giải đấu* không làm việc với *Tổ chức phòng, chống Dopng* đã cung cấp thông tin tình báo hoặc quyết định rằng tổ chức đó không thể tự mình tiến hành *Kiểm tra* hoặc không cho phép *Tổ chức phòng, chống Dopng* tiến hành *Kiểm tra* tại *Giải đấu*, thì *Tổ chức phòng, chống Dopng* phải thông báo ngay cho WADA.

H. 4.6 Nếu WADA quyết định rằng cần cấp phép *Kiểm tra* tại *Giải đấu*, theo yêu cầu của *Tổ chức phòng, chống Dopng* yêu cầu hoặc theo đề xuất của WADA, WADA có thể trao cho cơ quan quản lý khả năng tiến hành *Kiểm tra* như vậy, trừ khi WADA đánh giá rằng điều này không thực tế và/hoặc không phù hợp trong các trường hợp đó.

PHỤ LỤC I - THU THẬP, LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN MẪU HỒ SƠ SINH HỌC CỦA *VẬN ĐỘNG VIÊN*

1.1 Mục đích

Lấy mẫu máu của *Vận động viên* bằng cách chích tĩnh mạch, nhằm mục đích sử dụng để đo các biến số máu của từng *Vận động viên* trong khuôn khổ mô-đun huyết học của chương trình Hộ chiếu sinh học của *Vận động viên*, theo cách phù hợp với mục đích sử dụng đó. Các yêu cầu của Phụ lục này là các yêu cầu bổ sung cho các yêu cầu có trong Phụ lục D - Lấy mẫu máu tĩnh mạch.

1.2 Yêu cầu

1.2.1 Việc lập kế hoạch sẽ xem xét thông tin về nơi ở của *Vận động viên* để đảm bảo việc lấy mẫu không diễn ra trong vòng hai (2) giờ sau khi *Vận động viên* tập luyện, tham gia *Thi đấu* hoặc hoạt động thể chất tương tự khác. Nếu *Vận động viên* đã tập luyện hoặc *thi đấu* ít hơn hai (2) giờ trước thời điểm *Vận động viên* được thông báo về việc lựa chọn của họ, DCO hoặc Nhân viên lấy mẫu được chỉ định khác sẽ đi cùng *Vận động viên* cho đến khi thời hạn hai giờ này trôi qua.

1.2.2 Nếu Mẫu được thu thập trong vòng hai (2) giờ sau khi tập luyện hoặc *Thi đấu*, DCO sẽ ghi lại bản chất, thời lượng và cường độ gắng sức để cung cấp thông tin này cho APMU.

1.2.3 Mặc dù một Mẫu máu duy nhất là đủ trong khuôn khổ mô-đun huyết học của Hộ chiếu sinh học của *vận động viên*, nhưng nên thu thập thêm một Mẫu (B) để có thể phân tích tiếp theo các *Chất cấm* và *Phương pháp cấm* trong toàn bộ máu (ví dụ: phát hiện truyền máu tương đồng (HBT) và/hoặc chất chủ vận thụ thể erythropoietin (ERAS)).

1.2.4 Đối với Xét nghiệm *Ngoài thi đấu*, Mẫu nước tiểu A và B phải được thu thập cùng với Mẫu Hộ chiếu sinh học của *vận động viên* máu để cho phép Xét nghiệm phân tích ERAS trừ khi có lý do chính đáng khác theo chiến lược Xét nghiệm thông minh cụ thể.

[Chú giải cho mục 1.2.4: Hướng dẫn của WADA về Lấy mẫu phản ánh các giao thức này và bao gồm thông tin thực tế về việc tích hợp Xét nghiệm Hồ sơ Sinh học Vận động viên vào các hoạt động Xét nghiệm “truyền thống”. Một bảng đã được đưa vào Hướng dẫn của WADA về Lấy mẫu để xác định mốc thời gian cụ thể nào là phù hợp để giao mẫu khi kết hợp các loại phân tích cụ thể (ví dụ: Hồ sơ sinh học của vận động viên về máu và hormone tăng trưởng (GH), Hồ sơ sinh học của vận động viên về máu và HBT, v.v.) và loại Mẫu nào có thể phù hợp để vận chuyển đồng thời.]

1.2.5 Mẫu phải được làm lạnh từ khi thu thập cho đến khi phân tích, ngoại trừ trường hợp Mẫu được phân tích ngay sau khi thu thập. Quy trình lưu trữ là trách nhiệm của DCO.

1.2.6 Thiết bị lưu trữ và vận chuyển phải có khả năng duy trì Mẫu Hộ chiếu Sinh học *Vận động viên* máu ở nhiệt độ mát trong quá trình lưu trữ. Không được phép đông lạnh Mẫu máu toàn phần bất cứ lúc nào. Khi lựa chọn thiết bị lưu trữ và vận chuyển, DCO phải tính đến thời gian lưu trữ, số lượng Mẫu cần lưu trữ trong thiết bị và các điều kiện môi trường hiện hành (nhiệt độ nóng hoặc lạnh). Thiết bị lưu trữ phải là một trong những thiết bị sau:

- Tủ lạnh;
- Hộp làm mát cách nhiệt;
- Túi đẳng nhiệt; hoặc
- Bất kỳ thiết bị nào khác có các khả năng nêu trên.

1.2.7 Phải sử dụng máy ghi dữ liệu nhiệt độ để ghi lại nhiệt độ từ khi thu thập đến khi phân tích Mẫu, trừ khi Mẫu được phân tích ngay sau khi thu thập. Máy ghi dữ liệu nhiệt độ phải có khả năng:

- Ghi lại nhiệt độ theo độ C ít nhất một lần mỗi phút;
- Ghi lại thời gian theo giờ GMT;
- Báo cáo hồ sơ nhiệt độ theo thời gian ở định dạng văn bản với một dòng cho mỗi phép đo theo định dạng “YYYY-MM-DD HH:MM T”; và

d) Có ID duy nhất gồm ít nhất sáu ký tự.

1.2.8 Sau khi thông báo cho *Vận động viên* rằng họ đã được chọn để lấy *Mẫu* và sau khi DCO/BCO giải thích về quyền và trách nhiệm của *Vận động viên* trong quy trình lấy *Mẫu*, DCO/BCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* giữ nguyên tư thế ngồi thẳng, cố định, với hai chân đặt trên sàn trong ít nhất mười (10) phút trước khi lấy *Mẫu* máu. Nếu chân của *Vận động viên* không chạm được sàn và/hoặc tình trạng suy giảm của *Vận động viên* không cho phép đặt chân trên sàn, *Vận động viên* sẽ giữ nguyên tư thế ngồi thẳng, cố định.

[*Chú giải cho mục 1.2.8: Vận động viên không được đứng dậy bất kỳ lúc nào trong mười (10) phút trước khi lấy Mẫu. Việc để Vận động viên ngồi trong mười (10) phút ở phòng chờ rồi gọi Vận động viên vào phòng lấy máu là không được chấp nhận.*]

1.2.9 DCO/BCO sẽ thu thập và ghi lại các thông tin bổ sung sau đây trên *mẫu* bổ sung Hồ chiếu sinh học của *Vận động viên*, *mẫu Kiểm soát Doping* dành riêng cho Hồ chiếu sinh học của *Vận động viên* hoặc *mẫu báo cáo liên quan khác* do *Vận động viên* và DCO/BCO ký:

a) *Vận động viên* có ngồi ít nhất mười (10) phút với chân đặt trên sàn trước khi lấy máu không, theo Phụ lục 1.2.8?

b) *Mẫu* có được lấy ngay sau ít nhất ba (3) ngày liên tiếp của một *Cuộc thi* sức bền cường độ cao, chẳng hạn như một cuộc đua xe đạp theo chặng không?

c) *Vận động viên* có tham gia buổi tập luyện hoặc *Cuộc thi* nào trong hai (2) giờ trước khi lấy máu không?

d) *Vận động viên* có tập luyện, *thi đấu* hoặc cư trú ở độ cao lớn hơn 1.500 mét trong vòng hai (2) tuần trước đó không? Nếu có hoặc có nghi ngờ, tên và địa điểm nơi *Vận động viên* đã đến, ngày tháng và thời gian lưu trú của họ sẽ được ghi lại.

Độ cao ước tính phải được nhập, nếu biết.

e) *Vận động viên* có sử dụng bất kỳ hình thức mô phỏng độ cao nào như lều thiếu oxy, mặt nạ, v.v. trong hai (2) tuần trước không? Nếu có, cần ghi lại càng nhiều thông tin càng tốt về loại thiết bị và cách sử dụng (ví dụ: tần suất, thời gian, cường độ).

f) *Vận động viên* có được truyền máu trong ba (3) tháng trước không? Có bị mất máu do tai nạn, bệnh lý hoặc hiến máu trong ba (3) tháng trước không? Nếu có, cần ghi lại thể tích ước tính.

g) *Vận động viên* có tiếp xúc với bất kỳ điều kiện môi trường khắc nghiệt nào trong hai (2) giờ trước khi lấy máu không, bao gồm bất kỳ buổi nào trong môi trường nhiệt nhân tạo, chẳng hạn như phòng xông hơi khô? Nếu có, cần ghi lại thông tin chi tiết.

1.2.10 DCO/BCO sẽ khởi động máy ghi dữ liệu nhiệt độ và đặt vào thiết bị lưu trữ. Điều quan trọng là phải bắt đầu ghi nhiệt độ trước khi lấy *mẫu*.

1.2.11 Thiết bị lưu trữ phải được đặt tại trạm Kiểm soát Doping và phải được bảo quản an toàn.

1.2.12 DCO/BCO hướng dẫn *Vận động viên* chọn Thiết bị lấy *mẫu* theo Phụ lục D.4.6 và tiếp tục Phiên lấy *mẫu* theo Phụ lục D.4.7.

1.3 Quy trình lấy *mẫu*

1.3.1 Quy trình lấy *mẫu* để lấy máu phục vụ mục đích của *Hồ sơ sinh học của vận động viên* phải phù hợp với quy trình nêu trong Phụ lục D.4, bao gồm thời gian ngồi mười (10) phút (hoặc lâu hơn).

1.3.2 *Vận động viên* và DCO/BCO ký vào biểu *mẫu* bổ sung về *Kiểm soát Doping* và Hồ sơ sinh học của *Vận động viên*, nếu có.

1.3.3 *Mẫu* máu được niêm phong và gửi vào thiết bị lưu trữ có chứa máy ghi dữ liệu nhiệt độ.

1.4 Yêu cầu về vận chuyển

1.4.1 *Mẫu* máu phải được vận chuyển trong thiết bị duy trì tính toàn vẹn của *Mẫu* trong thời gian dài, do nhiệt độ bên ngoài thay đổi.



1.4.2 Quy trình vận chuyển là trách nhiệm của DCO. Thiết bị vận chuyển phải được vận chuyển bằng phương tiện an toàn sử dụng phương pháp vận chuyển được Cơ quan lấy mẫu cho phép.

1.4.3 Tính toàn vẹn của các Dấu hiệu được sử dụng trong mô-đun huyết học của *Hồ sơ sinh học của vận động viên* được đảm bảo khi Điểm ổn định máu (BSS) vẫn dưới tám mươi lăm (85), trong đó BSS được tính như sau:

$$\text{BSS} = 3 * \text{T} + \text{CAT}$$

với CAT là Thời gian từ thu thập đến Phân tích (tính bằng giờ) và T là Nhiệt độ trung bình (tính bằng độ C) được đo bằng máy ghi dữ liệu giữa thời điểm thu thập và phân tích *Mẫu*.

1.4.4 Trong khuôn khổ của BSS, bảng sau có thể được DCO/BCO sử dụng để ước tính thời gian vận chuyển tối đa đến Phòng xét nghiệm hoặc Phòng xét nghiệm ABP, được gọi là Thời gian thu thập đến khi tiếp nhận (CRT), đối với nhiệt độ trung bình nhất định (T), ví dụ, nếu vận chuyển ở nhiệt độ 4°C, thì CRT tối đa là 60 giờ:

T [°C]	CRT [giờ]
15	27
12	36
10	42
9	45
8	48
7	51
6	54
5	57
4	60

1.4.5 DCO/BCO phải vận chuyển *Mẫu* đến Phòng xét nghiệm hoặc Phòng xét nghiệm ABP càng sớm càng tốt.

1.4.6 Cơ quan xét nghiệm hoặc Cơ quan lấy mẫu phải báo cáo ngay cho ADAMS:

- Máy *Kiểm soát Doping*, theo Điều 4.9.1 b);
- Biểu *mẫu* bổ sung *Hồ sơ sinh học của vận động viên* và/hoặc thông tin bổ sung cụ thể cho *Hồ sơ sinh học của vận động viên* được thu thập trên biểu *mẫu* báo cáo liên quan;
- Trong Chuỗi giám sát, ID máy ghi dữ liệu nhiệt độ (không có bất kỳ tham chiếu thời gian nào) và múi giờ của địa điểm xét nghiệm theo GMT.

PHỤ LỤC J - THU THẬP, LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN MÁU MÁU KHÔ

J.1 Mục đích

Lấy máu của *Vận động viên* dưới dạng *Mẫu* máu khô theo cách đảm bảo:

- Phù hợp với các nguyên tắc liên quan của các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn được quốc tế công nhận trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe và được thu thập bởi một *Người* được đào tạo phù hợp, để sức khỏe và sự an toàn của *Vận động viên* và Nhân viên lấy mẫu không bị ảnh hưởng;
- Mẫu* có chất lượng và số lượng đáp ứng các yêu cầu phân tích có liên quan;
- Mẫu* không bị thao túng, thay thế, nhiễm bẩn hoặc bị can thiệp theo bất kỳ cách nào;
- Mẫu* được xác định rõ ràng và chính xác; và
- Mẫu* được niêm phong an toàn trong bộ dụng cụ chống can thiệp.

J.2 Phạm vi

Việc lấy *mẫu* máu khô bắt đầu bằng việc đảm bảo *Vận động viên* được thông báo về các yêu cầu lấy *mẫu* và kết thúc bằng việc bảo quản *Mẫu* đúng cách trước khi vận chuyển đến Phòng xét nghiệm sẽ phân tích *Mẫu*. *Mẫu* máu khô được lấy bằng cách chọc/rạch da để tiếp cận các mạch máu mao mạch (mạch máu nhỏ). Một *mẫu* máu khô bao gồm một loạt các thể tích nhỏ máu mao mạch, được lấy trong cùng một Phiên lấy mẫu và để khô trên giá đỡ *mẫu* thấm hút.

[*Chú giải cho J.2: Trong bối cảnh này, thuật ngữ “máu khô” dùng để chỉ Mẫu máu mao mạch được thu thập và để khô trên giá đỡ mẫu thấm hút, bao gồm Mẫu được lấy bằng cách “châm” máu mao mạch trực tiếp lên thẻ làm từ cellulose hoặc giá đỡ mẫu thấm hút khác làm từ cellulose hoặc vật liệu khác, cũng như các mẫu được lấy thông qua một thiết bị cụ thể có tích hợp kim siêu nhỏ/kim chích máu siêu nhỏ.*]

J.3 Trách nhiệm

Do không có kim chích tĩnh mạch trong quá trình lấy *mẫu* máu khô, nên *Mẫu* máu khô có thể được DCO lấy mà không cần BCO chuyên khoa nếu tuân thủ các biện pháp phòng ngừa tiêu chuẩn trong môi trường chăm sóc sức khỏe và DCO được đào tạo phù hợp. Các quy trình lấy *mẫu* máu khô phải phù hợp với các tiêu chuẩn và yêu cầu của quy định tại địa phương. DCO và/hoặc BCO có trách nhiệm:

- Lấy *mẫu* vết máu khô;
- Đảm bảo rằng mỗi *Mẫu* được nhận dạng và niêm phong đúng cách;
- Trả lời các câu hỏi có liên quan trong quá trình cung cấp *Mẫu*;
- Xử lý đúng cách thiết bị lấy *mẫu* vết máu khô đã mở nhưng chưa sử dụng hoặc các bộ phận thiết bị đã qua sử dụng không được niêm phong bằng giá đỡ *Mẫu* thấm; và
- Lưu trữ và gửi *Mẫu* đúng cách.

J.4. Yêu cầu đối với Thiết bị lấy *mẫu* máu khô

Thiết bị lấy *mẫu* máu khô phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Có thiết bị lấy *mẫu* dùng một lần (ví dụ: kim chích dùng một lần để sử dụng kết hợp với thẻ cellulose, thiết bị có tích hợp kim siêu nhỏ/kim chích siêu nhỏ) để chích/rạch và lấy máu mao mạch ở đầu ngón tay và/hoặc từ cánh tay trên (có thể cho phép các *vận động viên* khuyết tật về thể chất thực hiện các vị trí chích thay thế nếu cần);
- Giá đỡ *mẫu* thấm hút “A” và “B” phải cho phép lấy các chấm “A” và “B” riêng biệt (hoặc tương đương) với tổng lượng máu mao mạch tối thiểu khoảng 40 μ L tại các chấm “A” và tổng lượng máu mao mạch tối thiểu khoảng 20 μ L tại các chấm “B” và;

[*Chú giải cho J.4 (b): Tùy thuộc vào Thiết bị lấy mẫu máu khô được sử dụng, thể tích và số lượng chấm có thể thay đổi. Nếu một điểm có thể tích nhỏ (ví dụ: dưới 20 μ L), có thể kết hợp nhiều điểm để thực hiện Quy trình thử nghiệm phân tích bắt buộc, và*

c) Hộp đựng *mẫu* và/hoặc ống đựng/gói/vật chứa phải chứa chất hút ẩm để các điểm khô nhanh khi đã được niêm phong (mà không cần phải đợi trước khi niêm phong) và bảo vệ *mẫu* khỏi nguy cơ bị phân hủy sớm hoặc nhiễm bẩn.

[Chú giải về J.4: Có thể tìm thấy hướng dẫn bổ sung về Thiết bị lấy mẫu điểm máu khô trong Hướng dẫn lấy mẫu của WADA.]

J.5 Quy định về *mẫu* điểm máu khô

Các quy trình liên quan đến việc lấy máu phải phù hợp với các tiêu chuẩn và yêu cầu của quy định tại địa phương về các biện pháp phòng ngừa trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe khi các tiêu chuẩn và yêu cầu đó vượt quá các yêu cầu được nêu dưới đây.

J.5.1 DCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* được thông báo đầy đủ về các yêu cầu của việc lấy *mẫu*, bao gồm mọi sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi đối với *Vận động viên* khuyết tật và/hoặc tại Phụ lục B - Sửa đổi đối với *Vận động viên* vị thành niên.

J.5.2 DCO/Người giám hộ và *Vận động viên* phải đến khu vực sẽ lấy *mẫu*.

J.5.3 DCO/BCO phải đeo găng tay trong suốt quá trình lấy *mẫu* và cho đến khi *mẫu* được niêm phong.

J.5.4 DCO/Người giám hộ phải, nếu có thể, đảm bảo rằng *Vận động viên* rửa tay kỹ bằng nước trước khi lấy *mẫu*.

*[Chú giải về J.5.4: Bất kỳ dấu vết nào của bột talc, nhựa thông hoặc các sản phẩm khác mà *Vận động viên* sử dụng phải được vệ sinh kỹ lưỡng và có thể sử dụng miếng gạc hoặc tấm bông tẩm cồn nếu cần.]*

J.5.5 DCO/BCO phải đảm bảo rằng *Vận động viên* được cung cấp các điều kiện thoải mái để lấy *mẫu*.

*[Chú giải cho J.5.5: Yêu cầu *Vận động viên* phải ngồi ở tư thế đứng thẳng trong ít nhất 10 phút với chân đặt trên sàn như quy định trong Phụ lục D.4.5 trước khi cung cấp *Mẫu máu* không áp dụng trước khi cung cấp *Mẫu vết máu khô*]*

J.5.6 DCO/BCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* chọn Thiết bị lấy mẫu cần thiết để lấy *Mẫu* và kiểm tra xem thiết bị đã chọn có bị can thiệp hay không và mọi niêm phong đều còn nguyên vẹn. Nếu *Vận động viên* không hài lòng với thiết bị đã chọn, họ có thể chọn thiết bị khác. Nếu *Vận động viên* không hài lòng với bất kỳ thiết bị nào và không có thiết bị nào khác, điều này sẽ được DCO ghi lại. Nếu DCO không đồng ý với *Vận động viên* rằng tất cả các thiết bị có sẵn đều không đạt yêu cầu, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* tiến hành *Phiên* lấy *mẫu*. Nếu DCO đồng ý với *Vận động viên* rằng tất cả các thiết bị có sẵn đều không đạt yêu cầu, DCO sẽ chấm dứt việc thu thập các *Mẫu* máu khô và điều này sẽ được DCO ghi lại.

J.5.7 Khi đã chọn một bộ dụng cụ lấy *mẫu*, DCO và *Vận động viên* sẽ kiểm tra xem tất cả các số *Mã mẫu* có khớp nhau không và *Mã mẫu* này có được DCO ghi lại chính xác trên *Biểu mẫu Kiểm soát Doping* không. Nếu *Vận động viên* hoặc DCO thấy rằng các số không giống nhau, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* chọn một bộ dụng cụ khác. DCO sẽ ghi lại vấn đề này.

J.5.8 DCO/BCO sẽ đánh giá vị trí thích hợp nhất để chọc kim ở đầu ngón tay và/hoặc từ cánh tay trên mà không có khả năng ảnh hưởng xấu đến *Vận động viên* hoặc thành tích thể thao của họ (ví dụ: bàn tay/cánh tay không thuận). Đây phải là vị trí chọc kim không có bất kỳ vết chai, vết cắt, sẹo và hình xăm nào. DCO/BCO sẽ chọn một vị trí chọc kim thay thế phù hợp cho các *Vận động viên* bị khiếm khuyết về thể chất nếu có.

*[Chú giải cho J.5.8: DCO/BCO phải quyết định xem *Mẫu máu khô* sẽ được lấy từ tay/cánh tay phải hay trái. Tuy nhiên, họ không được lựa chọn giữa tay hoặc cánh tay, vì điều này phụ thuộc vào Thiết bị lấy mẫu mà SCA sử dụng.]*

J.5.9 DCO/BCO phải hướng dẫn *Vận động viên* làm ấm vị trí lấy *mẫu* bằng cách, ví dụ, rửa tay bằng nước ấm, lắc tay/cánh tay, xoa bóp vị trí chọc kim hoặc đặt tay/cánh tay vào chăn ấm hoặc tương đương.

J.5.10 DCO/BCO phải làm sạch da bằng miếng gạc hoặc miếng gạc tẩm cồn vô trùng. Không được sử dụng gel khử trùng. Sau khi da khô hoàn toàn, DCO/BCO phải lấy *Mẫu* máu mao mạch từ đầu ngón tay hoặc một vùng trên cánh tay trên bằng thiết bị lấy *mẫu* máu khô theo hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị.

Đối với *Mẫu* máu khô được lấy từ đầu ngón tay:

- a) Nên chọn ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn nếu có thể. Ngón út cũng có thể được chọn nhưng việc lấy máu có thể gây đau hơn;
- b) Nên chọc máu bằng kim chích, hơi chéch về phía bên ngoài của đầu ngón tay, ở đốt cuối cùng của ngón tay;
- c) Lưu lượng máu có thể tăng lên bằng cách nhẹ nhàng xoa bóp phần gần của ngón tay theo hướng xa. Tuy nhiên, nên tránh bóp hoặc ép ngón tay vì có thể gây tan máu và làm loãng *Mẫu*;
- d) Giọt máu đầu tiên phải được lau sạch bằng gạc/băng gạc vô trùng khô;
- e) Chỉ giọt máu tiếp xúc với giá đỡ *Mẫu* thấm máu khô, trong khi ngón tay không được chạm vào giá đỡ. Giọt máu không được bôi lên giá đỡ *Mẫu* thấm máu; và
- f) Chỉ được nhỏ một giọt máu cho mỗi điểm, vì nhỏ nhiều giọt vào cùng một điểm sẽ khiến *Mẫu* không đồng nhất.

Đối với *mẫu* máu khô Các *mẫu* được lấy từ cánh tay trên bằng thiết bị có tích hợp kim tiêm/kim chích máu:

g) DCO/BCO sẽ chịu trách nhiệm gắn và tháo thiết bị ra khỏi cánh tay của *Vận động viên*. *Vận động viên* được phép nhấn nút để kích hoạt kim siêu nhỏ/micro lancet sau khi đã nhận được hướng dẫn cần thiết từ DCO/BCO. Nếu không, DCO/BCO sẽ nhấn nút.

J.5.11 Thẻ tích máu mao mạch được lấy ra phải đủ để đáp ứng các yêu cầu phân tích có liên quan để thực hiện Phân tích *mẫu*, tức là tổng lượng máu mao mạch tối thiểu khoảng 40 μ L tại các điểm "A" và tổng lượng máu mao mạch tối thiểu khoảng 20 μ L tại các điểm "B" đối với Phương pháp Phân tích sắc ký khối phổ, các phân tích đặc biệt khác có thể yêu cầu thêm *Mẫu* và/hoặc tăng thẻ tích *Mẫu*.

J.5.12 DCO/BCO phải xác minh rằng máu mao mạch được lắng đọng trên giá đỡ *Mẫu* hấp thụ và một số lượng đủ các điểm trong *Mẫu* "A" và "B" (để tạo ra một lượng máu mao mạch đủ, như mô tả trong Phụ lục J.5.11) được bão hòa bằng máu.

J.5.13 Nếu thẻ tích máu mao mạch thu thập được từ *Vận động viên* ở lần thử đầu tiên không đủ, DCO/BCO sẽ lặp lại quy trình này tối đa là ba (3) lần thử. Nếu cả ba (3) lần thử đều không tạo ra đủ thẻ tích máu mao mạch, DCO sẽ chấm dứt việc thu thập các *mẫu* máu khô và ghi lại lý do chấm dứt. Nếu cần nhiều hơn một lần thử, DCO/BCO sẽ chọn một vị trí chọc kim khác. Da sẽ được làm sạch và một kim chích/thiết bị lấy *mẫu* mới sẽ được sử dụng để chọc kim vào da.

[*Chú giải về J.5.13: Một lần thử được định nghĩa là hành động chọc kim vào da, tức là chỉ khi kim chích hoặc kim siêu nhỏ/micro lancet đã được gắn vào và chọc vào da.*]

J.5.14 Sau khi thu thập, DCO/BCO sẽ ấn vào vị trí chọc kim hoặc yêu cầu *Vận động viên* thực hiện. Sau đó, DCO/BCO sẽ áp dụng một hoặc nhiều biện pháp băng bó.

J.5.15 DCO/BCO sẽ xử lý các thiết bị đã qua sử dụng không được niêm phong bằng giá đỡ *Mẫu* thấm hút theo các tiêu chuẩn địa phương bắt buộc về xử lý máu.

J.5.16 Nếu *Mẫu* cần xử lý thêm tại chỗ, chẳng hạn như tháo giá đỡ *Mẫu* thấm hút (ví dụ: giấy cellulose, hộp mực) khỏi thiết bị thu thập, DCO/BCO sẽ thực hiện việc này rồi chuyển *Mẫu* vào bộ dụng cụ Chống giả mao. *Vận động viên* sẽ ở lại khu vực thu thập và quan sát *Mẫu* của mình cho đến khi *Mẫu* được niêm phong trong bộ dụng cụ Chống giả mao.

J.5.17. *Vận động viên* phải niêm phong *Mẫu* của mình trong bộ dụng cụ Chống giả mao theo chỉ dẫn của DCO. Trước sự chứng kiến của *Vận động viên*, DCO phải *kiểm tra* xem việc niêm phong có đạt yêu cầu không. *Vận động viên* và DCO/BCO phải ký vào biên bản lấy *mẫu*; và

J.5.18 *Mẫu* vết máu khô đã niêm phong có thể được bảo quản ở nhiệt độ phòng và phải được bảo quản theo cách giảm thiểu khả năng *Mẫu* bị phân hủy do các yếu tố như chậm trễ về thời gian, tiếp xúc với ánh sáng và nhiệt độ thay đổi khắc nghiệt.

J.6 Yêu cầu về Vận chuyển

J.6.1 *Mẫu* vết máu khô phải được vận chuyển theo Điều 9.1 đến 9.3, với các thông số kỹ thuật sau:

- a) *Mẫu* vết máu khô có thể được vận chuyển như vật liệu không nguy hiểm bằng dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc thư thường, tùy thuộc vào bất kỳ quy định nào hiện hành;
- b) Mặc dù các hộp đựng *Mẫu* phải trong suốt, nhưng nên vận chuyển *Mẫu* vết máu khô trong hộp/túi vận chuyển không trong suốt để bảo vệ *Mẫu* khỏi tiếp xúc với ánh sáng; và
- c) Các *mẫu* máu khô có thể được vận chuyển ở nhiệt độ phòng. Nếu thu thập các *mẫu* máu khác (ví dụ: *Mẫu hồ sơ sinh học của vận động viên về máu*) trong cùng một Phiên lấy mẫu, các *mẫu* máu khô cũng có thể được vận chuyển trong tủ lạnh.

PHỤ LỤC K - LẤY MẪU NƯỚC TIỂU TRONG MÔI TRƯỜNG ẢO TRONG ĐẠI DỊCH¹

K.1 Mục đích

Nhằm cung cấp quy trình lấy *mẫu* đã sửa đổi trong môi trường ảo mà chỉ có thể được triển khai trong thời gian xảy ra đại dịch và/hoặc dịch bệnh quốc gia khi các hạn chế về sức khỏe của chính quyền địa phương hoặc quốc gia cho phép thông báo trực tiếp cho *Vận động viên* nhưng hạn chế việc thu thập trực tiếp *mẫu* nước tiểu của DCO.

[Chú giải về K.1: Khả năng lấy mẫu trong thời gian xảy ra đại dịch có thể khác nhau giữa các quốc gia dựa trên cách tiếp cận quốc gia đối với đại dịch và/hoặc dịch bệnh quốc gia, bao gồm luật quốc tế, quốc gia và khu vực hiện hành. Do đó, việc lấy mẫu trong môi trường ảo không phải là bắt buộc. Trước khi xem xét việc triển khai lấy mẫu trong môi trường ảo, ADO nên liên hệ với các cơ quan y tế và quyền riêng tư dữ liệu quốc gia có thẩm quyền. Nếu ADO có thể tiến hành lấy mẫu trong môi trường ảo trong những trường hợp được Phụ lục K này cho phép, thì các quy trình lấy mẫu đã sửa đổi được nêu trong Phụ lục này, đặc biệt là tuân thủ các tiêu chuẩn bổ sung được tham chiếu trong Phụ lục K.3.1 và K.3.2, là bắt buộc. Hướng dẫn bổ sung về cách thực hiện một số yêu cầu được nêu trong Phụ lục này được cung cấp trong Hướng dẫn xét nghiệm trong thời gian đại dịch.]

K.2 Phạm vi

Quy trình bắt đầu bằng việc DCO thông báo cho *Vận động viên* tại địa điểm xét nghiệm và trao cho *Vận động viên* một gói Thiết bị lấy *mẫu* và kết thúc bằng việc DCO lấy *mẫu* đã niêm phong và tài liệu lấy *mẫu* tương ứng từ *Vận động viên* tại địa điểm thông báo cho *Vận động viên* về việc họ được lựa chọn để Xét nghiệm và yêu cầu cung cấp *Mẫu* hoặc tại một địa điểm khác mà DCO và *Vận động viên* sẽ thống nhất.

K.3 Trách nhiệm

K.3.1 Trong thời gian xảy ra đại dịch và/hoặc dịch bệnh toàn quốc, tất cả các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải tuân theo lời khuyên của chính phủ quốc gia và các cơ quan y tế để đảm bảo sức khỏe và sự an toàn của các *Vận động viên* và Nhân viên lấy mẫu được bảo vệ. Các yêu cầu cụ thể phải được xem xét từ bất kỳ luật quốc tế, quốc gia và khu vực có liên quan nào khi xem xét việc thực hiện các quy trình lấy *mẫu* (ví dụ: các biện pháp an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bắt buộc hoặc được khuyến nghị như giãn cách xã hội, rửa tay, đeo khẩu trang, tiêm chủng, v.v.)

K.3.2 Trước khi thực hiện, các *Tổ chức phòng, chống Doping* phải đánh giá các quy trình lấy *mẫu* đã sửa đổi trong môi trường ảo, bao gồm bất kỳ hệ thống CNTT nào được chọn và bất kỳ Đại lý bên thứ ba nào tham gia vào các quy trình hoặc hệ thống CNTT đó, theo các yêu cầu của *Tiêu chuẩn Quốc tế* về Bảo vệ quyền riêng tư và Thông tin cá nhân và luật hiện hành, chẳng hạn như bảo vệ quyền riêng tư/dữ liệu và nếu cần thiết, phải thực hiện các biện pháp vật lý, tổ chức, kỹ thuật và các biện pháp khác phù hợp để giảm thiểu rủi ro về quyền riêng tư và bảo mật thông tin được xác định trong quá trình đánh giá đó.

K.3.3. DCO có trách nhiệm cung cấp hướng dẫn cho *Vận động viên* từ thời điểm thông báo trực tiếp và sau đó là thông qua hệ thống CNTT được sử dụng, và mỗi *Mẫu* được thu thập, xác định, ghi chép, niêm phong đúng cách và tính toàn vẹn của *Mẫu* được duy trì trong suốt quá trình thu thập và niêm phong ảo.

¹ Theo tuyên bố của Tổ chức Y tế Thế giới. Ngoài ra, ADO sẽ cân nhắc thực hiện việc lấy *mẫu* trong môi trường ảo khi chính phủ quốc gia tuyên bố đại dịch quốc gia tại một quốc gia hoặc khu vực cụ thể.

K.4 Yêu cầu

K.4.1 Khi liên hệ ban đầu, DCO sẽ thông báo cho *Vận động viên* tại địa điểm xét nghiệm rằng họ được yêu cầu phải trải qua quá trình lấy *mẫu*. Thông báo cho *Vận động viên* phải tuân theo Điều 5.4.1.

K.4.2 DCO sẽ đảm bảo rằng *Vận động viên* được thông báo rằng quy trình thu thập và niêm phong *Mẫu* sẽ được tiến hành trong môi trường ảo trong Phiên lấy *mẫu* của họ, bao gồm mọi sửa đổi theo quy định tại Phụ lục A - Sửa đổi cho *Vận động viên* khuyết tật và/hoặc Phụ lục B - Sửa đổi cho *Vận động viên* là *Trẻ vị thành niên*.

K.4.3 DCO sẽ hoàn thành phần 'Thông báo cho *vận động viên*' của tài liệu lấy *mẫu* (bằng giấy hoặc điện tử) và *Vận động viên* sẽ ký vào đó để xác nhận và chấp nhận thông báo. Nếu *Vận động viên* từ chối ký rằng họ đã được thông báo hoặc trốn tránh thông báo, DCO sẽ, nếu có thể, thông báo cho *Vận động viên* về Hậu quả của việc Không tuân thủ. DCO sẽ ghi lại các *Giải đấu* trong một báo cáo chi tiết và báo cáo các tình huống cho Cơ quan Kiểm tra. Cơ quan Kiểm tra sẽ làm theo các bước được quy định trong Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.

K.4.4 DCO sẽ bắt đầu kết nối video và âm thanh hai chiều thông qua hệ thống CNTT đã chọn (ví dụ: máy tính bảng, điện thoại di động hoặc camera đeo *Người*) với thiết bị gắn hỗ trợ (nếu có) và cung cấp cho *Vận động viên*. DCO sẽ thông báo cho *Vận động viên* rằng họ phải ở trên camera với DCO thông qua hệ thống CNTT trong suốt thời gian của Phiên lấy *mẫu*. DCO cũng sẽ thông báo cho *Vận động viên* rằng chức năng ghi đã bị vô hiệu hóa hoàn toàn.

K.4.5 Sau đó, DCO sẽ cung cấp cho *Vận động viên* gói bao gồm Thiết bị lấy *mẫu*, các thiết bị hỗ trợ khác như dải theo dõi nhiệt độ và tài liệu liên quan. DCO sẽ thông báo cho *Vận động viên* tiến hành mang Thiết bị lấy *mẫu* đến một địa điểm lấy *mẫu* phù hợp, riêng tư và nơi Phiên lấy *mẫu* có thể tiếp tục. DCO cũng sẽ đảm bảo rằng họ ở một địa điểm riêng tư.

K.4.6 Khi *Vận động viên* ở vị trí Lấy *mẫu* nơi Phiên lấy *mẫu* sẽ được tiến hành, DCO, được kết nối ảo qua hệ thống CNTT, sẽ hướng dẫn *Vận động viên*:

a) Xác nhận xem có đại diện *Vận động viên* nào có mặt cùng *Vận động viên* tại địa điểm Lấy *mẫu* hay không;

b) Hiện thị cho DCO qua camera qua hệ thống CNTT địa điểm Lấy *mẫu* đã chọn nơi Phiên lấy *mẫu* sẽ được tiến hành; và

c) Xác nhận chất lượng âm thanh và hình ảnh đạt yêu cầu của hệ thống CNTT được sử dụng.

K.4.7. DCO sẽ xác nhận với *Vận động viên* rằng DCO cũng sẽ có mặt trên camera trong suốt thời gian của Phiên lấy *mẫu* và Phiên lấy *mẫu* không được ghi lại.

K.4.8 Sau đó, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* đặt hệ thống CNTT ở vị trí mà DCO có thể nhìn thấy *Vận động viên* (bao gồm cả phần thân trên và bàn tay) và có thể nhìn thấy toàn bộ Thiết bị lấy *mẫu*.

K.4.9 *Vận động viên* sẽ đặt nội dung của gói hàng có Thiết bị lấy *mẫu*, các thiết bị hỗ trợ và tài liệu trên một bề mặt ổn định tại vị trí lấy *mẫu* mà DCO có thể nhìn thấy toàn bộ.

K.4.10 *Vận động viên* sẽ hoàn thành phần 'Thông tin *vận động viên*' của tài liệu lấy *mẫu* (dưới dạng giấy hoặc điện tử) với sự hỗ trợ của DCO.

K.4.11 DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* chọn bình đựng *mẫu* theo Phụ lục c.4.3. Sau đó, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* dán dải theo dõi nhiệt độ vào bên ngoài bình đựng *mẫu*.

K.4.12 Khi *Vận động viên* đã sẵn sàng cung cấp *Mẫu* nước tiểu, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* di chuyển đến khu vực nhà vệ sinh và cho DCO xem qua camera khu vực nhà vệ sinh mà họ sẽ cung cấp *Mẫu*. DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* về vị trí tốt nhất để đặt hệ thống CNTT trong quá trình cung cấp *Mẫu*. Bất kỳ điều gì đáng ngờ, ví dụ như các *Mẫu* nước tiểu khác hoặc đồ dùng doping trong khu vực nhà vệ sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến việc lấy *mẫu*, DCO sẽ ghi lại chi tiết.

K.4.13 DCO cũng sẽ thông báo cho *Vận động viên* rằng việc cung cấp *Mẫu* sẽ không được chứng kiến trực tiếp như bình thường, tức là DCO quan sát *Mẫu* nước tiểu trực tiếp rời khỏi cơ thể họ, tuy nhiên, *Vận động viên* sẽ được quan sát liên tục thông qua hệ thống CNTT trong

khu vực nhà vệ sinh. Camera sẽ được đặt ở vị trí trong khu vực nhà vệ sinh để DCO có thể quan sát toàn bộ phần thân trên của *Vận động viên* (tức là từ eo đến đỉnh đầu) và cánh tay trong khi họ đang chờ cung cấp *Mẫu* và/hoặc trong quá trình cung cấp *Mẫu*.

K.4.14 *Vận động viên* phải được nhắc nhở về tầm quan trọng của việc phải ở trên máy quay trong quá trình cung cấp *mẫu* và được thông báo về Hậu quả có thể xảy ra nếu Không tuân thủ. Bất kỳ sự mất kết nối nào cũng phải được ghi lại bao gồm thời gian và thời lượng chính xác, cũng như bất kỳ *Nỗ lực* kết nối lại nào và giải thích từ *Vận động viên*. Nếu *Vận động viên* không xuất hiện trong trường nhìn của máy quay hoặc *Mẫu* sau khi được *Vận động viên* cung cấp không xuất hiện trong trường nhìn của máy quay và nếu các tình huống được DCO coi là đáng ngờ, DCO sẽ xem xét thu thập thêm *Mẫu* từ *Vận động viên*. DCO sẽ ghi lại các *Giải đấu* trong một báo cáo chi tiết và báo cáo các tình huống cho Cơ quan Kiểm tra.

[*Chú giải về K.4.12 và K.4.14: Nếu phù hợp, Cơ quan Kiểm tra sẽ thực hiện theo các bước được quy định trong Phụ lục A - Xem xét khả năng Không tuân thủ Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý kết quả.*]

K.4.15 Sau khi *Vận động viên* cung cấp đủ thể tích nước tiểu theo yêu cầu, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* cho họ xem bình đựng có thang đo thể tích trên camera để xác nhận rằng đã cung cấp đủ Thể tích nước tiểu phù hợp để phân tích. Trong trường hợp thể tích nước tiểu do *Vận động viên* cung cấp không đủ, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* thực hiện theo quy trình lấy *mẫu* một phần theo Phụ lục E - *Mẫu nước tiểu* - Thể tích không đủ.

K.4.16. Sau khi nắp bình đựng *mẫu* đã được cố định, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* trong khu vực nhà vệ sinh cho xem dải đo nhiệt độ trên camera để DCO có thể xác nhận nhiệt độ của *Mẫu nước tiểu*.

K.4.17 *Vận động viên* sẽ rời khỏi khu vực nhà vệ sinh và quay lại địa điểm lấy *Mẫu*, đảm bảo họ giữ *Mẫu* của mình hiển thị trên camera. Khi quay lại địa điểm lấy *Mẫu*, *Vận động viên* sẽ đặt camera ở cùng vị trí như lúc bắt đầu quy trình để DCO có thể nhìn thấy toàn bộ *Mẫu* của họ cho đến khi *Mẫu* được niêm phong.

K.4.18 DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* thực hiện quy trình lựa chọn và mở bộ dụng cụ lấy *Mẫu* chứa các chai A và B theo Phụ lục C.4.3 và Phụ lục C.4.12. *Vận động viên* sẽ cho DCO xem số mã *Mẫu* và DCO sẽ ghi lại số mã này (và xác nhận sau khi nhận được *Mẫu*).

K.4.19 *Vận động viên* sẽ tiến hành chia *Mẫu* thành các chai A và B và niêm phong các chai A và B trước sự chứng kiến của DCO theo Phụ lục C.4.13 và C.4.14.

K.4.20 Sau khi *Vận động viên* hoàn tất việc niêm phong các chai A và B, *Vận động viên* sẽ kiểm tra nước tiểu còn lại trong bình đựng để xác định xem *Mẫu* có Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích hay không với sự hỗ trợ của DCO. Khi *Mẫu nước tiểu* không đáp ứng yêu cầu về Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích, DCO sẽ hướng dẫn *Vận động viên* thực hiện các quy trình thích hợp theo Phụ lục F - *Mẫu nước tiểu* không đáp ứng yêu cầu về Trong lượng riêng thích hợp để Phân tích.

K.4.21 *Vận động viên* sẽ hoàn thành hồ sơ lấy *mẫu* với sự hỗ trợ của DCO. *Vận động viên* và DCO sẽ ký vào hồ sơ thích hợp để thể hiện sự hài lòng của họ rằng hồ sơ phản ánh chính xác các chi tiết của Phiên lấy *mẫu*. DCO sẽ đảm bảo rằng *Vận động viên* được khuyến nên giữ một bản sao của tài liệu lấy *mẫu* (nếu ở dạng giấy) hoặc rằng *Vận động viên* nhận được một bản sao của tài liệu lấy *mẫu* (nếu ở dạng điện tử).

K.4.22 Sau khi hoàn tất, DCO sẽ yêu cầu *Vận động viên* đóng gói *Mẫu*, tất cả Thiết bị lấy *mẫu* và tài liệu và gặp DCO tại địa điểm ban đầu mà *Vận động viên* đã được thông báo hoặc một địa điểm đã thỏa thuận.

K.4.23 *Vận động viên* sẽ ở lại trước máy quay cho đến khi họ kết thúc Phiên lấy *mẫu* và họ gặp DCO trực tiếp.

K.4.24 DCO, sau khi nhận được thiết bị và tài liệu theo yêu cầu từ *Vận động viên*, sẽ tiến hành xem xét tất cả Thiết bị lấy *mẫu*, thiết bị hỗ trợ và tài liệu, và xác nhận bằng văn bản rằng tài liệu lấy *mẫu* và *Mẫu* tương ứng đã được đính kèm.